H.T THÍCH THANH TỪ

HOA VÔ ƯU

Tập 6

MỤC LỤC

Lời đầu sách
Nghiệp duyên
Mục đích tu thiền
Người mê kẻ tỉnh, thương mình khác nhau chỗ nào?
Thần thông bất năng địch nghiệp
Hoa hay là rác?
Khéo chọn con đường tốt
Phật hóa hữu duyên nhân
Vui nào tạm bợ, vui nào chân thật
Ý nghĩa chữ tu
Ai thực tế hơn ai?

LỜI ĐẦU SÁCH

Quyển Hoa Vô Ưu này được kết tập từ các bài giảng của Hòa thượng Viện chủ Thiền viện Thường Chiếu Thích Thanh Từ.

Trong đó, gồm một số bài Hòa thượng được thỉnh giảng cho sinh viên một số trường Đại học ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, một số bài Hòa thượng thường giảng cho Tăng Ni, Phật tử các nơi và tại các Thiền viện.

Để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp thiền và hâm mộ tu thiền của Tăng Ni, Phật tử nhưng chưa đủ điều kiện tu học trực tiếp nơi Hòa thượng, chúng tôi trình xin ý kiến của Ngài và được Ngài hoan hỉ cho biên tập lại các bài giảng trên.

Tuy nhiên, vì là văn nói nên tập sách không sao tránh khỏi sự trùng lặp tất yếu của nó. Rất mong độc giả đạt ý quên lời. Được thế, hi vọng tập sách sẽ đến tay quí vị với những lợi ích thiết thực nhất.

Như vậy, chúng ta có thể tìm hiểu thâm nhập và hành trì pháp thiền. Đồng thời trên bước đường tu học, chúng ta có thêm bạn đồng hành luôn cảm thông với chúng ta.

Mùa Hạ năm Tân Tỵ

Thường Chiếu, ngày 24-08-2001

THÍCH NHẬT QUANG

NGHIỆP DUYÊN

Chùa Cổ Châu - Bắc Ninh năm 2001

Đề tài chúng tôi nói hôm nay là Nghiệp duyên, qua đó cho thấy người Việt Nam đã thấm nhuần tinh thần Phật giáo đến tận xương tủy, chớ không phải hời hợt ngoài da.

Trước tiên, tôi giải nghĩa chữ "nghiệp". Như trong truyện Kiều, cụ Nguyễn Du đã mở đầu bằng hai câu:

Đã mang lấy nghiệp vào thân,

Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.

Chỉ hai câu đó thôi, chúng ta thấy cụ Nguyễn Du đã thâm nhập rất sâu ý nghĩa nghiệp của đạo Phật. Bởi vì với quần chúng bình dân, lâu nay khi gặp những hoàn cảnh bất hạnh đến dồn dập, thì luôn thán oán đất trời đã làm cho họ khổ. Nhưng với cái nhìn của cụ Nguyễn Du, không phải trời đất làm cho mình khổ, mà chính nghiệp của mình làm cho ta sướng hay khổ. Biết được nghiệp ấy rồi, tự mình chuyển hóa bằng cách tu tập sửa đổi, chớ không nên than trời trách đất. Đó là một lẽ thật.

Con người luôn có bệnh đổ thừa, không chịu trách nhiệm. Mình làm gì không tốt không hay, đến khi cảnh khổ dồn dập tới thì đổ tại trời khiến, Phật xui, mà không chịu nhận tại mình. Ta làm không tốt nên quả không tốt đến là một điều hiển nhiên hợp lý thôi. Vậy mà mình cũng oán trách trời đất mới lạ chứ!

Học hiểu đạo rồi, chúng ta phải chuyển đổi nghiệp xấu thành tốt, cái dở thành cái hay, đó là tu. Đừng thán oán trách trời, trách đất mà phải trách mình trước tiên. Những gì mình đã làm, ngày nay kết quả đến đúng như hành động của mình, không sai chạy. Người không khéo tu, không nói lành, làm lành, nghĩ lành nên mọi người chung quanh ghét bỏ. Khi bị mọi người ghét kẻ ấy lại đổ thừa tại trời xui, Phật khiến cho người ta ghét mình. Có phải vô lý không?

Cho nên khi thấy người ta không thương mình thì phải tìm lý do tại sao như vậy. Vì mình không tốt, không giúp đỡ ai hết làm sao người ta thương mến gần gũi được. Như vậy đâu phải Phật trời xui khiến. Thế mà lâu nay chúng ta đổ thừa, thán oán Phật trời, như vậy có đúng không? Đó là chỗ sai lầm do không hiểu biết đúng mà ra.

Với Nguyễn Du, cụ đã thấy rõ điều đó nên không ngạc nhiên với chuyện tốt xấu lành dữ của mỗi người. Do nghiệp chi phối dẫn dắt mà có các cảnh tốt xấu, chớ không phải một đấng thần linh nào tạo ra. Sự thật tất cả đều do con người, tự làm rồi tự chịu. Vì vậy người Việt Nam bình dân khi thấy ai khổ thường nói "tội nghiệp quá". Hai chữ tội nghiệp nói lên ý xót thương người kia vì mê lầm tạo tội lỗi, bây giờ bị quả báo phải trả nghiệp nên chịu khổ đau. Rõ ràng tinh thần nhân quả của đạo Phật đã thấm tận xương tủy dân ta.

Nếu thấy những người sanh ra trong gia cảnh tốt, khá giả, con cháu học hành đỗ đạt, thăng quan tiến chức, thì người ta hay mượn câu ca dao này để khen ngợi:

Bởi chưng kiếp trước khéo tu,

Ngày nay con cháu võng dù nghênh ngang.

Võng dù đó không phải ngẫu nhiên được, mà do trước kia khéo tu, đã tạo nghiệp lành, tạo phước đức nên ngày nay con cháu mới được thừa hưởng như thế, chớ đâu phải chuyện ngẫu nhiên. Kẻ không biết lý nghiệp báo của đạo Phật, cứ đổ thừa oán trách trời đất, xã hội bất công. Nhưng sự thật gốc từ mình ra, chớ không phải bên ngoài đến. Ta không khéo, không tạo nhân tốt nên phải khổ. Bây giờ tự biết điểm dở của mình, cố gắng sửa thì sẽ hết. Nên nhớ nghiệp từ lời nói, hành động, ý nghĩ mà ra nên ta phải thường xuyên quán sát ba nghiệp của mình. Lời nói, hành động, ý nghĩ xấu tạo thành nghiệp ác, thì sẽ chuốc quả ác. Lời nói, hành động, ý nghĩ tốt tạo thành nghiệp lành thì được hưởng quả tốt.

Như vậy nghiệp có thể chuyển đổi được. Như ta biết mọi người ghét mình vì lời nói không hay, cộc cằn. Bây giờ muốn mọi người thương, ta sửa lại nói những lời hiền lành, dịu dàng, hòa nhã. Như vậy chuyển ghét thành thương là chuyển khẩu nghiệp hoặc thân nghiệp của mình. Miệng đã làm cho người ghét, thì bây giờ cũng chính miệng đổi lại làm cho người thương, chớ cứ đổ thừa trời đất thì biết chừng nào ta mới sửa đổi những thói hư tật xấu của mình. Thấy người ta ghét nói tại trời khiến như thế thì sẽ không bao giờ sửa lỗi. Biết vậy rồi chúng ta chuyển đổi lại, bỏ những lời hung ác dữ dằn, nói lời hiền hòa đức hạnh thì tự nhiên mọi người chung quanh sẽ thương mến. Đó là người khéo tu.

Chúng ta nhìn nhận nghiệp do mình làm nên có các quả khổ thì mới sửa đổi được. Còn đổ thừa cho trời thì vô phương cứu chữa, bởi biết trời ở đâu mà tìm để xin sửa. Đó là lẽ thật. Như ý mình ganh ghét người này oán thù kẻ nọ thì chắc chắn người ta không thương mình được. Bây giờ muốn người ta thương thì mình phải chân thành thương mến mọi người. Chân thành nghĩ điều lành, làm việc lành, giúp đỡ mọi người, không oán ghét ai thì làm gì có chuyện người ta ghét mình.

Nghiệp từ thân, miệng, ý mà ra thì cũng phải từ thân, miệng, ý mà thay đổi. Có thay đổi là biết tu, không thay đổi là không biết tu. Vậy tu là chuyển ba nghiệp ác thành

ba nghiệp thiện, chớ không có gì khác. Cụ Nguyễn Du đã thấy rõ lẽ đó, nên mới nói:

Đã mang lấy nghiệp vào thân,

Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.

Không phải trời phạt, không phải trời hành mà chính nghiệp ác mình gây ra khiến cho ta phải khổ. Các bậc Cổ đức xưa kia đã hiểu được đạo Phật một cách thấu đáo nên răn dạy con cháu rất nhiều về điều này. Ngày nay nhiều khi chúng ta nói những câu nghe rất thâm nhập đạo lý, nhưng bản thân lại không biết chân giá trị đạo lý đó, nên ít khi nào chấp nhận hoàn cảnh hiện thực mình đang sống. Như khi nghe người ta nói xấu về mình, liền nổi sân đùng đùng mà không chịu nghĩ lại tại sao người ta nói xấu mình? Nếu không có cái gì oán hờn với mình thì gặp ta họ chửi mắng làm gì cho sanh chuyện? Cũng tại ta thế nào nên thiên hạ mới tức giận nói xấu mình. Nếu xét nét như vậy, ta sẽ không giận dữ lên mà còn dịu giọng với người kia: Anh chị nhớ xem tôi đã làm gì cho anh chị phiền lòng, xin cho biết để tôi sửa đổi lại. Nghe thế, ai còn giận mình nữa. Như vậy có phải đổi dữ làm lành không? Còn người ta đã tức, đã giận mà mình phản đối lại thì họ càng tức giận thêm. Nghiệp chồng lên nghiệp, oan oan tương báo, biết bao giờ mới hết.

Cho nên xóm giềng mếch lòng nhau phần nhiều là tại hiểu lầm. Rồi không ai chịu nghe ai, nên cứ phản đối, làm khổ cho nhau. Những lời nói vô nghĩa mà mình chụp lấy để cãi lại thì thật là nóng nảy dại dột làm sao! Thí dụ người ta mắng "bố mầy", mình liền giận lên, muốn tát tai người ta. Nhưng xét kỹ lại, họ nói bố mầy lẽ ra ta phải cảm ơn chứ: "Cảm ơn anh nhắc đến bố tôi." Nói "bố mầy" chớ có gì đâu mà giận dữ vậy, có phải người ta hay làm khổ cho nhau một cách vô lý không?

Nghe nói "bố mầy", nghĩ rằng người ta nhắc tới bố mình thì tốt quá, có gì phải giận, thế là mọi chuyện đều tốt đẹp. Đó là những lẽ thật lợi ích vô cùng, mà chúng ta lại không hiểu. Động tới thì la, động tới thì cãi nhau mà không chịu nhìn cho tường tận lẽ thật của sự việc. Từ những chuyện nhỏ người ta cứ gây sự để trở thành chuyện lớn. Do đó Phật bảo chúng sanh si mê rất đáng thương xót lắm vậy!

Chúng ta học Phật là để có cái nhìn đúng lẽ thật, không nên nhìn một cách hời hợt bên ngoài, rồi sanh ra những ý niệm hơn thua, phải quấy, tranh đấu vô ích. Phải thấy được lẽ thật của cuộc đời như vậy, để chúng ta tu sửa cho mình và giúp mọi người có cuộc sống an lạc thảnh thơi trong hiện đời, mà cũng là biết lo cho đời sau của mình được tốt đẹp hơn.

Gần đây có nhiều người nói nhịn là ngu. Nhưng xét kỹ nhịn có ngu không? Như người ta nói mình ngu như con bò, ta vẫn thản nhiên đáp: "Phải tôi ngu, vì người xưa bảo càng học thấy càng dốt, thế thì không ngu sao được." Nói vậy là ngu hay không ngu? Còn ta lớn tiếng cãi với họ thì rõ ràng mình ngu mất rồi.

Nếu chúng ta sáng suốt nhận định đúng thì cuộc sống an nhàn, thoải mái, không

phiền hà ai. Tại vì mình cố chấp quá, động tới là nổi tức, nổi nóng nên sanh ra bao nhiêu chuyện không tốt. Đã tạo nghiệp ác nghiệp dữ với người thì người trả lại ta nghiệp ác, nghiệp dữ thôi. Cứ thế chồng chất những thứ xấu ác, không có ngày cùng. Ngày nay học hiểu đạo lý rồi, chúng ta phải chừa bỏ những thứ xấu ác, làm những điều tốt điều lành, đó là tu.

Nghiệp không có hình tướng, không thật nhưng đã gây tạo thì nó không mất, chỉ có thể chuyển đổi thôi. Dù tai nạn xảy ra, tất cả sự vật bên ngoài bị tiêu hoại, chớ nghiệp theo sát bên mình không bao giờ mất. Vì vậy chúng ta phải sợ nghiệp ác, nghiệp dữ. Dè dặt nói lời cẩn thận, đừng làm buồn lòng người. Làm việc gì nhớ đừng để cho người phải khổ. Nghĩ điều gì cũng cẩn thận suy đi xét lại, đừng nghĩ xấu nghĩ oan cho ai. Không nghĩ xấu cho người, không nói lời dữ với người, không làm đau khổ người, đó là tu. Tu như vậy có hiền chưa? Đó mới gọi là người hiền.

Nhưng Phật tử chúng ta tu mà chưa hiền. Chưa hiền là tôi nói nhè nhẹ đó, chớ nói thẳng là quí vị tu mà còn dữ quá. Người ta động tới thì la vang trời, vang đất không ai chịu nổi, có phải xấu hổ cho Phật không, dạy đệ tử không được thì xấu hổ chớ sao! Cho nên tu mà chưa hiền thì chưa phải là người thật tu.

Chúng ta hiền thì mọi người chung quanh đều thương mến. Nếu một gia đình người chồng, người vợ đều hiền lành như vậy thì gia đình đó có cãi vã nhau không? Có thể ly dị nhau không? Đâu có chuyện đó. Nên một gia đình tu hiền là một gia đình hạnh phúc. Một xóm một làng tu hiền là xóm làng bình an. Một đất nước dân chúng tu hiền là một quốc gia ấm no thanh bình, văn minh giàu mạnh.

Như vậy chúng ta tu là đem lại sự an lành cho bản thân, đem lại hạnh phúc cho gia đình, đem lại sự tốt đẹp cho thôn xóm, đem lại ấm no thạnh vượng cho đất nước. Đó là lợi ích thiết thực, là chân giá trị của sự tu. Chớ không phải đi chùa cúng Phật, lạy hít hà như quí trọng tha thiết với Phật lắm, mà ra khỏi chùa ai động tới thì la đổng lên. Phật đâu có cần mình tu với Ngài, mà cần ta tu với chúng sanh kìa. Phật không ăn, không uống, không buồn, không giận thì tu với Ngài làm gì?

Thậm chí có Phật tử lại hiểu lầm, tu theo Phật là tới ngày rằm, ba mươi hay ngày vía đi chùa cúng Phật, lạy Phật. Rồi lâm râm khấn Phật cho con làm ăn phát tài, gia đình con được mạnh khỏe bình an, con cháu đỗ đạt. Cúng Phật chừng một dĩa quả mà xin lại bấy nhiêu đó, tu gì mà tham quá chừng, Phật nào chứng cho.

Phật dạy bỏ tham, sân, si. Tu là đừng tham, đừng nóng giận, đừng si mê mà mình lại tham, lại nóng giận, lại si mê nhiều hơn. Đó là sai lầm, là không hiểu Phật, làm sao gọi là tu được. Chúng ta phải nhớ tu là sửa đổi, là chuyển những hành động, lời nói, ý nghĩ không tốt thành hành động, lời nói, ý nghĩ tốt. Như vậy mới đúng ý nghĩa tu. Đó là nói về chữ "Nghiệp".

Bây giờ nói đến chữ "Duyên". Từ "nghiệp duyên" này người đời rất thường nhắc

tới. Duyên là sao? Người Việt Nam chúng ta hiểu chữ duyên rất thâm mật, rất sâu kín chớ không phải thường. Như cha mẹ có đứa con hoặc trai hoặc gái, định nơi gả cưới cho chúng nó mà chúng nó không ưng. Khi cha mẹ cố ép uổng, những người láng giềng hay thân thuộc liền khuyên: "Ép dầu ép mỡ chớ ai nỡ ép duyên." Nghĩa là duyên của nó ở đâu thì nó ở đó, chớ đừng ép. Cho nên gặp nhau là có duyên, không phải bỗng dưng mà gặp. Rõ ràng dân tộc ta rất thấm nhuần chữ duyên của đạo Phật.

Khi thấy người nào ăn nói dễ thương, người ta hay khen "chị đó ăn nói có duyên quá". Ăn nói có duyên là sao? Nói ra ai cũng ưa, ai cũng chịu nghe, gọi là ăn nói có duyên. Ngược lại người nào mở miệng ra thiên hạ muốn bịt tai, không thèm nghe thì chê: "Kẻ đó ăn nói vô duyên quá." Vô duyên tức không có duyên với ai hết, nên người ta không chịu nghe. Dân ta ứng dụng chữ duyên để giải thích những tình cảm, hoàn cảnh… trong cuộc sống của mình rất nhuần nhuyễn.

Vậy chữ duyên trong nhà Phật chỉ cái gì? Chỉ cho tất cả chúng sanh sanh ra đời đều có duyên trước. Đã tạo duyên trước rồi nên ngày nay mới gặp lại nhau, gọi là hợp duyên. Trong kinh kể đức Phật Thích-ca sau khi thành đạo, mỗi sáng trước khi đi giáo hoá hay khất thực, Ngài dùng thiên nhãn quán sát nơi nào, người nào có duyên với mình, Ngài mới đến đó vừa để khất thực, vừa để độ họ, gọi là Phật hóa hữu duyên nhân tức Phật độ người có duyên với Ngài.

Quí vị thấy các thầy Tỳ-kheo, các cô Tỳ-kheo ni đắp y được cắt ra từng mảnh rồi ráp lại, giống như từng thửa ruộng ngoài đồng. Mảnh thì dài mảnh thì ngắn, trên có cái bờ. Tại vì hồi xưa đức Phật thấy người nông phu ở Ấn Độ làm ruộng cũng chia từng thửa, hoặc dài hoặc ngắn, mỗi thửa đều có cái bờ, Ngài mới chế ra y của thầy Tỳ-kheo đắp được kết lại từ nhiều miếng vải như những thửa ruộng dài, ngắn khác nhau. Y đó gọi là "phước điền y", nghĩa là áo ruộng phước. Tại sao gọi là áo ruộng phước? Bởi vì khi các thầy Tỳ-kheo đắp y đó đi khất thực, người Phật tử hoặc chưa phải Phật tử tới sớt bát cúng dường cơm là gieo duyên với các thầy. Gieo duyên tức là như đem hạt giống tốt gieo vào ruộng phước của thí chủ đó.

Ngày nay chư Tăng Ni ở Việt Nam chúng ta đi khất thực rất ít, mà phần nhiều ở tại chùa. Cho nên quí Phật tử tới chùa cúng là gieo duyên với Tam Bảo. Nhờ gieo duyên với Tam Bảo nên mới biết được Phật pháp, biết nghe quí thầy nhắc nhở tu hành. Quí vị cúng dường gọi là gieo duyên, còn Tăng Ni nhận của cúng dường ấy gọi là kết duyên, nếu nói bình dân một chút là nhận nợ. Phật tử gieo duyên với ai thì người nhận duyên đó nợ với quí vị. Cho nên thế gian có từ "duyên nợ" là vậy.

Chúng ta nhận của người cúng dường tức là thiếu nợ. Đừng nghĩ người ta cúng cho mình rồi thì tự ý dùng, tha hồ thụ hưởng không có nợ nần gì cả. Không phải vậy. Cúng tức là gieo duyên, mà gieo duyên thì người nhận phải mắc nợ. Như vậy người được cúng nhiều đừng hãnh diện mình phước đức sâu dày, tài trí nhiều nên người ta cúng

nhiều. Phải luôn lo sợ người ta cúng nhiều là mình nợ nhiều, mà nợ thì phải trả. Vì vậy Phật tử gieo duyên với chư Tăng, chư Ni thì chư Tăng, chư Ni có bổn phận phải trả nợ, bằng cách nỗ lực tu hành cho tốt, để có đủ tài đức giáo hóa Phật tử cùng tu, cùng được lợi ích như mình.

Như thế gian, người nào học hành giỏi mà nhà nghèo phải vay nợ để học. Khi thành tài rồi nhưng chưa có tiền để trả nợ cho chủ, người chủ không đòi tiền mà bắt dạy lại cho con cháu họ. Đó cũng là một hình thức trả nợ. Cũng vậy quí thầy, quí cô tu đời này cho khá, đời sau tu hay hơn nữa để khi gặp lại Phật tử giảng dạy, chỉ bảo cho họ biết tu hành. Đó là trả nợ. Như Phật tử ở đây khi xưa chắc cũng có gieo duyên với tôi, nên tôi mới tới giảng dạy Phật pháp cho quí vị. Đó là tôi trả nợ những Phật tử có duyên với tôi.

Duyên nợ của thế gian thì hơi khác. Thí dụ vợ chồng gặp nhau, ban đầu thương mến lắm nhưng về sau tâm ý không hợp, cãi lẫy rồi sanh nhiều chuyện vui buồn, nhưng bỏ thì bỏ không đành. Vì vậy họ nói tại mắc nợ trả chưa hết. Duyên nợ ở thế gian là vậy. Còn duyên nợ trong đạo lại khác.

Trong đạo, người gieo duyên và người nhận nợ đều phải cố gắng tu, cố gắng đem chánh pháp chỉ dạy cho đời này và nhiều đời sau được lợi lạc. Không như người thế gian phải chịu đựng để trả nợ cho nhau. Cho nên giáo hóa người là cách trả nợ trong đạo, cao thượng tốt đẹp hơn cách trả nợ của thế gian.

Hiểu duyên nợ trong đạo rồi, mới biết ai thọ nhận nhiều thì nợ lắm, chớ không nên nghĩ phước nhiều. Do thấy nợ nhiều nên ráng tu để có đủ khả năng đền trả lại cho người, bằng cách giáo hóa hướng dẫn thí chủ tu tập. Nên trong các cách trả nợ, làm thầy là cách trả nợ cao thượng nhất, nhưng nên nhớ cũng chỉ là trả nợ thôi, không có gì phải kiêu hãnh cả.

Cho nên cúng Phật là để gieo duyên, mà đã là gieo duyên thì khỏi khấn gì hết. Cúng dường Tam Bảo nguyện cho Tam Bảo thường còn, để chúng con có chỗ nương tựa tu hành. Đó là tâm niệm chân chánh, hợp đạo lý. Chớ cúng dường mà xin Phật cho cái này, cái kia thì không được. Vì Phật đã từng bảo: “Ta không có quyền ban phước xuống họa cho ai.” Phật chỉ là một vị Đạo sư, tức ông thầy dẫn đường, chỉ cho chúng sanh tránh con đường khổ, đi con đường lành, đó là bổn phận của một bậc Đạo sư.

Nếu Phật có quyền ban phước xuống họa thì Ngài đâu cần dạy chúng ta tu, thực hành đúng đạo lý nhân quả. Đạo lý nhân quả dạy người gieo nhân lành thì sẽ hưởng quả lành, gieo nhân ác thì chịu quả ác. Lành dữ khổ vui đều từ nhân mình đã gieo mà có, chớ không phải Phật cho. Thí dụ anh nông dân làm ruộng rất tin Phật, cứ nghĩ cầu Phật ban cho được mùa. Vì vậy tới mùa anh không chịu gieo giống mà cứ chấp tay cầu Phật cho con năm nay bội thu. Chấp tay cầu hoài như vậy, cuối mùa anh được gì? Một thảm cỏ xanh.

Nếu hiểu được lý nhân quả muốn được mùa trước hết phải lựa giống tốt. Lựa được

giống rồi còn phải cày bừa cho đất tơi ra, nhổ cỏ sạch, rải phân gieo giống xuống. Gieo giống rồi phải chăm lo săn sóc phân nước đầy đủ, phòng ngừa sâu cỏ… như vậy tới mùa mới thu hoạch tốt được. Nhân tốt thì quả tốt, chớ Phật nào can dự vào việc đó. Đây là một lẽ thật.

Cho nên đạo Phật dạy chúng ta tu bằng lẽ thật, bằng chân lý chớ không phải tu bằng tưởng tượng. Quí Phật tử tưởng tượng nhiều quá. Tưởng Phật sẽ ban phép cho mình đủ thứ, muốn gì được nấy, đó là trái với đạo lý, trái với sự thật. Nên người biết tu, hiểu đạo rồi tự chịu trách nhiệm với các hành động, việc làm của mình, không đổ thừa cũng không ỷ lại hay trông chờ vào ai.

Chẳng những Phật dạy lý nhân duyên, mà các nhà Nho cũng thường nói: "Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, vô duyên đối diện bất tương phùng." Người có duyên với nhau dầu cách xa ngàn dặm cũng có thể gặp gỡ được, còn người không có duyên dầu đối diện trước mặt cũng không thấy nhau. Tại sao? Bởi vì chưa có gieo duyên nên không thương mến, vì vậy tuy đối diện nhưng chỉ ngó ngang, chớ có nhìn đâu mà thấy. Rõ ràng do duyên trước mình đã gây dựng, nên ngày nay vừa gặp lại dù không nhớ gì hết nhưng vẫn có cảm tình.

Có nhiều người nói, tôi học hành cũng khá mà sao xin việc chỗ nào người ta cũng chê, tới đâu không ai chịu nhận. Ngược lại người khác chẳng hơn tôi bao nhiêu mà tới đâu người ta cũng nhận. Thế là họ trách xã hội bất công, nhưng không ngờ thấy mặt mình không ai ưa hết thì nhận sao được. Muốn người ta nhận làm việc thì mình phải dễ thương một chút, chớ vừa thấy đã không ưa làm sao nhận được. Cái ưa hay không ưa đó dường như một phản xạ tự nhiên, không phải suy nghĩ gì cả, cũng không do thành kiến riêng tư, như vậy rõ ràng là do duyên từ trước.

Bởi đời trước ta không khéo tu, không tạo duyên lành nên bây giờ phải chịu cảnh như vậy. Biết thế ta không than thân trách phận, cứ vui vẻ cố gắng sửa đổi những điểm dở của mình, làm lành, giúp đỡ mọi người, dần dần ta sẽ cảm hóa mọi người khiến ai thấy cũng thương, chừng đó làm gì cũng dễ thành công. Ngày nay thiếu duyên chúng ta gieo duyên để sau này gặp lại ai cũng thương cũng mến hết. Đó là người biết tu.

Trên đường tu, không phải làm cái gì mầu nhiệm, linh thiêng mới gọi là tu. Chúng ta sửa duyên xấu thành tốt. Thí dụ mình bị nhiều người ghét thì biết đời trước thiếu gieo duyên lành. Bây giờ ráng tạo duyên lành, để sau này ai cũng thương mến, chớ không giận không trách ai. Tự trách mình, tự sửa mình là người có thể chinh phục được tất cả. Tu như vậy dễ hay khó, thực tế hay tưởng tượng? Nên tu Phật rất thực tế, không phải tưởng tượng viển vông, cũng không phải quá khó, chỉ tại chúng ta không hiểu nên thành khó, thành sai lầm.

Hôm nay tôi tới đây trước là viếng chùa, sau thăm tất cả quí vị, đồng thời có lời nhắc nhở tất cả Phật tử khéo tu để đời này bớt khổ và đời sau càng tốt đẹp hơn. Chúc tất cả quí vị

được nhiều lợi lạc khi học hiểu và thực hành đúng chánh pháp. Đó là chỗ mong mỏi nhất của chúng tôi.

MỤC ĐÍCH TU THIỀN

Giảng tại chùa Quán Sứ - Hà Nội - 2001

Cùng tất cả quí Phật tử,

Đạo tràng Quán Sứ ra đời đã nhiều năm. Tôi là người thầy chỉ dạy quí Phật tử tu theo Thiền tông, nhưng ít có cơ hội đến thăm cũng như nhắc nhở việc tu hành cho quí vị. Đây là lần đầu chúng tôi về chùa Quán Sứ hướng dẫn Phật tử Đạo tràng Quán Sứ về đường lối tu thiền.

Chúng ta làm một việc nào, trước hết phải biết mục đích của việc làm đó. Nếu không biết mục đích, việc làm đó sẽ không có căn cứ, hay không có chỗ nhắm đến. Vì vậy đề tài của buổi nói chuyện hôm nay là Mục **đích tu thiền.**

Nói đến tu thiền là nói đến một con đường, một phương pháp đưa tới giác ngộ giải thoát. Đức Phật xưa kia tu thiền được giác ngộ thành Phật. Ngày nay chúng ta muốn giác ngộ như đức Phật, dĩ nhiên cũng phải tu thiền. Đó là điều không thể khác hơn được. Là người tu Phật, chúng ta phải biết Phật là gì? Phật là đức Thích-ca Mâu-ni phải không? Chữ Phật ở đây chỉ cho một con người đã được giác ngộ. Ngoài đức Phật Thích-ca Mâu-ni, những người giác ngộ như Ngài cũng đều gọi là Phật. Cho nên nói tới tu Phật là nói tới sự giác ngộ.

Lâu nay chúng ta nghi ngờ tại sao ngoài Bắc, từ thế kỷ 13 về trước gọi Phật bằng "Bụt", còn ngày nay gọi Ngài bằng Phật. Như vậy ai gọi đúng? Tôi sẽ giải thích về điều này. Ngày xưa, vùng đất Luy Lâu là vùng đất thương mại rất phồn thịnh, thương thuyền người Ấn sang đây buôn bán mang theo các nhà Sư truyền đạo. Sư Ấn Độ sang Việt Nam vẫn nói tiếng Ấn. Các ngài gọi Phật là "Buddha", Trung Hoa dịch là "Giác giả". Giác là giác ngộ, giả là người. Chữ "Buddha" là "Người giác ngộ". Tổ tiên mình gọi chữ "Bud" là "Bụt". Như vậy gọi "Bụt" rất gần với phiên âm tiếng Phạn, nhưng tại sao ngày nay chúng ta gọi "Phật"?

Bởi vì vào đời Minh, Trung Hoa có in Tạng kinh bằng chữ Hán, người Việt Nam ta thỉnh về để đọc. Chữ "Buddha" dịch âm chữ Hán là "Phật-đà". Chữ "Bud" đọc là "Phật", chữ "dha" đọc là "Đà". Nên "Phật-đà" là người Việt đọc theo âm chữ Hán. Thế nên từ đời Minh, tức khoảng thế kỷ 17 - 18 về sau mới có danh từ "Phật", còn thời gian trước chỉ có danh từ "Bụt". Hiểu như vậy chúng ta mới biết cách gọi Phật của người xưa

và người nay khác nhau như thế nào. Tuy khác trên danh xưng nhưng vẫn cùng một ý nghĩa, Phật là chỉ cho bậc giác ngộ.

Đức Phật là bậc giác ngộ nên đạo do Ngài truyền cũng là đạo giác ngộ. Vì vậy nói đạo Phật là đạo giác ngộ. Chúng ta xưng mình là Phật tử tức con của bậc giác ngộ, hoặc ta cũng là người giác ngộ chút chút. Giác ngộ chút chút chớ không phải không chút giác ngộ. Đến với đạo Phật là phải có giác ngộ, chớ không thể mù quáng được. Thế nhưng có Phật tử đến với đạo Phật nhiều năm, vẫn nói chưa giác ngộ gì cả. Thật ra có, nhưng quí vị không biết đó thôi.

Đạo Phật là đạo giác ngộ, nên người tu theo đạo Phật phải có giác ngộ. Giác ngộ từ gần tới xa, từ thấp lên cao. Giác ngộ gần như thế nào, giác ngộ xa như thế nào? Tôi xin hỏi quí vị học Phật mấy năm nay có biết lý vô thường, lý nhân quả, lý nhân duyên không? Nếu biết tức quí vị đã giác ngộ khá rồi. Đối với cuộc sống vô thường mà tưởng thường là người mê, cuộc sống vô thường ta biết vô thường tức là giác.

Người mê cứ nghĩ gặp ác là bị trời phạt, được vui là trời thưởng. Phật tử không như thế, biết gặp ác là do nhân xấu mình đã tạo từ đời trước, gặp lành là do nhân lành đã tạo từ trước, nên ngày nay cảm quả thiện ác đến với mình, chớ không phải do trời ban. Biết đúng lẽ thật như vậy là giác rồi còn gì. Vậy mà quí vị cứ nói mình không giác, đó là do chưa nắm vững đường hướng Phật dạy.

Phật tử hiểu các pháp hiện có mặt đây do nhân duyên tụ họp thành, không có gì gọi là bỗng nhiên mà được. Tất cả đều do nhân duyên tụ họp mới thành. Do nhân duyên tụ họp thành thì các pháp là thật hay giả? Các pháp là giả. Tôi dẫn một vài điều cho quí vị thấy có tu Phật là có giác, chỉ tại không chăm chú, không để ý tới, nên quí vị tưởng mình vẫn mê như thuở nào.

Phật bảo chúng sanh bất giác nghĩa là không giác ngộ gì hết, Bồ-tát phần giác nghĩa là giác ngộ từng phần, còn Phật là mãn giác nghĩa là giác ngộ tròn đầy. Chúng ta nghiệm xem mình thuộc hạng nào? Nếu giác chút chút tức đã được một phần nhỏ, nếu chưa thành Bồ-tát chánh thức thì cũng là Bồ-tát con, phải không?

Bồ-tát là tiếng gọi tắt của âm chữ Phạn "Bồ-đề-tát-đỏa" (Bodhisattva), Hán dịch là giác. Bồ-tát là giác từng phần, Phật là giác viên mãn, tròn đầy, không thiếu. Chúng ta giác chút chút thì cũng là con cháu của Bồ-tát rồi. Phải hiểu tu là giác chớ không có quyền mê. Mê thì chưa biết tu. Quí vị là Phật tử, tức biết tu nên cũng có giác chút chút rồi. Chúng ta đang tiến trên con đường giác ngộ, chớ không phải đứng ở vị trí của người mê hoàn toàn. Dám xưng mình là Phật tử, tức con cháu của Phật nghĩa là chúng ta giác ngộ được chút chút, chớ không mê như thuở xưa.

Nhưng nói cho thật rõ, chúng ta giác ngộ được điều gì? Phật dạy sở dĩ chúng sanh không giác ngộ nên trầm luân trong sanh tử. Mê lầm thì trầm luân sanh tử, chỉ có giác ngộ mới giải thoát sanh tử. Chúng ta mê lầm cái gì, giác ngộ cái gì? Đó là điều tối yếu mà

toàn thể Phật tử phải biết.

Người phàm phu luôn luôn thấy thân này là thật, còn người Phật tử biết tu thấy thân này là giả. Nhưng e rằng chỉ thấy giả khi tụng kinh, nghe pháp, còn gặp chuyện thì thật ngay. Đó là do chưa thấm nhuần chân lý trong mạch sống của mỗi người, chỉ thấy giả trên mặt suy luận thôi, chớ chưa nhập tâm.

Khi nhìn thấy thân này thật, tự nhiên chúng ta quí trọng nó. Từ quí trọng nên tìm đủ mọi cách cho nó được thụ hưởng sung túc. Tất cả những gì ngon, những gì đẹp, những gì sung sướng trên thế gian đều muốn chu cấp cho nó. Thụ hưởng như vậy là chúng ta đuổi theo dục lạc của thế gian. Ta thử đặt câu hỏi, nếu người thụ hưởng đầy đủ sung mãn mọi dục lạc trên thế gian, người đó có chết không? Thụ hưởng cho nhiều rồi cũng phải chết. Thế thì họ giành giật tất cả mọi thứ trên đời, để cuối cùng chỉ còn một thây thối thôi, có ý nghĩa gì đâu? Thân giả dối mà người ta ngỡ là thật, nên mới giành nhau từng miếng ăn, từng cái mặc. Càng giành thì càng khổ, nên khổ gốc từ mê lầm mà ra, rõ ràng như vậy.

Nếu biết thân này giả tạm, không thật, chúng ta sẽ tùy duyên mà sống, tùy duyên mà tu hành, nên bớt giành giật. Bớt giành giật thì bớt tranh đấu, bớt khổ đau. Nhờ thấy đúng về thân, chúng ta giảm bao nhiêu đau khổ. Biết thân hư giả, khi hết duyên sắp ra đi Phật tử có sợ không? Nó giả tạm thì hư hoại là lẽ thường, có gì phải sợ. Người chấp thân thật, thụ hưởng cho nhiều, khi sắp chết thì hoảng sợ, đắm luyến thân vô cùng Trong khi tranh giành để được thụ hưởng đã là khổ, lúc sắp bỏ thân cũng khổ nữa. Hai ba chặng khổ.

Người biết thân này giả thì cuộc sống rất đơn giản, không tranh hơn về phần mình, nhờ vậy bớt khổ. Khi chết biết đã hết duyên, nó phải đi, ta cười thôi, có gì đâu mà sợ. Hiểu như vậy, thấy như vậy thì đứng trước cái chết chúng ta an ổn, tự tại. Như vậy, giác được một chút là đã bớt khổ bao nhiêu rồi.

Người làm việc lành, giúp đỡ mọi người, cuối cùng cũng chết, người không làm gì hết, cứ lo hưởng thụ rồi cũng chết. Cả hai đều đi đến chỗ chết, nhưng một người chết bao nhiêu người quí, còn một kẻ chết bao nhiêu người ghét. Nên người biết tu ngay nơi thân này sử dụng làm lợi ích cho đời, cho đạo. Người không biết tu cứ cưng dưỡng, không dám nhọc thân, nhưng rốt cuộc rồi cũng chết, không hơn được chút nào. Đó là một lẽ thật.

Người rõ biết thân hư dối tạm bợ, đủ duyên thì còn, thiếu duyên nó tan hoại. Thấy như vậy là thấy được lẽ thật. Thấy được lẽ thật là giác rồi. Đó là giác về thân. Còn giác thứ hai là giác về tâm. Quí Phật tử nghĩ cái này phải, cái kia quấy; ai làm theo điều mình nghĩ thì thương, còn làm ngược lại thì ghét. Ai nói gì mình cho là phải thì quí trọng, nói gì mình cho là quấy thì khinh thường. Nhưng thật ra, cái phải quấy ở đời có là chân lý chưa? Chưa là chân lý. Bởi vì cái phải ở đây không là cái phải ở kia, cái phải của người

này không là cái phải của người khác. Người ta thấy cái đó chưa phải mà mình cho là phải, họ cãi lại mình liền giận, liền ghét. Đau khổ từ đó phát sanh.

Chúng ta thử đặt lại vấn đề, phải quấy từ đâu mà ra? Chẳng qua lớp người trước đặt định ra thế này phải, thế kia là quấy, rồi lớp người sau bắt chước theo. Cứ như vậy thế hệ này truyền nối sang thế hệ khác, tùy theo xứ sở chủng tộc mỗi nơi mà lập định phải quấy. Như hiện giờ Quốc hội họp lại định luật thế này thế kia, nếu ai làm khác tức là phạm tội. Nhưng năm mười năm sau sửa lại, thế thì phải quấy ở chỗ nào?

Gần nhất chúng ta quen thuộc với người Pháp. Khi xưa họ cai trị mình, ra đường bắt đi bên phải là đúng, đi bên trái là quấy. Nhưng qua Anh thì ngược lại đi bên trái là phải, đi bên phải là quấy. Như vậy ai đúng? Rõ ràng phải quấy của thế gian không thật. Vậy mà chúng ta chấp, mình nghĩ thế là phải, ai nghĩ khác đi liền giận. Từ đó lôi kéo theo bao nhiêu sự việc nữa. Chấp những suy nghĩ của mình là đúng, nhưng tới khi xảy ra sai thì tự tha thứ được. Còn trước đó ai cãi lại, mình nổi sân lên la mắng người ta.

Như tôi ở trên núi, thấy cụm mây đen từ phía Nam thổi tới, lát sau trời mưa. Ngày mai, thấy cụm mây đen ở phương Nam nữa, tôi liền kêu quí thầy dọn đồ đang phơi vô, vì sẽ có mưa. Nếu ai nghe lời tôi vui, không nghe lời tôi rầy. Không ngờ lát sau gió đổi chiều, cụm mây bay đi, trời không mưa. Như vậy, những gì ta cho là đúng chẳng qua là kinh nghiệm của quá khứ. Nhưng quá khứ bao giờ cũng khác hiện tại. Chuyện hôm qua khác, chuyện hôm nay khác. Song người đời cứ chấp vào kinh nghiệm của quá khứ, cho những suy nghĩ thấy biết của mình đúng, ai nói khác là sai. Từ đó sanh ra cãi vã, phiền não khổ đau.

Thêm một câu hỏi nữa, những nghĩ suy đó có phải thật tâm của chúng ta chưa? Đây là vấn đề khó giải quyết. Tất cả sự hiểu biết của chúng ta thuộc về phần tinh thần, còn thân thuộc về thể xác. Thể xác do duyên hợp, không thật, thì tinh thần tức những hiểu biết, hơn thua, phải quấy, tốt xấu… thật là tâm chưa? Lâu nay chúng ta cứ cho cái nghĩ suy là tâm mình. Nghĩ phải, nghĩ quấy, nghĩ tốt, nghĩ xấu, nghĩ hơn, nghĩ thua… tất cả đều là tâm mình hết. Nếu vậy, ta thử kiểm xem từ khi cha mẹ sanh ra cho tới ngày ta nhắm mắt, là một “mình” hay nhiều “mình”? Một cái “ta” hay nhiều cái “ta”?

Nếu nghĩ phải là ta, thì nghĩ quấy là ai? Rồi nghĩ tốt, nghĩ xấu, nghĩ lung tung hết, vậy ta có bao nhiêu cái? Chúng ta tự thừa nhận mình là một từ thủy chí chung, như vậy nhiều thứ suy nghĩ đó là mình sao được. Nói tôi nghĩ thế này, tôi nghĩ thế kia, tôi vui, tôi buồn… đủ thứ. Nó còn nguyên hoài hay đổi thay như chong chóng? Nó đổi thay luôn, đang buồn đó có ai chọc vui thì cười lên. Như vậy cái buồn đi qua, nhường chỗ cho cái vui tới. Rồi đang vui bỗng ai nói gì làm mình tức, nổi giận lên thì hết vui. Cứ thay đổi không dừng làm sao thật ta được. Đó là điều hết sức cụ thể, rõ ràng mà lâu nay chúng ta không biết.

Những suy nghĩ, phân biệt hơn thua phải quấy… thuộc về tâm, nhưng là tâm vọng

tưởng, hư dối, không phải tâm chân thật. Vì nếu thật nó phải còn nguyên, chớ không đổi thay luôn như vậy. Chúng ta phải biết để dẹp bỏ, đừng chấp vào những thứ đó, mới thấy được tâm thật của mình. Tâm buồn thương, giận ghét… là dòng sanh diệt không dừng. Đã sanh diệt không dừng mà theo nó là ta chấp nhận đi trong dòng sanh diệt.

Tuy nhiên, bên cạnh tâm hư dối đó có tâm chân thật. Chúng ta phải làm sao phăng cho ra, tìm cho được tâm chân thật ấy. Đó là gốc của sự tu. Như chúng ta ngồi thiền để làm gì? Để bỏ tâm hư dối, cho nó lặng xuống. Tâm hư dối lặng thì tâm chân thật hiện. Đó là giác ngộ được thân này giả dối, tâm suy nghĩ hư dối, thì tâm chân thật hiện bày. Chừng nào tìm và sống được với tâm chân thật trọn vẹn mới gọi là gần giác ngộ viên mãn. Như vậy, chúng ta đang đi trên đường giác ngộ chớ đâu phải thường.

Ở đời, người ta mê chấp thân, mê chấp tâm nên phải luân hồi sanh tử. Vì vậy kinh Viên Giác, Bồ-tát Văn-thù hỏi Phật: "Cái gì là nhân sanh tử luân hồi?" Đức Phật dạy: "Người chấp thân tứ đại giả hợp là thân thật, chấp tâm hư giả sanh diệt là tâm thật, đó là nhân luân hồi sanh tử." Bây giờ chúng ta biết rõ điều này tức đã có giác rồi. Chúng ta tu là thức tỉnh, nên cố gắng để thoát khỏi mê lầm đó. Đây là lý do vì sao chúng ta chuyên tu thiền.

Tu thiền để làm gì? Để dừng, lặng tâm lăng xăng. Tâm lăng xăng lặng xuống thì tâm chân thật hiện đủ. Đó là giác. Giác bằng cách thực hiện ngay nơi mình, chớ không phải tìm kiếm ở đâu khác. Song muốn thực hiện điều này, chúng ta phải đi từng bước.

Bước thứ nhất là sao? Trong các thời khóa tụng của nhà thiền, thường nhất là kinh Bát-nhã. Bát-nhã là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch trí tuệ, loại trí tuệ siêu xuất thế gian, chớ không phải trí tuệ thường. Muốn bước vào cửa thiền trước tiên phải thâm nhập lý Bát-nhã. Lý Bát-nhã còn được gọi là cửa Không. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc. Tại sao chúng ta tu thiền phải đi từ cửa Không? Vì nếu thấy thân này thật, đối với ngoại cảnh, từ con người cho tới muôn vật, chúng ta đều thấy thật hết thì tâm sẽ chạy theo nó.

Bây giờ, muốn tâm không chạy theo, chúng ta phải quán sát kỹ tất cả sự vật ở ngoài cũng do duyên hợp, không thật. Cái nhà từ khoảnh đất trống, ta dựng cây cối, gạch ngói v.v… để thành cái nhà. Do vậy cái nhà là tướng duyên hợp. Do duyên hợp nên có ngày nó phải bại hoại, tường vách đổ sụp. Những gì duyên hợp đều hư dối. Từ cái nhà cho đến mọi sự mọi vật, có thứ nào không phải duyên hợp đâu, nên chúng sẽ đi đến bại hoại. Biết rõ như vậy mới không dính mắc với cảnh bên ngoài. Không dính mắc ngoại cảnh thì tâm mới an định được, còn dính mắc thì không bao giờ an định.

Tôi nói thí dụ như quí Phật tử vừa mới to tiếng với ai đó chừng nửa giờ, bây giờ vô ngồi thiền có yên không? Vừa ngồi vừa tiếp tục cãi, không cãi bằng miệngmà cãi bằng tâm. Họ nói câu đó là sao? Mình phải trả lời sao cho xứng v.v… cứ ôn tới ôn lui hoài. Vì chúng ta thấy câu nói thật nên không bỏ được. Nếu ta quán con người đó không thật thì lời nói của họ có thật đâu, tất cả là chuyện rỗng, có gì quan trọng. Thấy vậy liền buông

nhẹ. Buông được thì ngồi thiền mới yên. Cho nên trước tiên bước vào cửa thiền, chúng ta phải đi từ lý Bát-nhã, dẹp bỏ tất cả những cái cố chấp của mình.

Kinh Bát-nhã nói "Sắc tức là Không, Không tức là Sắc" nghĩa thế nào? Đa số người thế gian không hiểu nổi câu này. Bây giờ tôi dẫn câu chuyện xưa thế này. Đời Đường, có hai vị Thiền sư trẻ Trí Tạng và Huệ Tạng, đệ tử của Mã Tổ Đạo Nhất. Một hôm hai huynh đệ ra ngoài vườn chơi. Ngài Trí Tạng hỏi ngài Huệ Tạng:

- Sư đệ biết bắt hư không chăng?

Ngài Huệ Tạng trả lời:

- Biết.

- Làm sao bắt?

Ngài Huệ Tạng liền đưa tay ra ôm hư không. Ngài Trí Tạng quở:

- Bắt như vậy làm sao được hư không?

Ngài Huệ Tạng hỏi:

- Huynh làm sao bắt?

Ngài Trí Tạng liền nắm lấy lỗ mũi Huệ Tạng lôi đi. Ngài Huệ Tạng la:

- Nắm như vậy chết người ta, buông ra!

Ngài Trí Tạng nói:

- Bắt như vậy mới được hư không.

Câu chuyện này có đạo lý gì không? Lỗ mũi tuy là hình thức vật chất, nhưng bên trong trống rỗng. Nắm cái sắc thì trong đó đã có cái không rồi. Đây là nghĩa Sắc tức thị Không. Nếu ôm hư không bên ngoài thì làm sao nắm được hư không? Như bình hoa trước mắt chúng ta, nếu bỏ mấy cọng hoa mỗi nơi mỗi cái thì bình hoa không còn. "Bình hoa" là giả danh, do đủ duyên hợp lại mới có, nếu thiếu duyên bình hoa không còn nữa. Nên nói thể bình hoa là không, do duyên hợp tạm có. Ngay nơi bình hoa chúng ta biết tánh nó là không. Tuy Tánh không nhưng đủ duyên hợp lại thì thành bình hoa.

Như vậy lý Không ở đây không phải không ngơ, mà là không có chủ thể cố định. Duyên hợp tạm có, duyên ly tán trở về không. Hoa khi phân tán khắp nơi, chỉ còn lại bình không, nếu ta cặm vào đó các hoa khác thì có bình hoa trở lại, nên nói "Không tức là Sắc". Rõ ràng sắc và không đều không thật. Nói sắc nói không nhằm chỉ ra lý duyên hợp, đủ duyên thì không biến thành sắc, thiếu duyên thì sắc biến thành không. Nên ngay khi duyên hợp, tánh nó vẫn là không. Vì vậy kinh Bát-nhã nói "không" tất cả: không nhãn, nhĩ, tỵ, thiệt, thân; không sắc, thanh, hương… Không là nói đến thể của tất cả các pháp. Tất cả pháp chỉ có giả danh, không có Thật thể.

Từ đó chúng ta dùng trí quán xét hết các sự vật bên ngoài, đều là duyên hợp Tánh không. Biết như thế là tỉnh, hết mê. Cho nên biết được lý Tánh không rồi, chúng ta mới bỏ được vọng tưởng điên đảo, các vị Bồ-tát mới có thể tu hành tiến lên thành Phật. Dùng Trí tuệ Bát-nhã tức là dùng thanh kiếm bén ruồng hết sáu trần, không chấp không kẹt. Không chấp thì ngồi thiền êm ru, không nghĩ, không tính. Vừa chợt nhớ gì liền tự nhắc "Nó giả dối, có thật đâu mà nhớ".

Thế nên bước vào cửa Không phải thấy rõ: Một, tất cả cảnh sắc đều hư dối, Tự tánh là không. Hai, thân tứ đại duyên hợp hư dối, Tự tánh là không. Ba, tâm vọng tưởng sanh diệt hư dối, Tự tánh là không. Biết ba cái đó không thật rồi, chúng ta phải tìm cho ra cái chân thật. Đây là chỗ thiết yếu hành giả tu thiền cần phải biết. Cái thật đó lâu nay chúng ta không nhớ không biết nên chạy theo trăm thứ đảo điên. Bây giờ ta phải nhớ để nhận ra và sống lại với cái chân thật của chính mình, thì mới chấm dứt sanh tử và đau khổ.

Như câu chuyện đức Phật kể trong kinh Lăng Nghiêm: Một buổi sáng, có anh chàng Diễn-nhã-đạt-đa đứng trước gương soi mặt, anh thấy mặt mày mình hiện rõ trong đó. Khi úp gương xuống, anh không thấy mặt mình nữa, liền chạy la hoảng: "Tôi mất đầu rồi. Tôi mất đầu rồi!" Phật nói Diễn-nhã-đạt-đa ôm đầu chạy la mất đầu, có phải điên không? Tại sao anh điên? Vì anh lầm bóng trong gương là đầu thật, nên quên mất đầu thật của mình.

Chúng ta có giống Diễn-nhã-đạt-đa không? Khi nghĩ suy ta thầm cho đó là "tâm tôi", khi không nghĩ suy thì không có tâm. Nghĩ suy là bóng, mình nghĩ về người thì bóng người hiện ra, nghĩ về vật bóng vật hiện ra. Hết nghĩ suy thì tâm lặng, rõ ràng chúng ta có cái thật nhưng lại không thấy, chỉ thấy toàn là bóng. Vì nhận bóng là mình nên quên cái thật, giống như Diễn-nhã-đạt-đa nhớ bóng quên đầu, đó là điên. Tâm thật luôn có mặt trong hiện tại, không bao giờ vắng thiếu mà ta lại không nhận, đi nhận những thứ lăng xăng chợt có chợt không là tâm mình, như vậy không phải điên là gì?

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đưa cánh tay lên hỏi A-nan:

- Ông thấy không?

Ngài A-nan trả lời:

- Dạ thấy.

Phật để tay xuống, hỏi:

- Ông có thấy không?

- Dạ không thấy.

Phật quở:

- Ông là người quên mình theo vật.

Tại sao Phật quở ngài A-nan "quên mình theo vật"? Vì tay của Phật ở bên ngoài, còn thấy cái tay là cái thấy của ngài A-nan. Khi Phật để tay xuống là thấy không có tay, chớ không phải không thấy. Thấy là cái của mình, nếu nói không thấy tức là mất mình rồi. Vật bên ngoài khi có khi không, chớ cái hay thấy hay biết của mình luôn luôn hiện hữu. Do đó Phật mới quở ngài A-nan "quên mình theo vật".

Chúng ta có quên mình theo vật không? Cứ lo chạy theo vật mà quên mất mình hồi nào không hay. Phật bảo có cảnh thì nói thấy, không cảnh thì nói không thấy, đó là quên mình. Vì thấy là cái của mình, còn cảnh bên ngoài dù có hay không cũng chỉ là cảnh, không phải mình. Nếu cho vật là cái thấy, không phải quên mất mình sao? Nghiệm lại lâu nay chúng ta lầm lẫn vô kể, sống theo cái giả, không biết mình đang có cái thật. Bởi vì Tánh thấy đó không tướng mạo, không sanh diệt nên chúng ta khó thấy khó nhận. Chỉ khéo đừng chạy theo cảnh bên ngoài, xoay trở lại mình mới có thể nhận ra.

Phật bảo La-hầu-la đánh một tiếng chuông "boong", rồi hỏi A-nan:

- Ông có nghe không?

Ngài trả lời:

- Dạ nghe.

Một lát sau tiếng chuông lặng, Phật hỏi:

- Ông có nghe không?

A-nan thưa:

- Dạ không nghe.

Phật quở thêm một lần nữa:

- Ông quên mình theo vật.

Tại sao vậy? Vì tiếng chuông có thì nghe có tiếng, tiếng chuông lặng thì nghe không tiếng, tại sao lại nói "không nghe"? Tai lúc nào cũng nghe, chỉ tiếng mới khi có khi không. Phật chỉ cho chúng ta thấy nơi mắt, tai, mũi, lưỡi v.v… có cái thấy thường trực, cái nghe thường trực, cái biết thường trực mà không động, không sanh diệt. Nhưng chúng ta quen chạy theo cảnh vật bên ngoài mà quên Tánh biết hiện tiền. Đó là sai lầm lớn nên Phật gọi chúng sanh si mê.

Trong nhà thiền có câu chuyện thế này. Mã Tổ Đạo Nhất là Thiền sư nổi tiếng, sau Lục Tổ hai đời. Một hôm, Ngài đi dạo vườn với thầy Thị giả Hoài Hải. Lúc ấy thấy một bầy vịt trời bay ngang, Mã Tổ hỏi:

- Cái gì đó?

Ngài Hoài Hải đáp:

- Bầy vịt trời bay ngang.

Lát sau, Mã Tổ hỏi:

- Bay đâu rồi?

Ngài Hoài Hải thưa:

- Bay qua mất rồi.

Mã Tổ liền nắm lỗ mũi ngài Hoài Hải véo một cái thật mạnh, đau điếng Ngài la lên:

- Chết cái lỗ mũi của con.

Mã Tổ liền nói:

- Sao không nói bay mất đi?

Ngang đó ngài Hoài Hải đại ngộ.

Ngài ngộ cái gì? Ngộ cái lỗ mũi đau phải không? Trong nhà thiền có rất nhiều chuyện kỳ đặc, người thường đọc không hiểu. Nhìn thấy bầy chim bay qua, Mã Tổ hỏi "cái gì", thầy Thị giả đáp "bầy chim bay qua". Lát sau Tổ lại hỏi: "Bay đâu rồi?" Thị giả trả lời: "Bay mất rồi." Trả lời như vậy là nhớ vật quên mình. Vì vậy Mã Tổ véo cho một cái đau điếng, khiến Hoài Hải phải la lên, Mã Tổ chỉ thẳng: "Sao không nói bay mất đi?" Rõ ràng thường biết mà lại nói qua mất rồi. Cái thấy, cái biết của ông hiện tiền đây thì không nhận, chạy theo bầy vịt trời nên qua mất rồi! Chỗ này hay đáo để.

Như vậy để chứng minh lúc nào chúng ta cũng thấy cũng nghe. Vật bên ngoài tới lui qua lại nhưng ta có mất lúc nào đâu? Tất cả quí vị hiện ở đây có ai không thấy, không nghe đâu. Thấy nghe rõ ràng mà không cần suy nghĩ. Đó là cái chân thật hiện tiền, không động, có sẵn nơi mỗi chúng ta. Chỉ vì lâu nay mình cứ cho nghĩ suy là tâm nên quên mất tâm thật. Chấp thân là mình, chấp suy nghĩ phân biệt làm tâm mình, đó là gốc luân hồi sanh tử. Muốn ra khỏi luân hồi sanh tử phải bỏ hết các thứ chấp ấy đi.

Mỗi ngày chúng ta ngồi thiền là để từng bước từng bước làm công việc ấy. Biết vọng, không theo tức là loại bỏ chúng. Công phu như thế từ từ vọng tưởng lặng. Nhiều người than phiền vọng tưởng mạnh quá, nhiều quá bỏ hoài không hết. Chúng ta nên nhớ mình đã huân sâu vọng tưởng từ bao nhiêu đời rồi, bây giờ muốn sạch liền đâu được. Nhất là những gì ta thích hoặc ghét. Ví dụ ai làm ta đau khổ, mình lặng thinh hay kể cho người này người kia nghe? Kể cho nhiều người nghe. Mỗi lần kể là mỗi lần ôn lại, càng kể càng nhớ sâu thêm. Cũng như khi nhỏ ta học bài, đọc một lần không thuộc, phải đọc hai ba lần, có khi cả chục lần mới thuộc. Và một khi đã thuộc rồi thì bỏ rất khó, muốn quên đi mà vẫn cứ nhớ, tại vì mình huân nhiều quá. Cho nên muốn bỏ cũng phải tập, bỏ hoài bỏ hoài, lâu ngày mới hết.

Cũng vậy, những vui buồn chúng ta đem ra kể cho cha mẹ nghe là khắn vào tâm não một lần, kể cho anh em nghe là khắn thêm hai lần. Cứ thế kể cho bạn bè, bà con láng giềng nghe, ôn đi ôn lại càng nhiều thì thấm càng sâu trong tâm não. Vì vậy khi ngồi yên nó trồi lên, ta "bỏ" chẳng bao lâu nó trồi lên nữa, ta than phiền tại sao bỏ hoài không hết! Mình thu vô một trăm lần thì đuổi ra ít nhất cũng phải tám, chín chục lần mới hết chứ. Sao lúc thu vô nhiều không than phiền, khi đuổi lâu hết lại không chịu. Có phải mình vô lý không?

Những buồn đau, giận hờn… xảy đến ta cứ chứa chấp sâu trong kho Tàng thức, bây giờ muốn loại trừ phải từ từ. Năm này một ít, năm kia một ít nó mới sạch, chớ không phải một lần sạch liền. Vì vậy ngồi thiền là cốt loại những bóng dáng của quá khứ còn lưu lại trong tâm, khiến nó tan mất đi. Chúng hết rồi thì cái chân thật hiện tiền, hằng tri hằng giác của mình hiện bày. Tri giác ấy là tánh Phật. Chư Phật ra đời mục đích để chỉ dạy cho chúng ta bấy nhiêu đó thôi.

Nhận ra tánh Phật hằng tri hằng giác, không suy nghĩ, không thương ghét, không hơn thua là dứt tạo nghiệp thiện ác. Không tạo nghiệp thiện ác thì đâu có luân hồi sanh tử. Đó là nhân giải thoát. Như vậy tu là giác ngộ, biết mình có cái thật phải nhận lại, cái giả bỏ đi. Bỏ được những thứ hư dối, sống hoàn toàn với Tâm chân thật là giác ngộ. Giác ngộ là giải thoát sanh tử.

Như vậy, tu là trở về cái thật sẵn có nơi mình, không phải từ đâu đến, cũng không do ai ban cho. Trong kinh thường nhắc chúng ta có hòn ngọc quí, phải thức tỉnh nhận lại để dùng. Đó là tu. Chúng ta tu là từng bước đi trên con đường giác ngộ. Trước là giác ngộ cảnh bên ngoài không thật. Kế đến giác ngộ thân này do duyên hợp tạm có, không thật. Và giác ngộ sau cuối là biết những nghĩ suy hơn thua phải quấy cũng hư dối, không thật. Biết rõ không lầm như thế rồi sẽ nhận ra được cái chân thật của mình. Đó là giác ngộ hoàn toàn.

Chúng ta cứ đúng theo đạo lý Phật dạy mà tu. Tu lâu ngày mọi thứ khổ đau mê lầm sẽ giảm. Khi nào hết mê lầm tức là chúng ta được giác ngộ viên mãn. Như vậy mới xứng đáng là Phật tử tức con của Phật. Tu là để giải thoát sanh tử, chớ không phải cứ đi mãi trong mê lầm. Vì vậy Phật tử gặp Phật pháp, được quí thầy nhắc nhở tu hành là có phước lớn, chớ không phải thường. Nếu không sẽ chìm mãi trong biển khổ sanh tử, đeo đuổi theo những thứ tạm bợ của thế gian, chịu nhiều đau khổ không biết đến bao giờ mới hết!

Vì thế người biết tu thương tất cả mọi người, không thù ghét ai hết, bởi họ cũng mê lầm giống mình, đuổi theo bóng dáng hư ảo rồi gây khổ cho nhau. Nên giác ngộ rồi tự nhiên phát lòng từ bi. Lúc chưa giác ngộ mà khởi lòng từ bi, e đó chưa phải thật là từ bi. Đó là điều chúng ta phải lưu ý, để không bị lầm lẫn trong lúc dụng công tu. Mong tất cả hiểu được mục đích tu hành của mình để đạt được kết quả như sở nguyện.

☸

NGƯỜI MÊ, KẺ TỈNH THƯƠNG MÌNH KHÁC NHAU CHỖ NÀO ?

Giảng tại chùa Thập Phương - Mỹ năm 2000

Bài pháp hôm nay có tựa Người mê, kẻ tỉnh thương mình khác **nhau chỗ nào?**

Trước tiên, chúng tôi nói về cách thương mình của kẻ mê. Như muốn thỏa mãn sự vui chơi nên người ta bày ra cờ bạc, đàng điếm… cho đó là vui. Vì thương quí bản thân, muốn thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên nó muốn gì liền làm nấy. Đó là thương trong mê. Có người để thỏa mãn khoái cảm tạm thời, họ dùng á phiện, xì ke, ma túy… cũng vì chiều theo những đòi hỏi của bản thân. Có người vì để thỏa mãn khẩu vị, không biết điều độ ăn uống, bệnh hoạn cũng không kiêng cữ. Thương như thế là thật sự thương mình hay phá hoại mình? Đó là phá hoại chớ không phải thương.

Người mê càng thương mình chừng nào trở lại càng hại mình chừng đó. Chẳng những hại trong hiện tại, mà còn kéo dài mãi về sau. Vì thương sai lạc, không đúng chỗ nên phải chịu khổ đau trong đời này và đời sau. Nếu thương mình trong cái mê đó là tai họa, là thương nguy hiểm. Còn thương trong cái tỉnh là tình thương tốt đẹp.

Kế đến tôi nói cách thương mình của người tỉnh. Người tỉnh thương mình trước hết phải tránh những hiểm nguy, tội lỗi. Như quí Phật tử thì qui Tam Bảo, thọ trì Ngũ giới. Ngũ giới là rào chặn không để chúng ta rơi vào chỗ hiểm nguy, đau khổ. Ngược lại, không giữ Ngũ giới là duyên cớ để chúng ta rơi vào chỗ tội lỗi, hiểm nguy. Là đệ tử Phật, đi chùa, lạy Phật, tụng kinh liên miên, mà chưa giữ tròn năm giới thì thật là xấu hổ. Chúng ta giữ giới cho Phật hay cho mình? Rõ ràng vì thương mình mà chúng ta phải giữ năm giới: không giết người, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu mạnh, không hút á phiện, xì ke, ma túy. Đó là người biết thương mình, không để sa đọa trong hố tội lỗi, không để tan vỡ hạnh phúc gia đình.

Trong năm giới, nếu phạm giới Sát giết người thì ở tù. Phật tử giữ giới Sát, chủ yếu là không giết người và những con vật lớn như trâu, bò, heo. Còn những con vật nhỏ hơn giữ được bao nhiêu tốt bấy nhiêu, không bắt buộc giữ hoàn toàn như hàng Tăng Ni. Nhiều vị hiểu lầm, nghĩ không sát sanh là không được sát hại sanh mạng của tất cả muôn loài, nên người làm ruộng hay đánh cá không dám thọ giới. Hiểu như vậy là chưa thấu triệt.

Phật bắt giữ giới là vì thương chúng sanh. Ngài từ bi chế giới cấm để chúng ta vâng theo, giữ giới thì không chuốc quả khổ. Như vậy giữ năm giới là giữ cho mình, chặn đứng con đường tội lỗi. Đó là cách thương chân chánh, quí giá của người tỉnh.

Quí Phật tử có sợ ba độc không? Ba độc là tham, sân và si. Tại sao nói chúng độc? Tham thì trầm lặng khó thấy, nhưng sân rất dễ thấy. Như trong gia đình, vợ chồng nổi sân thì dẫn đến cãi vã, đánh nhau, thậm chí ly dị nữa. Đối với láng giềng, nổi sân cũng gây đủ thứ chuyện lôi thôi. Cho nên sân rất nguy hiểm. Trong kinh kể lại, một hôm Phật hỏi các thầy Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, nếu trong thất của các ông có ba con rắn độc chui vô thì các ông có ngủ ngon không?

Các thầy thưa:

- Bạch Thế Tôn, chúng con ngủ không ngon.

Phật hỏi:

- Làm sao các ông ngủ mới ngon?

Các thầy thưa:

- Bạch Thế Tôn, chừng nào chúng con đuổi hết ba con rắn độc ra khỏi thất thì ngủ mới ngon.

Phật kết thúc:

- Ba con rắn độc tuy độc nhưng không độc bằng ba thứ tham, sân, si. Tại sao? Vì rắn độc cắn chỉ chết thân đời này thôi, còn tham sân si hại không những đời này mà còn qua đến nhiều đời khác nữa.

Đây là điều hết sức cụ thể. Người tu phải dẹp bỏ ba con rắn độc tham, sân, si mới có thể tu được. Làm sao để dẹp chúng? Nóng giận là rắn hổ lửa. Nếu nó ở trong nhà mình, chúng ta phải lấy roi nhẫn nhục để đuổi. Nhẫn là an nhẫn, nhịn nhục, dần dần nóng giận sẽ lắng dịu. Như ai nói câu gì trái ý làm mình nổi giận, miệng la tay múa. Tất cả những hành động khiến người ta khổ gốc từ nóng giận mà ra. Muốn nhịn, có người nói uống nước cho mát, nhưng nước qua khỏi cổ thì nóng lại nữa. Có người niệm Phật, nhưng khi ngưng niệm cũng nổi nóng trở lại. Cho nên đó là những lối trị chưa hữu hiệu lắm.

Bây giờ tôi đề nghị với quí vị một lối nhẫn thực tế hơn. Khi vừa nổi nóng chưa kịp mở miệng, chúng ta liền đọc câu thần chú này: “Nói là ngu, nín là khôn.” Cứ đọc tới đọc lui một hồi thì cơn giận hết. Vì sao? Vì khi nổi nóng mình sẽ nói bậy. Nói bậy tức là ngu. Vì vậy ta tự nhắc nói là ngu, còn im lặng là khôn. Cứ tự nhắc mình như vậy hoài sẽ không nói trong lúc đang nóng. Nhờ thế ta tránh gây khẩu nghiệp, tránh

luôn cả thân nghiệp không tốt. Tự nhắc như thế chúng ta yên được một lúc. Nhưng sau đó nhớ lại cũng nổi nóng nữa, nên phải bước qua chặng thứ hai là quán từ bi.

Từ bi là sao? Từ bi là thương mến tất cả như người thân của mình. Nhưng họ chửi thì làm sao ta thương được? Chúng ta phải dùng trí suy xét kỹ, kẻ nói những điều thô lỗ vô lý là người tỉnh hay mê? Đó là người mê. Nếu người mê thì ta phải tỉnh mới khôn ngoan. Người tỉnh thì phải thương kẻ mê, chớ đâu thể giận họ được. Ví dụ chúng ta vào bệnh viện tâm thần, gặp một người điên chửi mình, lúc đó ta xử trí thế nào, nên giận hay nên thương họ? Họ điên khùng không biết phải quấy, thấy như vậy mình càng thương, chớ đâu nỡ giận. Người điên chửi chúng ta không giận, thì kẻ nói bậy cũng gần giống người điên rồi, ta nên thương họ. Đã thương thì sẽ không còn giận nữa. Đó là quán từ bi.

Như vậy chặng thứ nhất là nhẫn, để ngăn chận sự nóng giận bộc phát, đến chặng thứ hai mới bứng tận gốc sân hận.

Đến tham làm sao trị? Tham dụ như rắn hổ mang. Loại rắn này thường chạy tứ tung, không chịu ở yên một chỗ. Tham có năm thứ: tham tài, tham sắc, tham danh, tham ăn, tham ngủ. Chúng ta trị tham như thế nào?

Tham tiền thì lấy thuốc vô thường trị. Tiền của tuy có nhưng sẽ mất bất cứ lúc nào. Phật dạy tiền của thường bị năm nhà lấy: một là bị nước lụt cuốn trôi, hai là bị lửa cháy tiêu, ba là bị trộm cướp, bốn là bị con bất hiếu phá, năm là bị quan quyền không lương thiện chiếm đoạt. Tiền của chúng ta tích lũy, gìn giữ được một thì muốn thêm hai, được hai muốn thêm ba bốn… cứ muốn tích lũy thêm hoài gọi là tham. Nếu chúng ta nhớ lại của cải nhiều, nhưng gặp tai nạn lửa cháy, nước lụt, con bất hiếu phá, hoặc bị trộm cướp rình rập cướp lấy… thì sẽ tiêu tan hết. Nên đó là của cải không bảo đảm.

Muốn được bảo đảm hơn chúng ta phải tu pháp bố thí. Giả sử một ngàn đồng đủ cho chúng ta sống trong một tháng, nếu mình có ngàn mốt ngàn hai thì tính để dành, đó cũng là hơi tham một chút. Bây giờ có dư ta giúp đỡ những người thiếu kém hơn mình, đó là bố thí. Vì vậy nói bố thí độ san tham. Dư cho thì hết tham, còn tích lũy hoài thì tăng thêm lòng tham. Trước hết chúng ta nghĩ của ấy vô thường, kế nghĩ mình muốn tích lũy là tham, nên đem giúp đỡ cho người nghèo đói, đó là bố thí. Bố thí như vậy có thiệt thòi không? Chẳng những không thiệt thòi mà còn được phước nữa. Phước này không ai rình rập ăn cắp cả. Ngược lại, nếu chúng ta để dành tiền bạc trong tủ thì người ta rình lấy được. Như vậy đem của thế gian dễ mất, đổi lấy phước cao thượng hơn là khôn hay dại?

Tất cả của cải thế gian đều có thể bị người ăn cắp, chỉ nghiệp lành của mình là không ai lấy. Thế tại sao chúng ta ít chịu làm việc này, lại thích chứa hơn là buông. Biết làm thế là khôn mà không dám buông, cứ tích lũy hoài. Người tích lũy của cải

với người tích lũy nghiệp lành, ai lo hơn ai? Như vậy đối với tham tài chúng ta dùng hai thứ thuốc: một là quán vô thường, hai là bố thí để trị.

Đến bệnh tham sắc. Đây cũng thuộc loại bệnh trầm trọng. Bệnh này lấy thuốc quán bất tịnh để trị. Quán thân nhớp nhúa bẩn thỉu, thì tự nhiên bớt tham sắc. Thuở xưa đức Phật tu dưới cội bồ-đề, sắp chứng quả thì Ma vương hiện ra thành mỹ nữ kiều diễm đến dụ dỗ Ngài trở về hưởng lạc thú gia đình. Khi đó đức Phật liền bảo: "Hãy đi! Đãy da hôi thối, ta không dùng." Nghe quở bọn ma xấu hổ rút lui.

Vì sao chúng ta dính mắc với sắc đẹp? Vì nhìn mọi người qua dáng vẻ bên ngoài, chớ không thấy tột cùng phần bên trong. Đức Phật thấy rõ con người chỉ là một đãy da hôi thối. Đó là lẽ thật mà chúng ta lại không dám nhận. Nghe hôi liền kiếm nước hoa bôi lên cho thơm, thấy đen liền lấy phấn thoa lên cho trắng. Đó là đánh lừa nhau, chớ không có lẽ thật. Sự thật thì từ đầu tới chân, chỗ nào cũng nhớp hết. Nếu thân thật đẹp đẽ, sang trọng, lẽ ra trong ngoài đều phải tốt đẹp, nhưng đằng này vừa có rịn chảy chỗ nào thì ta liền nghe hôi hám nhơ nhớp.

Đó là Phật dạy chúng ta thấy đúng như thật giá trị của con người. Khi đã thấy thân là đãy da hôi thối, mình có muốn tìm vài ba đãy da hôi thối ở chung nữa không? Một mình đã chịu không nổi rồi, còn thêm hai ba cái nữa thì quả là khổ! Nhờ quán vậy chúng ta không còn đắm mê sắc đẹp. Đó là chưa nói sắc đẹp không thể tồn tại lâu dài. Chỉ lứa tuổi thanh niên vẻ đẹp mới sung mãn, chớ tới bảy tám mươi tuổi thì da nhăn má hóp, lúc đó hết đẹp rồi. Cái đẹp chỉ tạm một thời mà người ta lại lầm mê, đắm đuối theo nó.

Phật dạy quán thân này nhơ nhớp, là quán ngay nơi mình chớ không phải quán nơi người khác. Nhiều người không biết, nghe Phật dạy quán thân bất tịnh, rồi thấy ai dễ thương liền quán trên người đó, quán một hồi thương thêm! Phải quán ngay nơi mình, biết rõ thân nhơ nhớp, gớm thân mình thì thân người khác cũng sẽ gớm. Quán bất tịnh thành công thì bệnh tham sắc không còn. Nên nói đó là thuốc trị bệnh tham sắc.

Đến tham danh làm sao trị? Tham danh là tham có chức quyền. Ví dụ một Nghị sĩ Quốc hội trước khi ra ứng cử có lo không? Lo làm sao thu hút được quần chúng, nên cũng mất ăn mất ngủ. Kế lại lo cạnh tranh giữa những người được lòng dân, bởi đâu phải chỉ có mình ứng cử, như vậy khổ không? Nếu kết quả mình rớt thì khổ vô cùng, còn đậu mới thấy như vui nhưng thật ra cũng không vui. Vì lãnh trách nhiệm với dân phải làm cho được, nếu làm không được thì bị chửi, như vậy cũng lo nữa. Đến khi mất chức lại càng khổ hơn. Như vậy trước khổ, giữa khổ, sau cũng khổ; ba thời đều khổ chớ sướng ích gì! Khổ mà người ta cứ tưởng vui, cho nên mới giành giựt với nhau. Người tu biết rõ tham danh là nhân đau khổ. Quán như thế thì trị được bệnh tham danh.

Đến tham ăn, có ai không tham ăn đâu. Đại đa số đều thích ăn ngon. Như vậy, bệnh tham ăn làm sao để trị? Chúng ta phải dùng hai thứ thuốc: một là quán vô thường, hai là quán bất tịnh. Cái ngon không tồn tại được lâu, chỉ một phút nửa phút khi nhai, lúc thức ăn còn ở lưỡi thấy ngon, nhưng nuốt qua khỏi cổ rồi thành hôi dơ. Như vậy thức ăn uống chỉ là tạm bợ, ngon trong chốc lát, chớ không bền. Chúng ta ăn cốt để sống khỏe mạnh, chớ không phải ăn cốt để ngon. Nhiều khi vì muốn ăn ngon mình phải tốn hao tiền của gấp mấy lần ăn bình thường. Rõ ràng do tham ăn mà khổ, đó là chưa nói ăn ngon quá sanh bệnh. Cho nên việc ăn uống hạn chế vừa phải, đừng đòi hỏi, đừng tham lam. Đó là biết quán vô thường, quán bất tịnh để trừ bệnh tham ăn.

Đến tham ngủ lấy gì để trị? Tham ngủ là bệnh trầm trọng chung cho nhiều người. Ví dụ Phật tử biết tu, hẹn năm giờ khuya thức dậy tụng kinh, hoặc niệm Phật, tọa thiền. Nhưng đêm đó ngủ ngon giấc, nghe đồng hồ reo cứ lăn qua trở lại, một lát rồi thôi cho nó qua luôn! Đó là bệnh tham ngủ, cũng gọi là bệnh giải đãi, lười biếng. Bệnh này chẳng những Phật tử tại gia, mà kể cả hàng xuất gia cũng thường mắc phải. Phật tử ở ngoài năm sáu giờ mới thức, nhưng trong chùa ba bốn giờ khuya đã dậy rồi. Giờ đó ngủ ngon lắm, cho nên nghe kẻng báo vẫn không muốn ngồi dậy, lăn qua trở lại rồi cáo bệnh ngủ luôn. Đó là bệnh tham ngủ.

Đối với bệnh tham ngủ, có hai pháp để trị. Một là tinh tấn trị giải đãi, hai là quán vô thường. Khi đang ngủ, nghe tiếng kẻng hoặc đồng hồ reo không muốn thức, thì phải nhớ rằng ngày nay mình khỏe mạnh, nhưng chắc gì ngày mai cũng khỏe, nên giờ nào khỏe mạnh thì phải ráng tu, để mai mốt lỡ chết làm sao tu được. Đó là quán vô thường để đánh thức, để lay tỉnh chúng ta ráng tu.

Phật thường dạy phải quán vô thường như cứu lửa cháy đầu. Lửa rớt một đóm lên đầu, ta chờ năm mười phút sau mới phủi hay phủi liền? Vừa thấy lửa cháy đầu thì phải phủi liền. Cũng vậy, ngày nay chúng ta khỏe mạnh, ngày mai chắc gì khỏe mạnh. Vì vậy ngày nào khỏe mạnh thì ráng tu ngày ấy, không chần chờ. Đó là chúng ta biết thân này vô thường, không bảo đảm, lúc nào làm được gì thì cố gắng làm, không bỏ qua.

Nhờ quán vô thường ngay lúc đó ta trỗi dậy, đi rửa mặt rồi tụng kinh niệm Phật hoặc tọa thiền. Nếu cứ lăn qua trở lại giật giựa hoài thì không trỗi dậy nổi, con ma ngủ sẽ làm chủ mình. Quán vô thường xong, kế đó lấy roi tinh tấn đánh mạnh một cái, bắt nó trỗi dậy rửa mặt thì mình tu được, không bị mất thì giờ. Đó là phương pháp trị bệnh tham ngủ.

Như vậy, năm bệnh tham kể trên đều có thuốc trị. Chỉ vì Phật tử lâu nay không biết thuốc trị, nên gặp bệnh không biết làm sao. Trị được năm bệnh đó rồi thì chúng ta hết tham, hết sân.

Đến sau cùng là si. Si mê là gốc đau khổ nhất của cuộc đời. Nói theo đúng thứ

lớp thì trước là si, rồi tới tham, sân. Sân là ngọn, si là gốc. Tại sao? Si mê là thấy không đúng như thật. Sự vật trắng mà mình thấy đen, xấu mà cho tốt, đó là si mê. Si mê là thấy theo ảo tưởng, trí tuệ là thấy đúng như thật. Người nào sống theo ảo tưởng sai lầm đó là người si mê.

Chữ si mê trong nhà Phật có chia từng loại. Loại cạn nhất không biết phân biệt thiện ác, tội phước, chánh tà. Chúng ta tu phải biết rõ gì là thiện gì là ác. Trong nhà Phật dạy làm gì được tốt đẹp, sáng suốt, đem lại lợi ích cho mọi người, đó là thiện. Ngược lại làm điều xấu xa, đem lại nguy hiểm cho mọi người, đó là ác. Chúng ta biết giữ giới không ăn trộm là thiện, người làm những điều đó là ác. Trong kinh đức Phật có nói tới mười điều thiện và mười điều ác, gọi là thập thiện và thập ác.

Thập thiện là gì? Thập thiện bao gồm ba điều thuộc về thân: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm. Bốn điều thuộc về miệng: không nói dối, không nói lời ác độc, không nói lời ly gián, không nói lời thêu dệt. Ba điều thuộc về ý: bớt tham, bớt sân, bớt si. Đó là mười điều thiện, ngược lại là mười điều ác. Nếu người còn tham sân si đầy đủ đó là người ác. Chúng ta tu là phải giảm những điều ác, tăng những điều thiện. Làm đau khổ cho người cho vật là tội, làm vui vẻ cho người cho vật là phước.

Đến phân biệt tà chánh, Phật tử phải biết thế nào là chánh, thế nào là tà, không phân biệt được điều này rất dễ phạm lỗi lầm. Phật dạy Phật tử tu giữ năm giới, làm lành lánh dữ, tức tu nhân quả. Gieo nhân lành thì hưởng quả lành, nhân ác thì chuốc quả ác. Chúng ta tu cốt làm sao không tạo tội lỗi, không phạm giới, đồng thời giữ đúng tinh thần nhân quả của Phật. Cái phước đến do mình đã tạo nhân lành, cái khổ đến do mình đã tạo nhân ác. Đức Phật tuyên bố Ngài không có quyền ban ơn xuống họa cho ai. Vì sao? Vì nếu có ban ơn xuống họa thì không còn nhân quả. Nhân quả do mình tạo thì mình lãnh, chớ không do ai ban cả.

Vậy mà Phật tử đi chùa, thắp hương lạy Phật: “Phật cho con cái này, cho con cái kia…”, xin nhiều hơn cúng! Đó là mắc tội tham rồi vì cúng ít mà đòi nhiều. Thế là Phật tử phạm hai tội: một tới chùa mà còn tham, hai không làm đúng lời Phật dạy. Phật bảo chúng ta làm nhân lành sẽ được quả lành, nhưng chúng ta không chịu làm lại xin. Nên hiểu đi chùa, cúng chùa là vì Tam Bảo, tức vì Phật, Pháp, Tăng để cho ngôi Tam Bảo ngày càng sáng sủa hơn. Cúng mà không đòi gì cho mình, đó mới đúng với tinh thần của Phật tử. Nếu có nguyện thì nguyện cho Tam Bảo thường còn ở thế gian để cứu độ chúng sanh. Đó mới đúng là tâm chân chánh của người Phật tử.

Mỗi năm tới mồng tám tháng giêng âm lịch, quí vị thường đi cúng sao phải không? Chỗ này tôi nói cho quí Phật tử hiểu rõ. Đúng ra nhà chùa không có coi ngày coi giờ, không cúng sao cúng hạn, nhưng tại sao bây giờ lại cúng? Vì ở Việt Nam ngày xưa có các cụ đồ nho chuyên coi lịch. Trong lịch để ngày lành ngày dữ, tuổi tốt

tuổi xấu, cúng sao cúng hạn. Nhưng về sau, đến khi Pháp cai trị thì không cho dân mình học chữ Hán, bắt học chữ Việt. Lần lần mấy ông đồ thất nghiệp.

Phần Phật tử chúng ta đã quen coi lịch, muốn cất nhà không coi lịch không yên, nên đem lịch đến chùa nhờ thầy coi giùm, vì thầy mới biết chữ Hán. Ai muốn cất nhà, muốn định vợ gả chồng cho con cái đều đem lịch tới nhờ thầy coi giùm. Nhờ thầy coi rồi chẳng lẽ không nghĩ nhớ ơn thầy, cũng tạ ơn chút ít, lâu ngày thành thói quen. Phần mấy thầy thấy làm như vậy được Phật tử cúng dường, khỏi làm gì khác cũng khỏe, nên cứ thế mà làm.

Thật ra trong kinh Tứ Thập Nhị Chương, kinh Di Giáo, Phật đã cấm những điều đó, vì nó thuộc về tà, không phải chánh. Cho nên Phật tử phải hiểu rõ, sở dĩ trong chùa có các việc như thế là vì hoàn cảnh, chớ không phải đó là nghề của quí thầy. Nghề của quí thầy là tu. Hiểu như vậy, Phật tử đừng đòi hỏi quí thầy làm thế nữa, đem mấy cuốn lịch đốt tuốt cho rồi, không cúng sao cúng hạn gì hết!

Tôi nói điều này cho quí vị thấy, có khi nào cúng sao cúng hạn để tên thầy Trụ trì đầu sổ không? Không có chuyện đó. Nghĩa là thầy không tin, mà tại Phật tử đòi nên buộc lòng quí thầy phải để tên rồi đốt sớ cho quí vị vui. Nếu đó quả là một quyền lợi lớn thì tên thầy phải đứng đầu. Hiểu như vậy quí Phật tử mới biết cái nào chánh, cái nào tà để chừa bỏ. Tin nhân quả là chánh, tin cúng sao cúng hạn là tà, đó là lẽ thật.

Thí dụ như việc coi ngày, ai cũng lựa ngày tốt để đi đường khỏi bị tai nạn, vậy sao mấy chú ăn trộm cũng lựa ngày đó nhưng vẫn bị bắt như thường. Nên biết ngày đó đâu có cố định, chủ yếu do tâm mình. Ngày nào cũng là ngày tốt nếu tâm mình tốt. Ngày nào cũng là ngày xấu nếu tâm mình xấu. Đó là lẽ thật. Vậy mà chúng ta không sợ tâm, lại đi sợ ngày. Đó là tin tà không tin chánh. Tin tà là si mê. Nếu kể ra thì rất nhiều thứ si mê. Bỏ được những si mê ấy là chúng ta đi con đường chánh, phân biệt tà chánh rành rẽ thì sẽ không còn si mê nữa.

Như vậy chúng ta biết cái gì tội nên tránh, cái gì phước nên làm, đó là có trí tuệ, hết si mê. Cho nên người tu phải can đảm, nhìn đúng lẽ thật, thì việc tu mới tiến. Nếu không như thế việc tu không tiến được.

Phiền não do tham sân si mà ra. Nếu chúng ta biết chừa, biết ngăn đón tham sân si thì phiền não sẽ giảm dần. Nhưng có nhiều Phật tử nói đi chùa nhiều năm mà sao càng đi càng phiền não? Đó là vì đi chùa mà không biết tu, đi chùa muốn được người ta khen, muốn được phước nhiều mà không chịu tu. Tu là việc hết sức chân thật cao thượng, chớ không phải như lâu nay chúng ta lầm tưởng.

Đối với người tỉnh, thương mình là phải tìm ra cái gì thật mình, cái gì không phải thật mình. Chúng ta xét xem nơi mình cái gì thật, cái gì không thật. Thân này thật không? Không thật. Tại sao? Vì thân vô thường, duyên hợp tạm có. Nhà Phật nói thân do bốn phần đất, nước, gió, lửa hợp lại thành. Chất cứng trong người là đất, chất ướt

trong người là nước, chất động trong người là gió, hơi ấm trong người là lửa. Bốn thứ đó thiếu một thì không sống được.

Khi bốn chất đó hợp lại thành thân rồi, muốn thân tăng trưởng lâu dài thì phải mượn đất, nước, gió, lửa bên ngoài bồi bổ thêm hoài. Như vậy nó mới còn, mới tăng trưởng. Như lỗ mũi chúng ta đang thở. Hít vô là mượn, thở ra là trả. Mượn trả, mượn trả… trả ra mà không mượn lại thì tắt thở. Nếu thân thật thì đâu cần mượn, mà mượn thì không thật. Đó là nói về gió.

Đến nước, một lát mượn tách nước, mượn rồi trả. Rồi mượn cơm tức là mượn đất, mượn rồi cũng trả. Như vậy chúng ta sống an vui, khỏe mạnh là nhờ mượn trả suôn sẻ. Nếu mượn trả trục trặc thì phải đến bệnh viện cứu cấp liền. Thế thì giá trị của con người ở chỗ nào? Chỉ là sự mượn trả, mà chúng ta cứ ngỡ mình thật, mình là chủ tất cả. Khi thấy được thân này vay mượn tạm bợ, chúng ta có bớt quí nó không? Giả sử ai chê, nói mình xấu quá ta có giận không? Đã là đồ vay mượn, xấu tốt có quan trọng gì.

Sở dĩ người ta chê một câu mà mình nổi sân đùng đùng là do ta tưởng mình quí, tưởng mình tốt. Còn nếu biết mình là hư giả, người ta nói gì mình cũng cười thôi. Đó là người trí tuệ, ngược lại là kẻ si mê. Như vậy lấy cái tạm bợ làm cái chân thật của mình có được không? Chắc chắn không được rồi. Đó là tôi nói về thân.

Đến tâm, cái gì là tâm mình? Vấn đề này tế nhị hơn. Lâu nay chúng ta quen cho nghĩ thiện nghĩ ác… là tâm mình. Tôi xin hỏi, từ khi cha mẹ sanh ta ra đến ngày nhắm mắt, mình là một hay trăm thứ tạp nhạp? Tâm suy nghĩ thiện ác hơn thua phải quấy tạp nhạp, một ngày đổi thay cả trăm lần. Nếu tâm ấy là mình thì chúng ta tạp nhạp mất rồi. Nên phải biết tâm buồn thương giận ghét hơn thua phải quấy chỉ là những mảnh vụn, tạm bợ, chớ không phải thật tâm mình.

Đạo Phật chỉ cho chúng ta cái gì là thật nơi mình. Như khi niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, tâm không còn suy nghĩ lăng xăng nữa, mới được đức Phật đón về Cực lạc. Tại sao phải niệm tới chỗ nhất tâm? Vì tất cả những nghĩ suy đều là tạp nhạp hư dối, không phải thật mình. Lặng hết những thứ đó, Tâm chân thật mới hiện bày. Tâm chân thật hiện bày nên Phật mới đến đón. Cho nên niệm Phật phải niệm tới nhất tâm là vậy.

Còn tu thiền để được định. Định những tâm lăng xăng lộn xộn, mà lâu nay chúng ta mê cứ tưởng nó là mình. Những thứ giả dối tạm bợ ấy lặng rồi thì được định. Định tới chỗ cứu kính sẽ được Niết-bàn vô sanh. Như vậy, chủ trương đạo Phật dạy tu là dẹp tâm lăng xăng lộn xộn, trở về Tâm chân thật sẵn có nơi mình. Lâu nay chúng ta quên nên cứ chạy theo những thứ lăng xăng.

Khi chúng ta ngồi chơi năm mười phút yên tĩnh, không nghĩ gì hết, lúc đó có mình không? Nếu nói suy nghĩ là tâm mình thì lúc đó mình chết sao? Nhưng rõ ràng

không suy nghĩ mà ta vẫn hiện tiền. Gió thổi nghe mát, chim kêu nghe tiếng, người qua lại thấy rõ ràng. Như vậy, cái thấy biết vẫn hiện tiền mà không đợi suy nghĩ. Thấy biết hiện tiền đó mới là cái chân thật của mình. Chỉ vì lâu nay chúng ta cứ bị tâm vụn vặt che phủ nên lầm nhận nó là mình.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật giảng giải nghĩa "chủ" và "khách" rất rõ ràng. Đức Phật bảo ngài A-nan, như trong một nhà trọ, có người chủ coi nhà và một người khách tới tá túc. Khách ở một lúc rồi đi, còn chủ nhà không đi. Như vậy đến đi là khách, còn chủ nhà không có đến đi. Cũng thế, cái sanh diệt được mất lăng xăng là khách mà ta nhận là mình, còn Ông chủ thường trực lại bỏ quên. Đó là nhận khách làm chủ. Nhận như vậy là tỉnh hay mê? Bởi mê nên Phật dạy chúng ta phải tu, để định lại tâm lăng xăng đó. Tâm đó lặng thì Ông chủ hiện ra, gọi là giải thoát sanh tử.

Tu Phật là để giải thoát sanh tử. Cái gì giải thoát? Đó là tâm không sanh không diệt, thường giác thường tri. Bao nhiêu kinh điển Phật dạy đều đi tới chỗ đó. Tâm lăng xăng dừng thì Trí tuệ Phật hiện ra. Tu là biết những lỗi lầm chừa bỏ để trở thành con người tốt, dần dần bỏ luôn những tâm phân biệt tốt xấu để trở về Tâm chân thật. Đó chính là mình, tu như vậy là từng bước đi tới giác ngộ giải thoát.

Hiểu đúng chúng ta mới biết được lẽ thật, nếu không chúng ta tu để mong những việc hão huyền vô ích. Thế nên chúng tôi giản trạch cho quí Phật tử biết cái gì thật mình, cái gì không phải thật mình. Những niệm nghĩ lăng xăng là vọng tưởng, ta phải "buông" để nó lặng xuống. Chừng nào hết vọng tưởng thì Tâm chân thật hiện tiền. Thật ra, không phải đợi hết vọng tưởng tâm đó mới có, nó luôn sẵn có nhưng vì vọng tưởng che khuất nên ta không nhận ra.

Thí dụ như đêm rằm, trên hư không mặt trăng vẫn sáng tròn, nhưng mây đen cứ liên tục kéo dày đặc nên chúng ta không thấy mặt trăng. Chừng nào mây tan thì trăng mới hiện. Trăng hiện ra là mới có hay đã sẵn có rồi? Đã sẵn có rồi. Cũng vậy, chúng ta sẵn có ông Phật của mình, nhưng vì mây phiền não che phủ. Nếu dẹp được mây phiền não thì ông Phật của mình hiện ra, không cần tìm kiếm ở đâu hết. Sống được với ông Phật thật của chính mình, đó mới là người biết tu, biết trở về cái cứu kính chân thật, nguồn an lạc vĩnh cửu. Ngược lại, chạy theo tâm suy nghĩ lăng xăng, chúng ta chỉ chuốc đau khổ mà thôi.

Tóm lại, chúng tôi nêu lên người tỉnh và kẻ mê thương mình khác nhau như thế nào cho quí vị thấy rõ, để chọn cho mình một lối đi. Người mê thương mình nhưng rốt cuộc lại hại mình, càng thương lại càng hại chớ không lợi ích gì. Còn người tỉnh thương mình, từ thấp đến cao, tìm cho được chỗ cứu kính mình là cái gì. Tìm được rồi thì vĩnh viễn an lạc.

Chúng ta phải luôn tỉnh để tự cứu mình, chớ không ai cứu mình được. Nếu mê thì đi trong trầm luân muôn kiếp, còn tỉnh thì lần lần thoát khỏi phiền não, vượt ra vòng luân hồi sanh tử. Đó là chỗ cao siêu, cứu kính trong đạo Phật.

☸

THẦN THÔNG BẤT NĂNG ĐỊCH NGHIỆP

Giảng tại Hoa Kỳ - 2000

Hôm nay quí Phật tử tới gia đình đạo hữu Minh Pháp thăm Thầy. Theo tinh thần trong đạo, chúng ta thăm nhau không phải để nói chuyện qua loa cho vui, mà quí Phật tử hỏi đạo lý, Thầy giảng đạo cho Phật tử nghe. Vì vậy hôm nay, Thầy sẽ nói vấn đề nho nhỏ là Thần thông **bất năng địch nghiệp, nghĩa là thần thông không thể chống lại với** nghiệp.

Quí Phật tử thường thích thần thông hơn thích nghiệp và cũng sợ thần thông hơn sợ nghiệp. Giả sử Thầy đang nói chuyện ở đây, mà ngoài kia có vị nào bay lên trụ giữa hư không, lúc đó Phật tử còn ngồi để nghe Thầy giảng hay là chạy ra đảnh lễ vị bay trên hư không kia? Tâm con người hiếu kỳ thường thích cái lạ, mà xem thường những việc bình thường. Trong khi đạo Phật lại rất bình dị, không cầu kỳ, không nói những điều quái lạ.

Phật dạy chúng sanh từ nghiệp nên có thân. Vậy nghiệp từ đâu mà ra? Nghiệp từ thân, miệng và ý. Chính thân, miệng, ý gây tạo nghiệp lành hay nghiệp dữ, sức nghiệp đó sẽ lôi dẫn ta đi. Cho nên nghiệp là sức mạnh, nhưng vì người ta không thấy nên không tin có nghiệp. Ví dụ một thanh niên tập uống rượu hay hút á phiện, khi thiếu hai thứ đó thì họ sẽ ụa, mửa… Đó là do nghiệp không tốt, nó hành lại người tạo nghiệp.

Chúng ta làm nghiệp lành nghiệp dữ, không thấy đâu hết, nhưng khi nó tới rồi thì mình chạy không khỏi, tránh không được. Như người có quyền lực thấy kẻ yếu hà hiếp, chửi đánh người ta. Chửi đánh rồi kẻ có quyền thấy như vậy là xong, nhưng người kia tích lũy phiền hận trong lòng, đợi đến khi gặp cơ hội họ sẽ trả thù lại. Vậy chỗ chứa những nghiệp oán hờn đó ở đâu? Nghiệp không thấy, chỗ chứa nghiệp cũng không thấy, nhưng gặp cơ hội thì nó phát ra.

Nghiệp quan trọng như vậy, người đời lại không quí, còn thần thông chỉ là trò đùa mà lại quí. Nghe ai tu có Tha tâm thông, vừa gặp mình họ liền điểm mặt nói: "Anh đang nghĩ điều này điều nọ…" Nghe đúng phóc mình rởn óc muốn lạy họ liền. Còn quí thầy dạy Phật tử làm việc lành được phước, làm việc ác chịu tội thì thấy

thường quá, không có gì hấp dẫn, nên không kính phục. Đó là chúng ta chưa có nhận xét đúng đắn về sức mạnh của nghiệp.

Trong kinh kể hồi xưa đức Phật còn bị nạn Kim thương, Mã mạch. Kim thương tức là bị mũi nhọn đâm vào chân, Mã mạch là ăn lúa ngựa trong vòng ba tháng. Vì Ngài được một vị vua mời về an cư, nhưng rồi quên không cúng cho Ngài. Lúc đó ông giữ ngựa thấy thương, mới đem lúa ngựa ra xay giã, nấu cúng Phật. Phước đức như Phật mà còn bị nạn như thế, là do nghiệp trước Ngài đã tạo, cho nên thân chót phải trả cho hết. Nên biết nghiệp đã tạo dù ác hay lành đều trả quả hết, hoặc sớm hoặc muộn thôi, chớ không bỏ qua được.

Trong hàng đệ tử Phật, ngài Mục-kiền-liên là thần thông đệ nhất, có thể bay lên trời, lặn xuống nước một cách tự nhiên. Vậy mà khi sắp bỏ thân, Ngài phải trả hết nghiệp nên chịu cho bọn cướp vây đánh, dùng thần thông bay lên hay độn thổ cũng không được. Đến lúc chúng bỏ đi rồi, Ngài vận hết sức thần thông mới tới đảnh lễ được Phật trước khi tịch. Nguyên nhân là vì đời trước Ngài đã đốt một tổ ong, nên đến thân chót Ngài chứng A-la-hán rồi, bọn chúng bắt Ngài phải trả cho hết.

Ngày xưa khi vua Lưu-ly xua quân sang đánh dòng họ Thích, Phật nghe tin báo đã chặn đường nhà Vua khuyên hãy trở về, đừng tạo nghiệp tàn sát nhau nữa. Lần thứ nhất vua Lưu-ly nghe lời khuyên của Ngài nên quay về. Lần thứ hai ông cũng gặp Phật và lại về. Nhưng đến lần thứ ba, ông quyết kéo quân làm cỏ sạch dòng họ Thích mới thôi. Khi ấy Phật nói: “Nghiệp của dòng họ Thích, ta không thể cứu được!”

Như vậy thần thông mạnh hay nghiệp lực mạnh? Quí Phật tử thường nghĩ, mình cứ làm việc ác rồi sám hối, hi vọng Phật sẽ tha cho. Nghiệp của dòng họ Thích mà Phật còn không cứu được, huống nữa là chúng ta. Chúng sanh đã tạo nghiệp, không trả sớm thì cũng trả muộn, chớ không trốn đâu cho khỏi hết. Đừng nghĩ rằng mình tạo nghiệp ác rồi sau đó làm lành sẽ khỏi quả ác. Làm lành thì được phước, nhưng nghiệp ác đã tạo vẫn phải trả như thường.

Thí dụ, trước đây chúng ta đã đánh một người láng giềng khiến họ hận mình, nhưng vì yếu thế nên họ không thể trả thù được. Nếu trong thời gian đó, ta biết hối hận ăn năn nên xử sự tốt với mọi người trong xóm. Người xóm giềng kia khi đã đủ cơ hội, họ sẽ tìm cách trả thù, nhưng nhờ bà con trong xóm thương nên họ bênh vực mình. Như vậy, nợ cũ vẫn trả nhưng phước mới che chở nên chúng ta đỡ được phần đau khổ. Nên biết nghiệp thì phải trả, song nhờ phước che chở nên trả nhẹ hơn. Hiểu như vậy chúng ta mới thấy lợi ích của sự tu. Tu là để ba nghiệp của chúng ta được sạch, được tốt hơn, chớ không phải tu để có thần thông.

Phật tử thì ngược lại thích có cái gì kỳ đặc. Chính vì tâm ham muốn ấy mà bị người xấu dùng thần thông để lừa gạt. Thời đức Phật còn tại thế, một hôm vua Ba-tư-nặc đến thưa: “Bạch Thế Tôn, trong nước con có một vùng dân không chịu nghe đạo

lý, chỉ thích thần thông. Xin Thế Tôn dùng thần thông nhiếp phục thì họ mới chịu tu." Phật lắc đầu, nói: "Ta chỉ dùng đạo thông để giáo hóa thôi, chớ không dùng thần thông." Vì đạo thông mới có thể giúp cho chúng ta nhận ra đâu là đúng, đâu là sai để sửa mình từ xấu trở thành tốt. Còn thần thông không thể làm cho chúng ta thức tỉnh và tu tập được.

Cho nên trong nhà Phật thường dạy tu thì phải chuyển được nghiệp ác thành nghiệp thiện. Quí Phật tử xét lại, miệng chúng ta lúc nào cũng nói lời hiền lành hay có khi nói lời hung dữ? Khi thì hiền lành, nhưng cũng có khi rất hung dữ. Thân cũng vậy, có khi giúp kẻ này người kia, nhưng cũng có khi tát tai người ta. Đến ý cũng vậy, khi nghĩ tốt khi nghĩ xấu, mà thường thì xấu nhiều tốt ít.

Nên khi đã tu chúng ta tập thân không làm ác, làm những điều lành, như không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm. Miệng không nói dối, không uống rượu v.v… Đó là mới nói tu về miệng và thân thôi. Phật tử nếu không giữ tròn năm giới thì có đổi được nghiệp xấu của thân, của miệng không? Không đổi được. Muốn đổi được thì phải giữ năm giới cho tròn, rồi tiến tu Thập thiện gọi là Thập thiện nghiệp đạo, tức thêm ba điều nữa là bớt tham, bớt nóng giận, bớt si mê. Đây chính là tu về ý.

Như vậy thân, khẩu, ý của mình đều phải chuyển, phải sửa. Có thế chúng ta mới xứng đáng là người tu chuyển nghiệp ác thành nghiệp lành. Nếu chuyển hết nghiệp ác thành nghiệp lành thì khi nhắm mắt mình sẽ đi theo đường lành. Trong nhà Phật có chia ra lục đạo luân hồi. Thấp nhất là địa ngục, kế là ngạ quỉ, súc sanh, người, a-tu-la, trời. Người làm ác sẽ bị nghiệp dẫn đi trong ba đường xấu, địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh. Người làm nghiệp lành thì sẽ được sanh trong cõi người, a-tu-la, trời.

Người tu nào cũng thích đi ba cõi trên, ngán ba cõi dưới. Bởi vậy, không muốn quả xấu thì đừng tạo nghiệp xấu. Ý không nghĩ điều xấu, miệng không nói lời xấu, thân không làm việc xấu, thì đâu có nghiệp xấu. Bởi nghiệp do thân, khẩu, ý tạo ra. Quí Phật tử nhớ trong lá phái qui y của quí vị có bài kệ:

Chư ác mạc tác

Chúng thiện phụng hành,

Tự tịnh kỳ ý,

Thị chư Phật giáo.

Dịch:

Chớ làm các điều ác,

Vâng làm các điều lành,

Giữ tâm ý thanh tịnh,

Là lời chư Phật dạy.

Chư ác mạc tác là đừng làm các điều ác. Chúng thiện phụng hành là vâng làm các điều lành. Đó là nói về thân và khẩu. Giữ tâm ý *thanh tịnh là tu về ý. Chư Phật dạy giữ thân, khẩu, ý tốt lành, trong sạch* thật gọn, thật đơn giản. Vừa nghe qua có thể thuộc rồi, nhưng hành không biết bao giờ mới xong. Hồi xưa Thiền sư Ô Sào ở Trung Hoa, thường ngồi thiền trên cháng ba cây được ngộ đạo. Tiếng lành vang xa, lúc đó có thi sĩ Bạch Cư Dị nổi tiếng đương thời tìm tới tham vấn Ngài. Ông đứng dưới gốc cây chắp tay, ngước lên thưa: “Bạch Hòa thượng, xin Ngài dạy cho con yếu chỉ của Phật pháp.” Thiền sư vẫn ngồi trên cây, đọc một bài kệ:

Chư ác mạc tác,

Chúng thiện phụng hành,

Tự tịnh kỳ ý,

Thị chư Phật giáo.

Nghe xong, thi sĩ cười: “Thưa Ngài, bài kệ này con nít tám tuổi cũng thuộc, Ngài dạy con làm gì?” Thiền sư trả lời: “Phải, con nít tám tuổi cũng thuộc, nhưng ông già tám mươi làm cũng chưa xong.”

Chỉ có bốn câu kệ mà chúng ta tu cả đời cũng chưa xong. Phật Tổ dạy người tu sống phải tránh làm các việc ác, lo làm các việc lành. Cho nên Phật tử khi mới vào đạo được dạy phải giữ năm giới để ngừa tội ác. Tránh ác làm lành thì khi chết sẽ đi trong ba cõi lành. Sau cùng giữ ý thanh tịnh, trong sạch là gốc của sự tu. Như vậy, nếu rút gọn bài kệ trên thì hết sức đơn giản, nhưng nói rộng ra thì rất nhiều.

Chúng ta học Phật, tu Phật thì phải nắm vững những gì Phật dạy. Cần biết rõ hiện giờ mình đang đi trên đường nào. Nếu là đường dẫn xuống ba cõi khổ thì phải dừng ngay, đừng tiếp tục đi theo con đường nguy hiểm đó nữa. Nếu đi đường lành thì tiếp tục theo hướng tốt đó, bảo đảm sẽ không bị đau khổ.

Thầy thường ví dụ như xe cũ hư, chúng ta có tiền mua xe mới đẹp hơn. Thân này có ai khỏi chết đâu, mà không hề nghĩ tới. Cứ lo ngày nay ăn thứ này, ngày mai mặc thứ kia, mua sắm mọi thứ ăn mặc sang trọng. Lo đã đời, đến khi lăn đùng ra chết có đem theo được gì? Thế mà người ta lo tích lũy cái mất, không tích lũy cái còn. Tiền bạc xe cộ là vật chất lúc nào cũng có thể bị mất đi, nhưng nghiệp lành, công đức lành đã tạo thì không ai ăn cắp được. Cất ngôi nhà cho đẹp, nhưng lỡ một trận lụt hay cơn hỏa hoạn đi qua là tiêu hết. Chỉ có nghiệp mình làm là không mất.

Quí Phật tử mỗi ngày làm một điều lành, tích lũy lần lần, ai thấy đâu mà lấy. Thầy thường ví dụ như một ông bác sĩ, một ông thợ hồ và một ông thợ mộc cùng đi trên chiếc thuyền qua sông. Tới giữa dòng, thuyền bị sóng đánh chìm, dụng cụ đồ đạc ba người mang theo đều trôi theo dòng nước hết. Chỉ ba ông thì ráng lội được tới bờ,

lúc đó chẳng còn gì ngoài hai bàn tay trắng. Tất cả dụng cụ tiền bạc mất hết, nhưng nghề bác sĩ, nghề thợ mộc nghề thợ hồ vẫn còn. Nghề tức là nghiệp, như vậy nghiệp là cái không mất.

Thế nhưng con người lo tạo những vật chất bên ngoài mà không lo tạo những nghiệp lành. Muốn có tiền nhiều để gởi ngân hàng, không muốn làm điều lành để gởi vào kho nghiệp của mình. Đó là những trường hợp bị lấy hoặc bị phá. Còn có trường hợp người ta không lấy, không phá mà mình vẫn mất như thường. Chẳng hạn, ngày nay chúng ta còn khỏe mạnh, tiền bạc nhà cửa thấy như của mình. Song ngày mai ngã ra chết thì những thứ đó thành của ai? Lúc còn sống cái gì cũng của tôi, nhà tôi, tiền tôi, vợ con tôi v.v… Khi chết những thứ đó của ai, mình không biết.

Lúc ra đi chúng ta không thể mang theo vàng ngọc tiền bạc, chỉ mang theo nghiệp. Tất cả những gì mình gầy dựng trong mấy chục năm, rốt cuộc không đem theo được gì. Còn nghiệp lành nghiệp dữ chúng ta không quan tâm, nhưng cuối cùng nó sẽ theo mình. Như vậy chúng ta có biết thương mình, biết lo xa cho mình không? Phật dạy chúng sanh như vậy nên thương, chớ không nên giận.

Chúng ta phải thấy rõ người làm ác là người đáng thương, vì họ sẽ khổ ở ngày mai. Người làm lành mình vui mừng với họ, vì mai kia họ sẽ bớt khổ, sẽ sung sướng hơn. Đối với người ác thì ta thương, đối với người hiền thì ta mừng, bên nào cũng tốt cả. Nhưng ở đời người ta hay ích kỷ, ai làm điều tốt hơn mình, thì không thích người ta.

Thí dụ Phật tử đi chùa, có người quyên góp ủng hộ đúc tượng Phật. Khi đó mình không có tiền, nên chỉ cúng một trăm thôi. Chị khác nghèo hơn, cúng năm chục, còn người khá nhất cúng mười ngàn. Ra khỏi chùa liền có tiếng xầm xì: “Con nhỏ đó phách quá.” Tức là mình không tùy hỉ với chị khá kia, mà lại cho là phách. Lẽ ra mình nghèo cúng ít, còn người khá cúng nhiều ta nên mừng người ấy phát tâm dũng mãnh. Điều tốt của người mình không nhận, điều xấu của người mình không bỏ, tốt hơn không được, xấu hơn cũng không được. Như vậy là sao, mình muốn cái gì? Quí Phật tử trả lời giùm Thầy đi. Đó là vì ích kỷ.

Chúng ta tu là phải biết rõ vật gì quí thì giữ, vật không quí thì bỏ. Bây giờ thử kiểm lại xem ta quí cái nào? Trăm người như một đều quí cái không giữ được. Cho nên Phật thương chúng sanh ngu muội, cái đáng quí thì không quí, cái không đáng quí lại quí. Vật chất thế gian cố giữ mấy nó cũng mất, còn nghiệp trung thành với mình nhất, đi theo ta từ đời này sang đời khác lại không lo. Nên người biết phải cố gắng gầy dựng hoặc chuyển hóa nghiệp cho được tốt đẹp, đừng tạo nghiệp ác. Bởi vì đối với nghiệp, chúng ta không thể dùng thần thông biến hóa trị được, chỉ chuyển nghiệp thôi. Nên người tu phải ngay nơi nghiệp mà tu, ngay nơi nghiệp mà chuyển, còn thần thông chỉ là trò chơi thôi.

Trong kinh có dẫn câu chuyện. Một người tu theo ngoại đạo rất đắc lực, chứng được ngũ thông, giảng đạo hay lắm. Ngũ thông là Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Thần túc thông và Túc mạng thông, chỉ thua Phật Lậu tận thông. Trời Đế Thích nghe ông giảng đạo thích quá, nên đến thường xuyên. Một hôm nghe giảng xong, Đế Thích khóc. Ông ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao Thiên tử khóc?

Trời Đế Thích thưa:

- Con nghe Ngài giảng pháp hay quá, con mến nhưng rất tiếc mạng Ngài sắp hết rồi.

Ông hoảng lên:

- Vậy phải làm sao?

Trời Đế Thích nói:

- Chỉ có đến cầu Phật họa may mới cứu được.

Ông hỏi:

- Bây giờ Phật ở đâu?

Trời Đế Thích đáp:

- Phật đang ở vườn Trúc, nước Ca-lan-đà.

Ông liền dùng thần thông bay đến chỗ Phật. Giữa đường chợt thấy hai cây ngô đồng trổ bông thật đẹp, ông liền dùng phép thần thông nhổ hai cây ngô đồng ấy, để trên hai tay đem cúng dường Phật. Đến chỗ Phật, ông dâng hai cây ngô đồng lên thưa:

- Bạch Ngài, con xin cúng hai cây ngô đồng này cho Ngài. Xin Ngài dạy con pháp môn giải thoát, không còn bị chết nữa.

Phật liền bảo:

- Buông!

Ông liền buông một cây ngô đồng xuống. Phật bảo:

- Buông!

Ông buông cây còn lại. Phật bảo:

- Buông!

Ông liền nói:

- Con chỉ có hai cây ngô đồng, Ngài bảo buông con buông hết rồi, bây giờ Ngài bảo con buông cái gì nữa?

Phật nói:

- Không phải ta bảo ngươi buông cây ngô đồng. Lần thứ nhất ta bảo buông là đừng dính với sáu căn. Lần thứ hai ta bảo buông là đừng kẹt nơi sáu trần. Lần thứ ba ta bảo buông là đừng chạy theo sáu thức. Buông được ba cái đó thì ông giải thoát, hết chết.

Nghe vậy ông liền tỉnh ngộ, tu tập và chứng quả A-la-hán, sau khi bỏ thân này, không còn bị chết nữa.

Chúng ta thấy rõ người có thần thông, muốn gì được nấy, nhưng tới khi mạng hết cũng phải chịu. Hiểu cho thấu, nhìn cho tường tận, chúng ta mới thấy thần thông không thể đưa chúng ta đến chỗ an lành tự tại. Nghiệp của mình mới là quan trọng, không bao giờ bỏ mình, cũng không ai thế được. Hiểu được nghĩa của nghiệp rồi, những gì xấu đến với mình, chúng ta không kêu trời trách đất, nghiệp lành đến với mình ta không tự cao tự đại. Có nghiệp thì vui trả, không chạy trốn không sợ sệt, đó là người biết tu.

Hôm nay Thầy nói cho quí Phật tử biết để dè dặt, nếu biết tu thì bảo đảm đời sau bớt khổ. Đời này, nếu còn nợ trước thì chúng ta cứ trả. Phải hiểu rằng quả báo tốt xấu là do nghiệp lành dữ đời này hay đời trước mình đã tạo mà ra. Giả sử đời này ta không tạo nghiệp xấu, nhưng nợ cũ còn, bây giờ mình phải trả thì nên cười hay nên khóc? Nếu cười là Phật tử rất hiểu biết, rất can đảm. Bởi vì dù ta có kêu trời trách đất, nghiệp cũng không mất. Cho nên người Phật tử hiểu đạo có một sức sống mạnh mẽ vô cùng.

Thí dụ trong một dãy phố, có bốn căn nhà. Nhà giữa vừa bán cho người khác. Người mới đến làm ăn cần cù, có thu nhập đều đều, nhưng khi được hỏi, họ lắc đầu nói: “Tôi làm ăn như vậy mà năm nay vẫn còn thiếu nợ.” Nhà kế đó cũng bán cho người khác, ông này làm ăn lơ mơ nhưng lại dư dả. Nếu chỉ nhìn trong hiện tại chúng ta bất bình lắm, tại sao người làm chí tử lại thiếu, còn người làm ăn lơ mơ lại dư.

Nhưng nếu truy nguyên kỹ, biết ra anh làm ăn chí tử vẫn thiếu là vì khi mua nhà anh đã vay nợ, nên bây giờ có tiền phải trả nợ, nợ chưa hết thì còn thiếu. Anh dư dả là vì mua nhà không phải mượn nợ. Cũng vậy, hiện tại chúng ta thấy mình từ nhỏ đến lớn hiền lành, mà sao tai nạn tới dồn dập nên than trời trách đất. Đó là chúng ta chỉ biết đời này, mà không biết những đời trước của mình. Do si mê nên không thấy được quá khứ của mình, nên chúng ta đau khổ. Chừng hiểu được đạo lý Phật dạy rồi, chúng ta chấp nhận trả nghiệp, không còn than trách ai cả.

Nhớ như vậy quí Phật tử sẽ tu được, có can đảm vượt qua tất cả mọi hoàn cảnh trắc trở. Hôm nay Thầy nói bấy nhiêu, mong quí Phật tử hiểu, khéo ứng dụng tu trong đời sống

hằng ngày. Từ đó mới thấy lợi ích thiết thực của đạo Phật. Tu là chuyển nghiệp, chớ không mong cầu điều gì xa vời không có sự thật.

☸

HOA HAY LÀ RÁC ?

Thiền viện Hương Hải - 2001

Đề tài tôi nói chuyện với Tăng Ni và Phật tử hôm nay có tên Hoa hay là **rác?**

Vừa rồi, đi chơi buổi sáng qua nội viện Ni ở Trúc Lâm, tôi thấy mấy cây hoa trà mi nở rộ thật đẹp. Vài hôm sau cũng đi qua chỗ đó thấy nó rụng xuống đầy đất, không ai chịu quét nên Quản chúng rầy: "Rác rến đầy hết mà sao không chịu quét", nhân đó tôi có đề tài này.

Hôm qua còn ở trên cành, ai cũng trầm trồ khen đẹp, nhưng vài hôm sau héo rụng xuống đất, không ai gọi là hoa đẹp nữa mà nói là rác rưởi, không chịu dẹp sạch thì bị rầy. Như vậy hoa là hoa mãi hay chỉ là hoa ít hôm rồi thành rác? Chỉ việc này nếu chúng ta nghiệm kỹ sẽ thấy đạo lý rất thâm sâu.

Lúc còn ở Chân Không, nhân thấy con chó chết, tôi có làm hai câu kệ: "Còn động còn ấm còn ta, động dừng ấm dứt thì ma ra đồng." Thân chúng ta cũng vậy, khi còn hơi ấm, còn thở ra vào thì còn là người thân, người yêu, người quí của mình. Nhưng phút trút hơi thở cuối cùng, hơi ấm tan dần, lúc đó gọi là người thân yêu hay là thây ma? Cũng như từ một đóa hoa tươi tốt, chúng ta khen quí, ít hôm sau thành rác rưởi bị chê bỏ, không quét không được. Từ một người thân đang được quí mến mà trút hơi thở cuối cùng, tất cả hơi ấm trong người tan hết, liền trở thành một thây ma. Dù thân quyến thương mến mấy cũng không ai dám để thây ma đó trong nhà quá năm bảy hôm.

Người quí mến của mình hôm trước, bữa nay có khác với đóa hoa không? Đóa hoa còn tươi trên cành được quí, ai hái mình la rầy. Mấy hôm sau nó rụng xuống đất khô héo, ai không quét mình cũng rầy. Thân chúng ta khi khỏe mạnh vui tươi ai cũng quí mến, nhưng mai kia tắt thở không còn hơi ấm nữa, chừng năm mười tiếng đồng hồ người ta bắt đầu sợ từ từ rồi. Nếu để năm ba hôm không đậy, chắc chắn không ai dám nhìn. Thế thì có thua gì xác hoa rụng đâu.

Chẳng những thân phận con người, mà tất cả sự vật trên thế gian này đều như thế. Chúng chỉ có giá trị khi còn tốt, còn lợi ích, đến lúc sức tàn lực kiệt, sắc màu phai nhạt thì tất cả đều không ra gì. Vậy mà khi sống còn nói năng đi lại, chúng ta có chịu nhịn chịu thua ai không? Ít nhiều gì cũng ráng cãi cho thắng người, dù cuối cùng mình chỉ là một thây thối thôi. Thiền sư Mãn Giác có làm bài kệ Tết thế này:

Xuân khứ bách hoa lạc,

Xuân đáo bách hoa khai,

Sự trục nhãn tiền quá,

Lão tùng đầu thượng lai.

Mạc vị Xuân tàn hoa lạc tận,

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Tạm dịch:

Xuân đi trăm hoa rụng,

Xuân đến trăm hoa cười,

Sự việc trôi qua mãi,

Trên đầu già đến rồi.

Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết,

Đêm qua sân trước một cành mai.

Chỉ bốn câu trên thôi đủ để tả sự đổi thay không bao giờ dừng lại của cả thế gian. Mùa Xuân đến hoa nở, mùa Xuân đi thì hoa tàn. Hoa nở rồi tàn, người sanh rồi tử, cũng giống như nhau. Từ các sự vật bên ngoài cho đến bản thân con người đều chịu chung một qui luật, nở rồi tàn, sanh rồi tử, không ai thoát được hết. Chúng ta hiện sống trên quả địa cầu đang quay vùn vụt, nếu nó ngừng quay thì mọi vật sẽ nổ tung. Con người cũng vậy, sống trong cái động tự nhiên chúng ta phải chịu chung một qui luật vô thường. Luật vô thường này không tha thứ, không chừa một ai, thế mà mình lại không nhớ. Làm được việc này việc nọ rồi thì hăng hái xông pha hoài, không nhớ ngày mai mình ra sao!

Thiền sư Mãn Giác nói "Sự trục nhãn tiền quá" tức là trước mắt luật vô thường giống như dòng nước cuốn trôi hết. Tất cả sự vật trên thế gian đều bị dòng nước vô thường cuốn đi, không dừng ở một chỗ. Nhìn lại mình đầu đã bạc trắng lúc nào không hay, đó là luật vô thường cuốn trôi.

Nhưng Thiền sư còn có hai câu thơ sau: Mạc vị Xuân tàn hoa lạc tận, *Đình tiền tạc dạ nhất chi mai, nghĩa là "chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết,* đêm qua trước sân còn cành mai". Tất cả hoa đều bị thời gian Xuân, Hạ, Thu, Đông làm tàn phai, rơi rụng, nhưng có một loài hoa vẫn nở rực vào tiết mùa Đông. Hai câu thơ chót thấm thía làm sao! Trong cảnh đời vô thường, muôn vật cho đến con người, không ai thoát khỏi sự sanh diệt, thế mà vẫn còn có một cái luật vô thường không chi phối được. Nó vẫn đứng vững giữa dòng chảy vô thường. Đó là cành mai. Như vậy cành mai nói lên cái gì?

Đạo Phật nhìn đúng chân lý của muôn sự muôn vật, thấy rõ luật vô thường, nhưng trong cái vô thường ấy lại ngầm có cái chân thường bất sanh bất diệt. Song con người không biết không nhận ra, nên chỉ thấy luật vô thường chi phối. Chúng ta là hàng xuất gia, có nên chấp nhận dòng cuốn ấy hay giống như hoa mai, vẫn nở rực giữa mùa Đông lạnh giá? Nếu cưỡng lại luật vô thường gọi là giải thoát sanh tử, còn đi theo luật vô thường là trôi lăn trong sanh tử. Đó là một vấn đề hết sức thiết yếu.

Người xuất gia là người chấp nhận trôi lăn trong luân hồi sanh tử hay giải thoát luân hồi sanh tử? Đó là câu hỏi mà tất cả Tăng Ni, Phật tử chúng ta phải hiểu, phải thấm. Chúng ta chịu đưa tay đầu hàng con quỉ vô thường, mặc tình cho nó dẫn đi đâu thì đi hay ngược lại, phải thoát ra vòng tay của nó? Nếu qui thuận đầu hàng thì tu làm gì, ở ngoài thế gian hưởng thụ ăn ngon, mặc đẹp cho sướng. Đi tu chay lạt, khổ sở làm chi cũng bị quỉ vô thường dẫn đi, có hơn ai đâu. Vấn đề này cần phải thâm hiểu cho thấu đáo mới thấy giá trị của người tu là cao siêu. Nếu ta thả trôi ai sao mình vậy thì người tu không kém gì kẻ thế tục.

Vậy muốn đối đầu với vô thường chúng ta phải làm sao? Hoa mai nở vào mùa Đông là hình ảnh thoát ra ngoài định luật vô thường, chúng ta tìm ở đâu ra cái thoát khỏi vô thường đó? Đây là điều then chốt người tu chúng ta cần phải thấu triệt.

Chúng tôi chủ trương mỗi đêm Tăng Ni phải tụng Bát-nhã, xả thiền cũng tụng Bát-nhã là để làm gì? Tôi nhắc lại một đoạn trong Bát-nhã, đức Phật đã chỉ cho chúng ta lối thoát ra khỏi luật vô thường như thế này: "Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách." Nghĩa là Bồ-tát Quán Tự Tại khi hành sâu Bát-nhã ba-la-mật-đa, Ngài soi thấy năm uẩn đều không, liền vượt qua tất cả khổ ách. Một câu này thôi đủ giải thoát rồi.

Từ lâu chúng ta sống trong vô minh tăm tối, chấp thân tứ đại là thật, tâm sanh diệt nghĩ suy phân biệt là tâm mình thật. Thấy hai thứ đó thật, nhà Phật gọi là vô minh. Vì chấp thân thật nên quí thân, quí luôn những gì thân ưa thích. Như vậy từ chấp thân thật, chúng ta chạy theo sự đòi hỏi của nó, gom góp tất cả vật chất nó thích về mình. Kế đó cho cái hay suy nghĩ, phân biệt, cảm xúc là tâm tôi. Tôi nghĩ thế này, tôi nghĩ thế nọ, tôi buồn, tôi thương, tôi giận, tôi ghét, tất cả đều là tôi hết.

Cuộc sống con người quan trọng ở hai mặt vật chất và tinh thần, hay nói cách khác là thân và tâm. Thân thì chấp tứ đại thật, tâm thì chấp phân biệt, hơn thua, phải quấy, tốt xấu là tâm mình thật rồi tự mãn với bao nhiêu đó. Không biết thân này tạm bợ, đủ duyên thì còn, thiếu duyên thì mất. Trăm người, vạn người, cho đến ức triệu người, không ai thoát khỏi già chết. Cái không thể giữ, không thể còn mãi mà chúng ta cố giữ, như vậy có đúng không?

Nếu thân này thật thì cha ông chúng ta phải còn. Hỏi ra tất cả đều mất hết, mình cũng sắp mất nữa, thì thật ở chỗ nào? Cái không thật mà tưởng là thật gọi đó là gì? Là vô

mình, mù tối, không nhận chân được lẽ thật. Kế đó tâm suy nghĩ, tưởng tượng, được mất, hơn thua, phải quấy, cho là tâm mình. Nhưng khi nhìn kỹ xem những thứ đó ở đâu? Tìm lại không thấy, nó biến dạng biến hình mất tiêu. Nếu thật thì phải có chỗ trú ẩn, nếu không có thì rõ ràng là không thật. Chẳng qua chúng chỉ là bóng dáng tiền trần do mình tưởng tượng ra, rồi theo đó tạo nghiệp chịu luân hồi sanh tử.

Như vậy chấp thân thật, chấp tâm thật là gốc của luân hồi sanh tử, nên đức Phật dạy Bồ-tát Quán Tự Tại quán sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Không. Sắc tức là thân tứ đại, duyên hợp tạm có không thật. Thọ tức là cảm giác của mình, mắt thấy sắc liền phân biệt đẹp xấu, đẹp thì thích, xấu không thích, đó là cảm thọ của mắt. Tai nghe tiếng khen chê liền vui buồn, đó là cảm thọ của tai. Cho tới lưỡi, thân cũng vậy, những cảm giác mình ưa thích hoặc không ưa thích v.v… đều thuộc về Thọ uẩn. Chúng không tự có, đợi cảnh duyên tiếp xúc với các căn mới có. Như vậy thọ cũng không thật, là Tánh không.

Tưởng tức những tưởng nhớ về quá khứ hay vị lai v.v… chúng cũng đều là bóng dáng không thật. Quá khứ đã qua, vị lai chưa đến, hiện tại là một dòng sanh diệt, thế thì tưởng cái gì? Cho nên biết tưởng chỉ là ảo tưởng thôi, không thật. Hành là suy tư, niệm này sanh niệm kia diệt. Thí dụ chúng ta đi chợ, định mua món thứ nhất là rau cải, món thứ hai là nước tương, thứ ba là gì đó, nghĩ cái này, nghĩ cái kia, nghĩ luôn luôn không dừng, nên gọi hành, tức từng bước từng bước tiến chớ không dừng ở một chỗ. Như vậy hành cũng không thật. Đến thức phân biệt đẹp xấu, hơn thua, phải quấy là y cứ trên căn và cảnh mà có sự phân biệt. Nếu căn cảnh đã không thật thì thức cũng không thật.

Tóm lại thọ, tưởng, hành, thức, bốn thứ này thuộc tâm, sắc thuộc về thân. Bản tánh của thân tâm là không, duyên hợp tạm có, hư ảo không thật. Nhưng chúng ta thấy nó thật nên mới sanh ra luân hồi khổ đau muôn kiếp. Bây giờ chỉ cần soi thấu Sắc uẩn là thân duyên hợp hư dối; thọ, tưởng, hành, thức là bóng dáng duyên theo sáu trần không thật. Hai thứ đó đều không thật, tánh nó là Không, theo duyên tạm hiện. Thấu đáo điều đó rồi chắc chắn chúng ta vượt qua hết tất cả khổ ách.

Chúng ta tu là thâm nhập lời Phật dạy, hiểu cho thấu đáo để ứng dụng tu, chớ không phải tụng kinh cho Phật nghe. Phật thuộc rồi mới dạy mình, vậy mà đêm nào ta cũng tụng cho Phật nghe thì tội nghiệp Phật quá, nghe hết bài kinh này đến bài kinh nọ cũng mệt mỏi chứ! Tụng kinh là nhắc lại lời Phật dạy, nhớ hiểu để ứng dụng tu cho đúng, chớ không phải đánh mõ cho nhanh tụng cho lẹ để rồi bổn phận. Giải y ra thấy cái gì cũng thật, chứng nào vẫn tật nấy, tụng kinh như thế chẳng khác nào chê bai đùa giỡn với Phật.

Phật nói pháp Tứ đế, Mười hai nhân duyên hàng Nhị thừa cho là chân lý, nên Ngài bảo pháp ấy cũng không thật luôn. Vì sao? Vì pháp là để trị bệnh chúng sanh. Chúng sanh có bệnh gì Phật nói pháp đó để trị. Bệnh lành rồi thuốc cũng phải bỏ. Bởi thuốc và bệnh đều không thật. Nếu bệnh thật thì không lành, đã lành thì không thật. Bệnh không

thật thì thuốc cũng không thật. Cho nên cả Tứ đế, Thập nhị nhân duyên đều không thật, tất cả pháp đối đãi đều không thật. Vì vậy Phật nói không vô minh, không vô minh diệt. Phá được mê lầm về thân, về tâm thì chúng ta hết khổ.

Như vậy làm sao tìm ra cái thật đây? Câu "dĩ vô sở đắc cố", nghĩa là vì không có sở đắc, nên Bồ-tát diệt hết những buồn phiền, đau khổ để đi tới Niết-bàn vô sanh. Như vậy cái gì biết tất cả pháp không thật? Đó là Bát-nhã. Bát-nhã là trí tuệ chân thật của chính mình, soi thấy được lẽ thật nên tiêu diệt hết những nghĩ tưởng điên đảo, cứu kính đạt đến Niết-bàn.

Cho nên trong thân hư ảo, tâm giả dối vẫn còn có cái chân thật. Cái ấy "biết" hư ảo, "biết" giả dối, đó chính là Trí tuệ Bát-nhã. Chúng ta sống được với trí tuệ này thì đi tới chỗ vô sanh. Chẳng riêng Bồ-tát thấy như vậy mà cả ba đời chư Phật cũng đều thấy như vậy. Đọc kinh Bát-nhã, ta có cảm tưởng dường như có sự mâu thuẫn. Trước thì nói không có gì thật, không có gì được, cuối cùng lại được. Được một cái mà chúng ta đã từng có mà từng quên, nên nói được nhưng thật ra không được gì cả.

Nơi mình có sẵn Trí tuệ Bát-nhã nhưng vì không biết sử dụng, cũng như người chiến sĩ có sẵn cây kiếm bén, nhưng giặc tới đưa tay chịu trói chớ không dùng kiếm của mình được. Chúng ta cũng vậy, có Trí tuệ Bát-nhã rất bén nhạy, rất siêu thoát nhưng không sử dụng nên quỉ vô thường tới liền đưa tay đầu hàng, mặc tình nó dẫn đi trong lục đạo luân hồi, chớ không chống cự được.

Trí tuệ Bát-nhã không dính, không kẹt với tất cả các pháp hư ảo nên thoát ly được sanh tử. Mọi vật trên thế gian đều bị vô thường chi phối, đều bị biến động, còn trí tuệ Bát-nhã không bị vô thường chi phối, không bị biến động nên không có lực nào làm tổn hại nó được. Tu như vậy mới xứng đáng một đời tu, cầu đạo giác ngộ giải thoát. Chớ chỉ tu hình tướng, ngày này qua ngày nọ, tụng kinh cho Phật nghe v.v… thì không biết kiếp nào mới thoát khỏi luân hồi sanh tử được.

Hiểu tường tận thế rồi, trên đường tu chúng ta mới khỏi lầm lẫn. Tôi thấy đa số người tu đều quí thân như vàng ngọc, rất quan trọng lời khen tiếng chê, cho nên phiền não dẫy đầy. Đó là vì không thấu triệt được lý đạo, cứ ngỡ mình tụng kinh gõ mõ thế là tu tốt rồi. Đâu phải ăn chay là giải thoát, đâu phải tụng kinh nhiều là giải thoát mà phải thấu đáo được lời Phật dạy, sống đúng như vậy mới giải thoát sanh tử được.

Hôm nay nhân ngày lễ khánh thành Thiền viện Hương Hải, tôi nói cho Tăng Ni hiểu rõ hàng xuất gia phải tu sao cho xứng đáng, không hổ thẹn vì đã đầu hàng qui luật vô thường, chúng ta nhất quyết giải thoát khỏi vô thường, đó là điều ghi tâm khắc cốt của những người con Phật.

Mong tất cả Tăng Ni nghe hiểu và ứng dụng đúng những gì Phật dạy. Được vậy, lo gì chúng ta không ngửi được mùi hương của hoa mai giữa mùa Đông lạnh giá.

KHÉO CHỌN CON ĐƯỜNG TỐT

Giảng tại Chân Không tháng 01 - 2001

Hôm nay tôi sẽ nói một đề tài rất gần gũi, là "Chúng ta nên gây dựng đào tạo cái lâu dài bền bỉ, không nên bảo vệ gìn giữ cái tạm bợ hư dối".

Người đời chỉ lo gây dựng gìn giữ những thứ tạm bợ, mà cái chân thật của mình lại không lo. Như lo làm sao có tiền, có nhà cửa, xe cộ v.v… Cả ngày chỉ lo tiền của, sự nghiệp, các thứ phương tiện vật chất thỏa mãn cho nhu cầu hưởng thụ của bản thân. Khá nữa thì lo danh vọng, địa vị v.v… mà những thứ đó có ở đời với mình không? Tiền bạc, của cải, danh vọng đến mấy rồi một lúc nào, nó cũng từ giã mình đi mất. Cả đời cứ lo như thế thử hỏi có phí công không? Lo cho cái không giữ được, mà cứ lo hoài, còn một cái trung thành với mình đáo để lại bỏ lơ. Đó là vấn đề chúng ta cần phải nghiệm xét lại cho kỹ.

Thế thì cái thiết yếu đó là gì? Là nghiệp. Nghiệp là cái thiết yếu, trung thành với chúng ta nhất mà mình không nhớ. Nghiệp theo sát bên ta không bao giờ rời, từ đời này sang đời khác, liên tục không mất. Vậy nghiệp là gì? Nghiệp là thói quen do ta tạo nên. Ví dụ có người học làm thợ hồ, thợ mộc, thầy thuốc v.v… khi học thành nghề rồi gọi là nghiệp. Cho nên hai người cùng làm một nghề gọi là bạn đồng nghiệp. Do đó nghề nghiệp gắn chặt với chúng ta suốt cả cuộc đời, nếu ăn sâu nó sẽ theo ta đến các đời sau.

Nói nghiệp không phải chỉ làm nghề này, nghề nọ thôi, mà còn có nghiệp lành, nghiệp dữ nữa. Người tạo được nhiều tiền của trong nghiệp dữ thì nghiệp ấy dẫn họ đi đến chỗ khổ. Nếu tạo trong nghiệp lành thì được đi theo đường lành. Nghiệp theo sát chúng ta từ lúc sống cho tới khi chết, từ đời này tới đời khác, không dừng ngang một chỗ nào, nếu ta chưa dứt sạch nghiệp.

Như người thầy thuốc hay thợ hồ thợ mộc gầy dựng được nhà cửa khang trang ấm cúng. Ban đêm bỗng có hỏa hoạn, nhà cửa cháy sạch, mọi người trong nhà hoảng hốt chạy ra, không lấy được gì hết. Tất cả của cải bao năm làm ra đều bị thiêu hủy, nhưng nghề thầy thuốc hay nghề thợ hồ thợ mộc vẫn còn. Như vậy của cải có thể mất hết nhưng nghề nghiệp không mất, mình chạy đi đâu nó theo đó. Rõ ràng nghề nghiệp theo ta, không bao giờ mất.

Tạo nghiệp lành, nghiệp dữ cũng vậy. Đã mang nghiệp trong người, dù có hoạn

nạn bất thường nó cũng không mất. Lửa cháy, nước trôi hoặc trộm cướp binh biến có thể thiêu hủy hết tài sản vật chất, nhưng cái nghề của mình không có gì phá được. Lúc nào còn sống với nghề thì còn gầy dựng được sự nghiệp. Chẳng những nghiệp không mất khi ta đang sống, mà nó còn dẫn mình đi thọ báo sau khi chết nữa, nên nói nó rất trung thành.

Thế nhưng ít khi ta nhớ mình đang tạo nghiệp lành hay nghiệp dữ, miễn sao có tiền thôi, lành dữ gì cũng cứ làm. Đó là người không biết tu. Người biết tu dù làm việc đó nhiều tiền, nhưng ác thì nhất định không làm. Nghiệp lành dù ít tiền hơn nhưng lại làm. Làm đủ sống thôi, miễn khi nhắm mắt nghiệp lành đó dẫn đi tới chỗ lành là ta không khổ. Chớ được nhiều tiền của, mà khi nhắm mắt rơi vào đường khổ thì có sướng ích gì?

Chúng ta sợ nghèo hay là sợ nghiệp dữ? Người sợ nghiệp dữ là người biết tu. Người chỉ biết tiền của mà không biết nghiệp lành, nghiệp dữ là chưa biết tu. Vì vậy khi làm gì, chúng ta phải xét việc làm ấy lành hay dữ. Nếu lành thì cố gắng làm, còn dữ thì phải tránh. Tu là biết chọn cho mình một con đường tốt để đi. Không biết chọn đường tốt thì mai kia mình phải chịu khổ thôi. Nghiệp xuất phát từ lời nói, hành động và ý nghĩ của chúng ta. Một lời nói, một ý nghĩ, một hành động ác là tạo nghiệp ác. Một lời nói, một ý nghĩ, một hành động lành là tạo nghiệp lành. Như vậy thân miệng ý là ba chỗ tạo nghiệp. Khi ta ghét ai, họ thấy mặt ta họ cũng ghét ngay. Chính ý niệm xấu lộ ra ngoài gương mặt, người ta thấy là không ưa nhau rồi. Lời nói, hành động xấu ác của mình cũng thế, chiêu cảm đến người khiến họ không thương ta được. Từ ý niệm, lời nói, hành động xấu trong hiện đời khiến người ta đã không thương mình, huống nữa là khi nhắm mắt, tất cả những hiện tướng ấy lộ rõ ra nét mặt mình, thật là xấu xí. Nghiệp sẽ dẫn ta đi thọ sanh vào các đường dữ, lúc đó hối hận sao cho kịp.

Khi biết rõ tạo nghiệp ác phải chịu khổ, tạo nghiệp lành sẽ được vui thì mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm chúng ta luôn kiểm điểm lại mình. Nếu lỡ làm điều xấu ráng sám hối chừa cải. Nếu làm việc tốt cố gắng nỗ lực làm thêm, đó là người khôn ngoan biết lo cho ngày mai. Chớ cứ ham tiền nhiều, không biết lành dữ lo tích lũy mãi, không ngờ đó là tích lũy cái khổ. Ngày nay tạo nghiệp ác, hiện tại đã bị mọi người ghét, khi nhắm mắt nghiệp ác dẫn tới chỗ khổ đau hơn nữa. Như vậy đời này khổ, đời sau khổ, không lúc nào được an vui.

Chúng ta phải làm sao dù nghèo nhưng ai cũng thương hết. Thân làm việc lành, miệng nói lành, ý nghĩ điều lành, hiện đời mọi người quí mến, sau khi chết còn sung sướng bằng mấy lần nữa. Trong hai con đường, tạo nghiệp ác để khổ, tạo nghiệp lành để vui, tùy chúng ta muốn chọn lựa con đường nào cũng được, không ai bắt buộc mình cả. Người khôn ngoan tự biết phải chọn đường nào rồi, đâu cần cân nhắc gì nữa.

Thế nên người khôn ngoan trong đạo là biết tu tạo các nghiệp lành, chớ không phải khôn ngoan là lanh mồm lẹ miệng hiếp đáp lường gạt kẻ khác. Hiểu như vậy chúng ta mới chuẩn bị con đường ngày mai của mình được an vui, sung sướng hơn. Phật cũng

không thể ban nghiệp lành cho chúng ta được. Nếu ta nghĩ, nói, làm tốt thì hưởng quả tốt; nếu ta nghĩ, nói, làm xấu thì chịu quả xấu. Phật không thưởng cũng không phạt ai cả, chúng ta hoàn toàn chịu trách nhiệm về ba nghiệp của mình. Rõ ràng ta có quyền chọn con đường của mình, không thể đổ thừa tại Phật trời gì cả.

Bệnh của người thời nay là hay đổ thừa. Mình làm xấu bị người ta khinh ghét liền kêu trời kêu đất, tại sao thiên hạ tệ bạc với tôi quá. Đâu có tại làm sao, tại mình hết. Biết như vậy chúng ta phải tự xoay lại mình, thấy những gì xấu dở bỏ ngay, những gì tốt đẹp cố gắng làm. Đó là chúng ta biết tu, biết thương mình, biết lo xa.

Thuở xưa đức Phật nói ví dụ về ông trưởng giả giàu có với bốn bà vợ. Bà vợ thứ nhất thương ông trung thành, nhưng ông lại lơ là không thèm biết tới. Bà vợ thứ hai ông để tâm săn sóc hơi khá một chút. Bà vợ thứ ba ông rất cưng chiều, lúc nào cũng săn sóc kêu gọi luôn. Bà vợ thứ tư ông ở đâu thì bà ở đó, không rời xa nửa bước.

Hôm đó ông đau nặng sắp chết, liền kêu bốn bà lại hỏi:

- Bây giờ tôi sắp chết, có bà nào chịu theo tôi không?

Bà vợ thứ tư sợ quá liền lên tiếng trước:

- Khi ông khoẻ mạnh, ông ở đâu tôi ở đó, nên ông chết tôi xin đưa ra tới cửa.

Bà vợ thứ ba lên tiếng kế:

- Bình thường ông kêu gọi tôi luôn, chăm sóc nhắc nhở mãi, nên ông chết tôi xin đưa tới cổng.

Bà thứ hai nói:

- Bình thường ông cũng có nghĩ nhớ tới tôi, bây giờ ông chết tôi xin đưa tới mộ.

Đến bà vợ thứ nhất thì:

- Bình thường ông không ngó ngàng tới tôi, nhưng bây giờ ông chết tôi xin nguyện theo ông.

Quí vị thấy ông trưởng giả bội bạc không? Người trung thành với mình lại lơ là, còn người không trung thành lại chiều chuộng yêu quí. Đức Phật kết luận hợp pháp bốn bà vợ ấy như thế này: Bà vợ thứ tư dụ cho tiền bạc. Chúng ta đi đâu có nó trong túi, nhưng khi chết nó chỉ nằm trong nhà thôi, vì vậy đưa tới cửa là hết bổn phận của nó. Cái bội bạc nhất ta lại thân thiết quí trọng nhất. Bà vợ thứ ba dụ cho tài sản, chúng ta luôn nhớ đến nó và lúc nào cũng giữ gìn sợ mất. Nhưng khi chết tài sản đồ đạc không thể ra khỏi vòng rào, nên nó chỉ tiễn mình tới cổng. Bà vợ thứ hai dụ cho chức tước, danh vọng, bình thường ta cũng có để tâm chăm sóc đến nó. Khi chết quan tài đưa tới mộ sắp hạ huyệt, người ta đọc bài điếu văn kể chức tước địa vị một chút là xong, nên nói nó đưa tới mộ. Bà thứ nhất dụ cho nghiệp. Nghiệp theo ta như bóng với hình, mình sống nó sống với

mình, mình chết nó đi theo mình. Vậy mà bình thường ta lơ là không ngó ngàng tới nó. Cả ngày chẳng nhớ mình tạo nghiệp lành hay nghiệp dữ, chỉ nhớ tiền thôi. Như vậy có phải chúng ta bội bạc với cái trung thành với mình nhất không?

Chúng ta thường lơ là với cái trung thành nhất và thân thiết với cái giả dối tạm bợ nhất, nên phải chịu khổ. Nhớ câu chuyện này, mình tự biết mỗi ngày phải để ý tới nghiệp đã tạo để tránh ác làm lành. Đó mới thật sự là thương mình, lo cho mình.

Để kết thúc buổi nói chuyện hôm nay tôi mong tất cả chúng ta sẽ làm ông trưởng giả khôn ngoan biết thương người trung thành, đừng thương người bội bạc để đời này an vui, đời sau cũng được an vui.

☸

PHẬT HÓA HỮU DUYÊN NHÂN

Giảng tại chùa Vạn Hạnh
San Diego - Mỹ năm 2000

Lâu nay mỗi chúng ta theo đạo Phật nhưng có nhiều điểm nghi ngờ, thấy đạo Phật hình như tiêu cực, đa số chùa chiền đều ở trên núi, cách xa thành thị. Gần đây mới có một số chùa ở thành thị. Chư Tăng, chư Ni chỉ lo tu, ít đến nơi này nơi kia giáo hóa. Hoặc như đức Phật ngày xưa cứ ôm bình bát đi khất thực, ngày nay hình thức ấy vẫn còn.

Qua những hình ảnh ấy, người ta nghĩ đạo Phật bi quan, Tăng Ni không cố gắng, không nỗ lực tạo kinh tế sống cho mình, cứ đi xin hoài. Vì vậy tôi sẽ giải thích câu Phật hóa hữu duyên nhân cho tất cả hiểu. Đạo Phật chỉ giáo hóa người có duyên thôi. Nghe thế đa số Phật tử nghi ngờ đạo Phật giáo hóa có sự lựa chọn, không công bằng. Nhưng nhìn cho thấu đáo, có thể nói rằng người Việt Nam chúng ta thấm nhuần đạo Phật rất sâu. Hồi xưa khi còn bé, tôi thích đọc Minh Tâm Bửu Giám, trong đó có câu:

Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ,

Vô duyên đối diện bất tương phùng.

Có duyên dù ở xa ngàn dặm cũng gặp nhau, còn không có duyên dù đối diện trước mặt cũng không thông cảm nhau được. Hai câu đó của sách Nho đời Tống, là do ảnh hưởng Phật nên mới nói thế.

Dân quê nước ta khi thấy hai người thương mến nhau thì nói "hai người đó có duyên nợ với nhau". Như vậy dân tộc mình hiểu đạo Phật quá rồi. Hoặc khi ta giải thích điều gì cho ai mà họ không thèm nghe, ta nói "người đó không có duyên với tôi". Dù muốn dù không chúng ta cũng phải thừa nhận rằng, ai có duyên với mình, mình mới có thể thân mến, ai không có duyên với mình, dù gặp nhau hoài mình cũng không có chút cảm tình. Chúng ta thấy chữ "có duyên" hay "vô duyên" thường dùng trong đời sống hàng ngày của mọi người, thật ra do ảnh hưởng Phật giáo mà có.

Như vậy chữ Duyên trong nhà Phật nói lên toàn bộ mối tương duyên tương quan giữa mình và mọi người từ nhiều đời đến nay. Nếu không có duyên gặp nhau cũng không thân thích. Như hàng tháng chúng tôi về Thường Chiếu giảng, Phật tử từ xa tựu hội về chùa rất đông, trong khi những nhà lân cận tới rất ít. Như vậy là sao? Đúng là có duyên thì thiên lý ngộ, mà vô duyên thì đối diện bất tương phùng.

Câu "Phật hóa hữu duyên nhân" nói lên lẽ thật chúng ta đang sống chớ không phải

tưởng tượng. Trong kinh kể mỗi buổi sáng, trước khi đi giáo hóa, đức Phật dùng thiên nhãn xem hôm nay người nào có duyên với mình, Ngài đi thẳng tới đó giáo hóa. Nơi nào không có duyên Ngài không đi. Rất tiếc Tăng Ni thời nay không có thiên nhãn, nên nhiều khi đi giáo hóa bị thiên hạ rầy. Đó là vì mình không có duyên mà đi đại, đi càn. Tôi nói vậy để quí vị thấy ý nghĩa của chữ có duyên và vô duyên.

Người học và hiểu đạo Phật rồi, sẽ thấy những điểm rất kỳ đặc. Như đức Phật ôm bình bát vào xóm làng khất thực, thế thường gọi Ngài đi ăn xin, nhưng Phật nói Ngài gieo duyên với chúng sanh. Nếu ai có chút lòng lương thiện, dù chưa biết Phật pháp, thấy Ngài ôm bát tới xin, họ không tiếc một vài bát cơm cúng. Đó là họ gieo duyên với Phật rồi. Khi thấy Phật, chư Tăng, chư Ni tới trước cửa nhà, gia chủ nào không nỡ làm thinh, đem ít thức ăn cúng dường, đó là gieo duyên. Một lần đức Phật đi khất thực, thấy mấy chú bé đang đùa cát, làm núi chơi bên đường. Gặp Phật, một chú hốt cát vô cái vùa dâng lên cúng dường. Phật nhận rồi bảo Tôn giả A-nan đem về rải nơi tịnh thất của Ngài. Vậy mà sau này, lịch sử nói vua A-dục chính là hậu thân của chú bé cúng cát đức Thế Tôn thuở nọ. Cho nên hai bàn tay của ông nhám như cát. Ông chính là vị vua hiếu chiến được Phật cảm hóa trở thành một Phật tử truyền bá, mở mang đạo Phật rộng nhất từ trước đến giờ. Với hành động lấy cát thô dâng Phật của đứa bé, nhưng tấm lòng chân thật nên về sau có phước được làm Vua, gặp Phật và trở thành vị hộ pháp đắc lực nhất.

Như vậy rõ ràng Phật đi khất thực là gieo duyên với chúng sanh. Nếu cứ ngồi một chỗ, chúng sanh đâu có duyên để đến với Ngài. Nhờ gieo duyên như thế, Ngài độ được vô lượng chúng sanh. Đó là ý nghĩa gieo duyên của đức Phật. Ngài làm hai việc một lúc: Việc thứ nhất tìm người đã có duyên để độ. Việc thứ hai người chưa có duyên thì tới để gieo duyên. Thử hỏi đức Phật hành đạo như thế có tiêu cực không?

Khi đạo Phật truyền sang các nước Á Đông, nhất là Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, do các bậc vua quan kính trọng đạo Phật nên chư Sư cũng được kính trọng theo. Có nhiều vị làm tới Quốc sư, tức thầy trong nước, thầy của cả vua. Thầy của vua mà ôm bát đi khất thực thì khó coi quá, vì vậy vua cất chùa cúng đất, yêu cầu các ngài ở yên một chỗ lo việc hóa đạo. Có đất, các ngài mượn người làm nương rẫy, lấy đó làm kinh tế tự túc tu sống. Lối sanh hoạt như vậy tiện cho việc tu hành, nhưng không tiện cho việc gieo duyên. Về sau, tuy Tăng Ni không đi khất thực, nhưng đến ngày rằm hay những ngày lễ lớn, Phật tử đến cúng dường Tam Bảo, đó cũng là một hình thức gieo duyên.

Tăng Ni nhận của Phật tử cúng dường là nhận duyên người ta gieo với mình. Cho nên khi thọ giới Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni rồi, Tăng Ni đắp y có nhiều mảnh nối, tượng trưng cho những thửa ruộng phước mà chúng sanh đã gieo với mình. Như vậy tinh thần gieo duyên của đạo Phật rất rõ ràng. Người nào đã có duyên thì Phật và chư Tăng, chư Ni độ trước. Người nào chưa có duyên thì tìm cách gieo duyên. Đã có duyên thì dù xa mấy cũng tìm đến, cho nên chùa chiền không cần phải ở giữa thành thị. Tuy ẩn mình trên núi rừng, nhưng Phật tử có duyên vẫn tìm tới như thường. Đó là tinh thần đặc biệt của đạo

Phật.

Đạo Phật chủ trương người phát tâm tìm đến, chớ không khuyến dụ, không tuyên truyền, không ép buộc. Chư Sư lặng lẽ tu trên núi rừng, ai tìm tới là người có duyên, nên sẵn lòng hóa độ. Vì vậy đạo Phật không có tham vọng làm bá chủ nhân loại. Chúng ta chỉ hướng dẫn, giáo dục người nào có duyên, còn người không có duyên thì họ tự do lựa chọn con đường của mình, cuộc sống của mình. Qua đó đủ thấy đạo Phật rất tôn trọng tự do của mỗi người, có duyên thì đến không duyên thì thôi.

Đã có tinh thần đó, chúng ta không nên quan niệm phải bắt mọi người theo đạo Phật, ai không theo đạo mình thì buồn giận người ta. Buồn giận như vậy có hợp lý không? Đó là trái với tinh thần của đạo Phật. Nên khi qui y cho Phật tử, tôi thường nhắc: Phật dạy Phật tử tại gia phải giữ gìn năm giới, nhưng nếu có một hoặc hai giới nào Phật tử chưa thể giữ được thì cho giữ trước ba giới, những giới sau giữ từ từ. Phật dạy chúng ta tu là vì thương nên giáo hóa, chớ không phải Ngài muốn tất cả mọi người đều qui hướng về mình.

Người tu theo đạo Phật cần hiểu rõ điều này, không nên bực bội, buồn phiền khi thấy tín đồ đạo Phật không đông như tín đồ các tôn giáo khác. Tại sao? Vì đó là duyên mà. Không duyên thì thôi chớ có gì đâu phải bực bội. Hiểu như vậy mới thấy đạo Phật hiền hòa vô cùng, không tranh đua, không giành giựt với ai. Ai cần đến thì mình sẵn lòng, không cần thì thôi, không ép buộc, không nài nỉ. Đó là ý nghĩa Phật hóa hữu duyên nhân.

Nếu hiểu tinh thần này, quí thầy cô Trụ trì thấy Phật tử chùa mình ít, Phật tử chùa khác nhiều cũng không buồn, vì biết đó là duyên của mỗi vị khác nhau. Nếu buồn tức vị ấy chưa biết ý nghĩa Phật hóa hữu duyên nhân. Những thầy cô trước đã gieo duyên với Phật tử nhiều nên bây giờ Phật tử đông. Những thầy cô trước ít gieo duyên nên bây giờ Phật tử ít, đó là lẽ đương nhiên thôi, có gì phải buồn phiền.

Nhân đây tôi kể lại câu chuyện thời đức Phật còn tại thế. Ngày xưa có một vị Tỳ-kheo, đệ tử ngài Xá-lợi-phất, tu chứng quả A-la-hán. Thầy đi khất thực cả xóm không ai cúng. Nhiều lần liên tục như vậy khiến Thầy phải nhịn đói. Ngài Xá-lợi-phất thấy thương quá, bèn bảo: "Để ta khất thực đem về cho." Khi Tôn giả khất thực về, sớt cơm qua bát của Thầy. Vì đói quá, tay Thầy run rẩy làm đổ bát cơm đi, nên cũng không ăn được. Phật nói nguyên nhân đời trước Thầy đã mấy lần ngăn không cho người ta cúng dường chúng Tăng, nên bây giờ bị quả báo như thế. Đó là vì thầy Tỳ-kheo này không gieo duyên để người cúng dường, nên bây giờ không được cúng dường, dù Thầy đã chứng quả nhưng vẫn đói như thường.

Chúng ta không nên hiểu người ít được Phật tử lui tới là tu dở, đôi khi vị đó tu hay lắm, nhưng tại không có duyên với chúng sanh nên không người lui tới. Còn người có duyên nhiều thì chúng sanh tới đông. Chúng ta tu Phật phải hiểu lý nhân duyên. Quí thầy

quí cô nhận của Phật tử cúng dường là gieo duyên. Ví dụ, Phật tử cúng dường tôi mười đồng, tôi nhận. Đó là Phật tử gieo duyên với tôi. Còn tôi thì thiếu nợ quí vị, nên người ta thường nói hai chữ duyên nợ. Thiếu nợ thì phải trả. Vì thế bây giờ tôi trả nợ quí vị hoài đây. Thiếu nợ nhiều thì trả nhiều, trả không dám nghỉ, không dám mệt. Nếu người thiếu nợ không có phước, không có đạo đức, thì phải trả bằng cách làm tôi tớ cho người. Còn bậc có đạo đức thì trả nợ bằng cách giáo hóa, dạy dỗ người biết tu.

Hiểu vậy rồi chúng ta mới biết thông cảm, Tăng Ni nào được Phật tử tới đông đảo là vì quí vị đó đã gieo duyên với Phật tử nhiều. Chỗ này tôi nói xa hơn một chút. Trong kinh Pháp Hoa đức Phật kể: Thuở xưa, khi Ngài còn là Bồ-tát thường đi giáo hóa nơi này nơi kia. Những Phật tử được Ngài giáo hóa lần lần tu tiến lên Thanh văn, Duyên giác. Đến khi Ngài được thành Phật thì những vị kia thành A-la-hán, Bồ-tát dự trong hội Pháp Hoa. Trả nợ như vậy cũng vui, phải không? Thầy tiến trò tiến, trả hoài không chán. Thầy thành Phật thì trò thành Bồ-tát. Đó là ý nghĩa hữu duyên, chúng ta phải trả chớ không trốn. Trả bằng dìu dắt người có duyên cùng tu tiến như ta.

Trường hợp gieo duyên với những kẻ ác thì sao? Thì cũng gặp lại, nhưng gặp trong đau khổ. Nhiều người đặt câu hỏi với tôi: “Thưa Thầy, cúng dường chư Tăng cũng là bố thí, cho người ăn mày cũng là bố thí. Vậy hai việc bố thí đó khác nhau như thế nào?” Tôi trả lời thế này, nếu do lòng quí kính Tam Bảo và thương xót kẻ nghèo đói, ta cúng dường hay bố thí thì phước không khác. Nhưng với người nghèo, họ không có duyên làm lợi ích lớn cho mình mai kia. Còn với người tu, ta gieo duyên được thì khi gặp lại, sự tu hành của mình có cơ hội tiến lên. Khác nhau ở chỗ đó.

Vì vậy hồi xưa đức Phật tới một vùng gặp mất mùa, khất thực không được cơm. Khi ấy có vị Tỳ-kheo bán lá y của mình, đổi được bát cơm dâng cúng Phật. Phật hỏi:

- Ở nhà, mẹ ngươi có cơm ăn không?

Thầy Tỳ-kheo trả lời:

- Bạch Thế Tôn, mẹ con đâu có cơm ăn.

Phật hỏi:

- Tại sao ngươi không cúng dường mẹ, lại cúng dường cho ta?

Thầy Tỳ-kheo thưa:

- Vì Ngài là Phật, là bậc Thế Tôn của chúng sanh, nên con cúng dường cho Ngài.

Phật bảo:

- Bát cơm này ta không dám nhận, nên đem về cúng dường cho mẹ ngươi.

Thầy Tỳ-kheo có lòng tốt thương kính Phật, nhưng đứng về mặt cúng dường, thì cúng dường chư Phật cũng như cúng dường cha mẹ, phước không thua kém nhau. Ta

phát tâm cúng dường chư Phật hay các bậc tôn quí, cho người thân như cha mẹ, phước ấy như nhau. Nhưng khác ở chỗ Phật hoặc các bậc tôn quí giáo hóa mình biết đạo lý tiến tu, còn cha mẹ chỉ nuôi dạy thân mình theo nếp sống bình thường thôi. Đây là điểm quan trọng.

Nếu chúng ta hiểu được lý nhân duyên, thì bạn bè làm ăn giàu có, mình nghèo nhưng lòng vẫn an vui, không đố kỵ. Vì ta biết duyên của bạn tốt, duyên của ta kém, thiếu phước nên nghèo. Cũng thế, người tu thấy chùa nào phát triển tốt đẹp, Phật tử đi đông, thì biết đó là duyên của vị Trụ trì tốt, nhờ thế ta không sanh lòng đố kỵ, đó là mình biết tu. Sống như vậy có phiền ai đâu. Người tu nào chưa nắm vững lý nhân duyên, thấy ai hơn mình thì buồn, từ đó mà sanh phiền não, chùa này không thích chùa kia.

Chúng ta thấy đạo lý rất thâm sâu nhưng cũng hết sức đơn giản, chỉ vì mình không thấy, không hiểu, nên sanh tâm không tốt với nhau. Lẽ ra ai hơn mình, ta vui mừng tán thán: "Thầy thật có duyên với chúng sanh." Ứng xử như vậy, mọi việc sẽ tốt lành biết mấy. Cho nên chúng ta tu là phải hiểu và ứng dụng Phật pháp vào đời sống hằng ngày của mình; trong từng lời nói, hành động, cách cư xử… chớ không phải đọc kinh nhiều là tu nhiều. Đọc kinh mà không vận dụng được lý kinh thì vẫn bị phiền não trói buộc như thường.

Vị nào chưa có duyên thì phải tạo duyên. Ngày xưa đọc kinh Phật, đôi chỗ tôi hơi buồn. Những lúc đức Phật về vùng được Phật tử quí kính nhiều, Ngài ở Tinh xá, thí chủ gánh cơm, gánh nước đến cúng dường sung mãn, chư Tăng thọ dụng không hết. Ngài bèn bảo đem cho chim quạ ăn. Tôi nghĩ chư Tăng ăn không hết thì trả lại, nhận chi nhiều rồi đem cho chim quạ ăn; như vậy có tội không? Nhưng sau này tôi mới biết Phật dạy nhận là để gieo duyên với người cúng. Nếu Ngài không nhận thì người cúng không gieo duyên được, sau này làm sao độ họ. Thành ra việc làm của Ngài nhìn cạn cợt thấy như phí, nhưng thật sự trên tinh thần gieo duyên, để có cơ hội giáo hóa chúng sanh thì thật là quá bi thiết.

Ngày nay một số Tăng Ni đi làm có chút ít tiền, ai muốn cúng dường, liền từ chối: "Tôi đủ xài, xin không nhận." Mới thấy thì như hay, nhưng sau này sẽ không có duyên để độ người. Chúng ta nên nhớ gốc của đạo Phật là giác ngộ và từ bi, độ mình độ người một cách viên mãn mới được. Cho nên cần phải gieo duyên với chúng sanh. Không thiếu nợ thì không gặp nhau, không gặp nhau thì làm sao giáo hóa. Đó là hạnh nguyện của người tu Phật.

Riêng tôi đời này nợ quí Phật tử quá nhiều, bởi vì ai cúng tôi cũng nhận hết. Có lẽ đời trước cũng thế, nên bây giờ gặp Phật tử hơi đông. Đó là nợ khiến chúng ta cùng gặp nhau để hướng dẫn, dìu dắt nhau tu hành. Niềm vui của người tu chính ở chỗ này. Nếu chúng ta trốn, không muốn mượn nợ, không muốn dính dáng với ai hết, thì tu tới đâu? Đó là ý nghĩa về giáo hóa và gieo duyên của đạo Phật.

Ở thế gian, người đời cũng có duyên nợ mới gặp gỡ, trả hết rồi thôi. Nhưng trong đạo lại khác, duyên chồng thêm duyên, đời này ít đời sau nhiều hơn. Đời này duyên chưa sâu, đời sau duyên sâu hơn, đó là điểm khác nhau. Trên đường tu, chúng ta muốn theo Phật từ đời này đến kiếp nọ, không bao giờ bị quên, không bao giờ bị lạc, thì phải gieo duyên với Tam Bảo, đời này cho đến đời sau. Gieo bằng cách nào?

Có nhiều cách gieo duyên với Tam Bảo. Ví dụ Phật tử đến chùa, cúng năm mười đồng, nguyện Phật cho con cái này, cho con cái kia, như vậy là đổi chác sòng phẳng, đâu còn duyên nữa. Bây giờ ta cúng năm mười đồng là để gieo duyên với Tam Bảo, thế mới còn duyên, mới lâu dài. Quí Phật tử quen tật vừa cúng là đòi trả liền. Vừa cúng thầy mười đồng, nhờ thầy cầu siêu cho ba con một đêm. Nếu vậy qua đêm đó là xong rồi, đâu còn duyên nữa. Đó là điểm dở của Phật tử chúng ta.

Một số người tu có khuyết điểm không giải thích cho Phật tử hiểu, cứ mặc nhiên thù lao qua lại như vậy thành quen, lấy đó làm sự sống hàng ngày. Thành ra người ta gọi người tu làm nghề "thầy chùa", nghe thật đau lòng, không còn gì cao thượng hết. Nên hàng xuất gia cũng như cư sĩ tại gia phải giữ tinh thần cao thượng trong nhà Phật một chút. Khi thầy đến tụng kinh, thầy cứ tụng độ trong gia quyến rồi về, Phật tử không thù lao gì cả. Mai kia, quí vị có đủ điều kiện đến cúng dường Tam Bảo năm mười đồng gì cũng được, đó là gieo duyên với Tam Bảo. Thầy vì lòng từ bi đến hóa độ Phật tử, Phật tử vì lòng tôn kính biết ơn nên cúng dường Tam Bảo, như vậy có phải hay không, cao đẹp không?

Quí Phật tử cần hiểu rõ những việc làm của mình. Nếu làm mà không hiểu, đôi khi vô tình quí vị biến việc tốt thành xấu, đồng thời làm cho Tăng Ni trở thành khó xử. Phần Tăng Ni cũng nên mạnh dạn giải thích, hướng dẫn Phật tử đúng với chân tinh thần của nhà Phật, không nên tập cho Phật tử thói quen sai lầm đáng tiếc. Chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa của việc cúng dường. Như vậy thầy tốt trò cũng tốt, ngược lại không khéo thì hỏng hết. Đó là chỗ sai lầm lâu nay chúng ta mắc kẹt.

Chúng ta gieo duyên với Tam Bảo bằng cách cúng dường, còn điều thiết yếu hơn nữa trong việc gieo duyên là qui y với Tam Bảo. Quí vị chưa thành Phật tử, bây giờ muốn có chủng duyên sâu dày với Tam Bảo, thì nên phát nguyện qui y. Quí vị qui y rồi, nhắc nhở cho thân quyến cùng hiểu đạo lý, cùng qui y. Đó là gieo duyên cho mình và cho người. Duyên qui y được phước rất lớn.

Ngày xưa, lúc bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề phát tâm đi tu, tìm tới Phật cầu xin xuất gia, Phật từ chối. Bà buồn trở về. Lần thứ hai, bà tới nữa Phật cũng từ chối. Bà đứng ngoài cửa tịnh thất khóc ròng. Ngài A-nan là Thị giả Phật, thấy vậy xót xa mới đến hỏi thăm. Bà kể lại đầu đuôi câu chuyện, khi đó ngài A-nan liền vô xin Phật bằng cách kể ơn của bà:

- Khi Thế Tôn ra đời chỉ mới được bảy ngày Hoàng hậu mất. Chính Di mẫu là

người nuôi dưỡng Như Lai từ thuở bé đến giờ. Công đức ấy rất lớn, tại sao Thế Tôn từ chối lời cầu xin xuất gia của Di mẫu?

Phật bảo:

- Công ơn của Phụ vương và Di mẫu, ta đã đền đáp xong.

Ngài A-nan hỏi:

- Thế Tôn đền đáp bằng cách nào?

Phật trả lời:

- Ngay khi trở về thành Ca-tì-la-vệ thăm Phụ vương và Di mẫu, ta đã độ cho hai vị phát tâm qui y Tam Bảo, thọ trì năm giới. Đó là ta đã đền ơn hai bậc sanh thành nuôi dưỡng ta rồi.

Đối với Phật, duyên sâu đậm cao cả nhất là giúp cha mẹ thân quyến cho đến tất cả chúng sanh biết qui y Tam Bảo. Nhờ qui y Tam Bảo cho nên hạt giống đó còn mãi không mất. Cũng với ý nghĩa đó, thuở xưa bà Liên Hoa Sắc, một Tỳ-kheo ni tu hành chứng quả A-la-hán. Trên đường đi, gặp mấy cô thiếu nữ mười bảy mười tám tuổi, bà nói: "Các con nên đi tu, thọ giới Tỳ-kheo." Mấy cô nói: "Thưa bà, con còn ham ăn ham ngủ quá, tu không được." Bà cứ bảo: "Đi tu đi. Không sao đâu." Mấy cô thưa: "Nếu đi tu, chúng con phạm giới, đọa địa ngục thì sao?" Bà nói: "Không sao, đọa địa ngục hết nghiệp rồi lên tu nữa." Sao lạ vậy? Bởi vì nếu không có duyên lành, khi hết tội ở địa ngục, trở lên không gieo duyên với Phật pháp trước, làm sao tu được? Đã gieo duyên với Phật pháp, nếu lỡ có tội bị đọa duyên đó vẫn còn, khi hết tội ta có thể tiếp tục tu được. Làm tội thì chịu tội, nhưng hết tội rồi vẫn gặp được Phật pháp nếu như ta đã gieo trước.

Chúng ta qui y Tam Bảo, hứa trọn đời giữ giới theo Phật theo Pháp theo Tăng, đó là gieo hạt giống rất sâu đậm. Vì thế đời này đời sau ta không quên, không mất. Nhiều người đặt câu hỏi thế này: "Những vị quan lớn, giàu sang là nhờ phước đời trước đã có tu. Vậy tại sao đời này có khi họ làm ác?" Phật dạy phước đến từ hai cách. Nếu làm phước nhưng không có đạo đức thì phước chỉ đưa tới chỗ thụ hưởng, rồi quên mất. Thí dụ người có chút ít tài sản, thấy kẻ khác khổ thì giúp, do đó được phước. Tuy được phước nhưng không có hạt giống đạo đức. Khi làm quan, ở địa vị cao tức hưởng phước đã làm nhưng không biết gì đạo đức. Hưởng hết phước rồi, họ tạo nghiệp xấu ác, thì sau phải chịu khổ. Còn đối với người làm quan nhưng hiền lành, đó là có hạt giống đạo đức. Nhờ thế đời này hưởng được phước cũ, đồng thời tạo phước mới, cứ thế được thăng tiến mãi, phước không mất hạt giống đạo đức cũng không lui sụt.

Cho nên nói tới qui y Tam Bảo là nói tới gieo hạt giống đời đời không mất, không quên. Đó là chúng ta gieo nhân để đời đời gặp lại Tam Bảo. Người nào có duyên với Tam Bảo đời này, đời sau được gặp Tam Bảo, liên tục tu hành thì sẽ tiến. Phước chỉ dẫn tới chỗ thụ hưởng, còn đạo đức mới đưa ta tới sự an vui chân thật, lâu dài. Nếu không có gốc

đạo đức, phước hưởng rồi sẽ hết, ta lại bị đọa theo các nghiệp ác đã tạo.

Hiện giờ có nhiều người làm phước, nhưng không phải Phật tử. Làm phước thì được phước, dù là Phật tử hay không là Phật tử, song khác nhau ở chỗ có đạo đức hay không thôi. Cho nên người biết tu lúc nào cũng sẵn lòng độ kẻ khác. Như Phật tử xin qui y, quí thầy cho qui y. Như thế có lợi cho quí thầy hay cho Phật tử? Qui y là vì Phật tử muốn gieo hạt giống Tam Bảo để đời sau quí vị có vốn liếng tu hành.

Phật tử giữ giới không sát sanh thì đời sau được sống lâu. Giữ giới không trộm cướp thì đời sau có của không bị hao mất. Giữ giới không tà dâm thì đời sau thân tướng đoan chánh tốt đẹp. Giữ giới không nói dối thì đời sau nói ra điều gì mọi người đều tin tưởng, nghe theo. Giữ giới không uống rượu, hút á phiện xì ke ma túy thì đời sau thông minh sáng suốt. Cho nên qui y, thọ giới là nhằm bảo vệ cho Phật tử được an toàn đời này và cả đời sau, chớ không phải lợi ích cho thầy cho Phật. Phật và chư Tăng vì thương, muốn độ cho mọi người biết đạo, tiến lên nên mới khuyến khích Phật tử qui y Tam Bảo. Đó là gieo duyên bằng cách qui y Tam Bảo.

Kế đến gieo duyên bằng cách truyền bá chánh pháp. Như trong những buổi giảng thế này, Phật tử có duyên với quí thầy hết hay cũng có những người chưa có duyên? Cũng có người chưa có duyên. Nhưng nhờ nghe, hiểu, thấy có lý nên phát tâm tu, đó gieo duyên bằng cách truyền bá chánh pháp. Nhờ truyền bá chánh pháp, người nghe thâm nhập nên họ phát tâm tu. Đây là một trong những cách gieo duyên của nhà Phật. Nhiều người cho rằng các tôn giáo khác làm việc từ thiện rất mạnh, còn đạo Phật không quan tâm đến việc này, cứ giảng kinh hoài, như vậy không thực tế. Chúng ta nghĩ sao về nhận xét này?

Giảng kinh tức nói lý thuyết, có lợi ích hay không lợi ích? Tôi thường ví dụ, như chú đạp xe xích lô, mỗi ngày kiếm được hai ba chục ngàn. Chiều về chú ghé quán nhậu không còn đồng nào. Vì thế vợ con nheo nhóc, khổ sở. Hàng xóm thấy vậy thương, đem chút ít tiền gạo đến giúp. Nếu ngày nào cũng thế, thì hàng xóm có giúp được suốt đời không? Chỉ giúp lúc nào thôi, nên nó mang tính cách tạm thời. Bây giờ nếu người hiểu đạo lý, đến khuyên giải cho chú biết việc làm của chú có hại cho bản thân cho gia đình, chú không nên tiếp tục con đường đó nữa. Nhận hiểu rồi, chú thay đổi không nhậu nhẹt, để tâm lo lắng cho gia đình vợ con. Như vậy giữa người cho tiền mỗi ngày với người khuyên giải cho chú thức tỉnh, ai quí hơn?

Cho nên trong nhà Phật nói bố thí có hai: trước tài thí, sau pháp thí. Song pháp thí quí hơn tài thí. Tại sao? Một câu nói đạo đức người ta nghe, hiểu và nhớ mãi trong lòng, khiến cho cả cuộc đời chuyển đổi xấu trở thành tốt. Trong khi giúp tiền của chỉ xài được vài hôm rồi hết, đó là chưa nói họ ỷ lại vào đồng tiền nhân đạo, nên không thèm phấn đấu tiến lên. Vì vậy nhà Phật chủ trương gieo duyên bằng cách truyền bá chánh pháp. Làm sao cho mỗi người đều có duyên với Phật pháp, để họ phát tâm tu hành tới được chỗ an

lành tự tại. Đó là gieo duyên bằng cách giáo hóa.

Không phải chỉ có Tăng Ni mới có thể gieo duyên bằng cách truyền bá Phật pháp. Phật tử biết tu biết thương người, cũng có thể giúp bạn bè bằng cách rủ họ đi nghe pháp, hoặc tạo điều kiện cho họ có thể tiếp xúc với chánh pháp. Người đó chưa có duyên với Phật pháp, ta khuyên họ đi nghe pháp, nghe rồi họ hiểu, hiểu rồi họ tu. Như vậy chúng ta đã gieo duyên giùm họ.

Kinh Pháp Hoa nói nếu người tới nghe pháp không có chỗ ngồi, ta nhường chỗ đó cũng là phước đức lớn. Vì ta đã gieo duyên Phật pháp cho họ. Cứ giữ hạnh như thế biết đâu đời sau ta được làm Tăng, độ mình độ người, việc giáo hóa rộng lớn hơn. Ngược lại chỉ lo phận mình, không thương, không nhắc ai hết thì sau này ta cũng chỉ có một mình thôi, công hạnh không thể tròn đầy được. Phật tử nên thấy rõ, trên đường tu chúng ta phải bòn mót công đức bằng cách gieo duyên với nhau, để rồi gặt hái những kết quả đạo đức tốt đẹp, chớ không nên có ý đố kỵ nhau.

Hiểu rõ ý nghĩa câu Phật hóa hữu duyên nhân rồi, chúng ta sẽ không còn tranh chấp, không đố kỵ nhau, đạo đức được vun bồi. Chúng tôi mong muốn tất cả Phật tử đến với đạo, đều có tâm hồn rộng mở, thương tưởng, giúp đỡ nhau. Ai làm được gì thì mình hoan hỉ, vui mừng, chớ không sanh tâm đố kỵ. Chúng ta đi chùa bằng cả niềm tin thân yêu với nhau, cùng tu học trong nền đạo đức thuần túy, không để những tâm niệm hẹp hòi, tầm thường làm mất ý nghĩa cao thượng của đạo. Ngược lại, nếu đi chùa nhiều mà phe này nhóm nọ kình chống nhau, đó là chưa biết đi chùa.

Lý Phật hóa hữu duyên nhân thực tế như vậy, tất cả chúng ta đều phải cố gắng nỗ lực tu đúng với tinh thần đạo đức Phật dạy. Như vậy vừa tốt cho đạo, vừa đẹp cho ta. Hiểu thế mới thật là người hiểu đạo, lo cho đạo. Không hiểu thế, vô tình chúng ta ngầm phá hoại đạo lúc nào không hay. Đó là điều rất quan trọng, tất cả chúng ta cần phải ý thức.

☸

VUI NÀO TẠM BỢ
VUI NÀO CHÂN THẬT

Giảng tại Mỹ - 2000

Đề tài buổi nói chuyện hôm nay là Vui nào tạm bợ, vui nào chân **thật. Chúng ta tu theo Phật là tìm nguồn vui chân thật, chẳng những cho** hiện tại mà cho cả mai sau.

Trước khi nói đến niềm vui chân thật, tôi dẫn những thứ vui tạm bợ cho quí Phật tử nhận thấy. Thế gian cho những trò chơi như đá bóng là vui, nhưng nhà Phật bảo cái vui đó tạm bợ không thật, vui trong nỗi khổ. Bởi vì bên thắng vui, bên thua khổ và chỉ vui trong một hai tiếng đồng hồ thôi. Hoặc xem ca nhạc kịch, gặp cảnh vui thì cười, cảnh khổ thì khóc. Như vậy, trong cái vui có cái khổ, cười khóc theo người ta, mà còn tốn tiền nữa. Thế nhưng thiên hạ rủ nhau đi xem thật đông. Những chuyện này nhiều lắm, kể không hết. Rõ ràng thế gian vui trong đau khổ, không có vui thật.

Người biết đạo thấy rõ vui nào thật thì tìm, vui nào giả thì tránh, đừng để niềm vui của mình là nỗi khổ của người. Lòng từ bi không cho phép chúng ta cười khi người khác khóc. Phật tử biết thế rồi nên tìm niềm vui chân thật, không chạy theo cái vui tạm bợ, khổ vui lẫn lộn. Phật tử tu Phật phải có trí tuệ và từ bi, không bao giờ tìm vui trong sự đau khổ như thế.

Đến niềm vui chân thật. Niềm vui này mới nghe không thấy gì vui hết. Thí dụ Phật dạy quí Phật tử giữ năm giới, nghe buồn hiu. Nhưng thật tình đó là cội gốc đem lại sự an vui. Chúng ta không có tâm giết hại ai thì mình được bình an. Chẳng những không giết hại mà cũng không xúi bảo người khác giết hại. Do đó mình bình an và mọi người chung quanh cũng được bình an. Niềm vui được thể hiện ở cuộc sống không hồi hộp, không lo sợ bị giết hại. Nếu cứ lo sợ người này trả thù, người kia hại thì cuộc sống đâu có vui. Đó chính là niềm vui lặng lẽ chân thật.

Một xã hội không trộm cướp là một xã hội an vui. Mọi người nhìn nhau lòng không dè dặt, lo sợ, tâm thản nhiên thư thả, đó là vui rồi. Tâm không tà dâm thì hạnh phúc gia đình được bảo đảm. Tinh thần Á Đông rất tôn trọng hạnh phúc gia đình. Xã hội được tốt đẹp gốc từ mỗi gia đình tốt đẹp. Gia đình tốt đẹp gốc từ những cá nhân biết bảo vệ hạnh phúc chung. Nên muốn gia đình tốt đẹp, để đi tới xã hội tốt đẹp, mỗi

người phải giữ gìn phẩm hạnh trong sạch của mình. Đây là vấn đề hết sức hệ trọng. Nếu mỗi người cứ làm theo ý riêng để thỏa mãn ham muốn của mình, không nghĩ tới người bên cạnh, đó là ích kỷ. Chính cái ích kỷ này đưa đến tai họa cho nhiều người.

Vừa rồi, Thầy nghe nhiều Phật tử kể lại có những phụ nữ Mỹ năm ba đời chồng, nhưng rốt cuộc già ở một mình. Như câu chuyện một phụ nữ Mỹ ở cạnh nhà gia đình Phật tử nước mình. Hôm đó chiều thứ bảy, mọi người trong gia đình Phật tử đi làm về, quây quần bên mâm cơm trước sân, ăn uống vui vẻ. Phụ nữ Mỹ kia đứng nhìn và khóc. Người chủ trong gia đình thấy vậy chạy qua hỏi:

- Sao bà lại khóc?

Bà trả lời:

- Thấy gia đình ông sum họp vui vẻ, tôi buồn tủi quá nên khóc.

- Sao bà buồn?

Bà nói:

- Thưa ông, tôi có đứa con mười tám tuổi đã bỏ nhà đi mất rồi.

Rõ ràng hạnh phúc gia đình nằm ở sự thủy chung với nhau. Vợ chồng thủy chung thì con cái sum họp. Vợ chồng không thủy chung thì con cái bơ vơ, tình cảm gia đình cũng không còn. Như vậy mới thấy con người sống trong thế giới văn minh, tự do, mỗi người tự làm theo ý muốn của mình để rồi đưa tới sự tan nát gia đình. Trong gia đình, chồng không ra chồng, vợ không ra vợ, thử hỏi tình thương ở đâu?

Có người nói bên Mỹ chỉ nghĩ đến hai điều: một là tình, hai là tiền. Họ có vợ chồng nhưng không được lâu dài, tuy đang sống hòa hợp nhưng ngày mai có thể chia tay không biết chừng. Như vậy cuộc sống có an ổn, có vui không? Tiền bạc thì dĩ nhiên phải lo rồi, nhưng cái tình mới quan trọng. Bởi vì nếu sống cạnh nhau mà không tin, không thương, không chung thủy với nhau thì đâu còn hạnh phúc nữa. Có lòng tin đó là người bạn đời chung thủy với mình thì cuộc sống mới hòa vui, mới lo cho con cái nên thân nên hình. Được vậy gia đình mới hạnh phúc. Còn nếu sống đơn độc một mình thì già chắc vô trại dưỡng lão thôi. Chừng đó mới thấy nỗi cô đơn, đau khổ của mình vì trách nhiệm đối với con cái không tròn.

Qua đó, chúng ta thấy rằng Phật dạy giữ năm giới, trong đó có giới không tà dâm, tức không ngoại tình với kẻ khác, sống thủy chung với nhau từ trước đến sau thì gia đình sẽ được bình an, hạnh phúc, con cái nên người. Thường ta thấy gia đình người Việt hoặc người Hoa con cái học giỏi, vì cha mẹ chúng chung thủy vui vẻ. Nhờ thế họ dốc lực lo cơm ăn áo mặc, con cái chỉ việc học hành nên giỏi. Ngược lại, nếu cha mẹ nay thế này mai thế khác, thì tâm hồn trẻ đâu có an ổn mà học.

Nên yếu tố chánh yếu để có những đứa con ngoan tốt là từ cha mẹ. Làm cha

làm mẹ, dù có những vui buồn với nhau cũng phải giữ còn tình thủy chung, để con cái mình có chỗ nương tựa. Con cái có chỗ nương tựa sẽ trở thành người tốt cho xã hội, sau này nhớ nghĩ đến công ơn cha mẹ, chúng sống hiếu để hết lòng. Nếu không như vậy vô tình đưa con mình tới chỗ hư hỏng, lúc về già lại càng thấy cô độc và ân hận cũng đã muộn rồi. Những người cứ lo thỏa mãn tình cảm riêng tư, để rồi già vô trại dưỡng lão một mình, sống trong nỗi cô đơn thật đau khổ. Cho nên ý nghĩa lời Phật dạy hết sức thâm trầm.

Như vậy quí Phật tử phải nhìn sâu, thấy rõ cái vui nào bền bỉ lâu dài, chân thật thì chọn, cái vui nào tạm bợ thì bỏ đi để không bị đau khổ mai sau. Dù niềm vui ấy có trong hiện tại nhưng mai sau đau khổ thì ta nhất định không theo.

Phật dạy Phật tử không được nói dối, giới này cũng rất thâm trầm. Người nào nói chuyện với mình một cách chân thật ta mới tin được. Người nào nói chuyện năm lần bảy lượt mà mình xét thấy họ nói dối thì ta mất lòng tin liền. Nếu không tin nhau ngang đó tình thương trở nên lợt lạt. Như trong gia đình, con nói dối cha chừng năm mười lần, thì dần dần cha cũng mất lòng tin. Lòng tin mất thì tình thương cũng giảm theo. Như vậy chung quanh ta anh em, bạn bè, nếu không giữ chữ tín, tức không nói thật với nhau, thì tình thương sẽ bị sứt mẻ, những mối quan hệ trong xã hội cũng sẽ xấu đi.

Sống giữa mọi người mà không ai tin ai hết đó là khổ hay là vui? Sống như vậy rất cô đơn. Vì chúng ta phải giữ chữ tín với mọi người, nói điều gì phải giữ giá trị của lời nói, không nói bướng nói bừa để lừa bịp nhau. Như thế uy tín ngày càng tăng, người chung quanh mới tin tưởng mình. Có lòng tin thì làm việc gì cũng dễ thành công. Ngược lại, ta đánh mất lòng tin nơi mọi người thì làm việc gì cũng thất bại. Điều này rất quan trọng.

Đến giới không uống rượu. Hồi xưa chỉ có rượu mạnh như rượu đế rượu vang, bây giờ có chế bia nhẹ một chút. Cho nên giữ giới này chủ yếu là không uống rượu mạnh, không uống say. Đối với bia, uống ít ít thì được, uống nhiều thành say không được. Khi mới vào tiệc, uống rượu cười vui hỉ hả, nhưng tới say rồi mất hết tư cách, múa may quay cuồng như người điên. Hơn nữa, uống rượu say mà lái xe thì dễ gây tai nạn chết người, rất nguy hiểm.

Không những uống rượu mạnh, uống rượu say mới có tai hại, mà gần đây còn có á phiện, xì ke, ma túy. Người Phật tử phải giữ thêm, không được uống rượu mạnh, uống say, không được hút á phiện, xì ke, ma túy. Tại sao Phật lại cấm như vậy? Có hai lý do:

1. Uống rượu mạnh, say làm cho con người khờ dại, mất trí tuệ. Đạo Phật là đạo giác ngộ, đạo trí tuệ, nếu Phật tử đánh mất trí tuệ thì việc theo đạo không hợp lý nữa.

2. Khi say rồi con người không còn khả năng phân biệt phải quấy, không còn biết sợ luật pháp. Lúc đó muốn làm gì cứ làm, gây tội lỗi không thể lường. Như câu chuyện đứa con trai của bà cụ già ở Bà Rịa. Một hôm cậu ta đi chơi tới khuya vẫn chưa về, bà sốt ruột ra cửa chờ. Khoảng mười hai giờ đêm, nó về trong trạng thái ngã nghiêng ngã ngửa. Bà tức giận la mắng nó. Cậu ta bèn vô nhà lấy dao chặt cổ mẹ mình. Tai họa của rượu ghê gớm như vậy.

Chính vì thấy trước những tai họa đó mà Phật cấm uống rượu say và dùng các chất gây ghiền. Chúng ta thấy rõ ràng điều đức Phật cấm rất có lý, rất thiết yếu. Nếu giữ được năm giới của Phật thì chúng ta bảo vệ được hạnh phúc gia đình, bản thân và mọi người có cuộc sống an vui lâu dài, xã hội được tốt đẹp. Niềm vui này không phải vui nhộn, vỗ tay ầm ầm như xem đá bóng, nhưng nó thật sự là niềm vui chân thật.

Phật tử khi đi sâu trong đạo lý, mới thấy những lời Phật dạy là khuôn vàng thước ngọc, đem lại sự tốt đẹp cho con người. Nếu trong năm giới, chúng ta giữ được bốn, còn thiếu một đó là chưa tốt trọn vẹn. Chỉ cần một điều không giữ được, thì tội lỗi xảy ra không thể lường trước. Cho nên, giữ tròn năm giới là bước tiến của người Phật tử. Vì vậy người nào giữ tròn năm giới, Phật gọi đó là tu Nhân thừa Phật giáo.

Trong đạo Phật chia ra Thiên thừa, Nhân thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ-tát thừa, gọi chung là Ngũ thừa Phật giáo. Giữ tròn năm giới là tu Nhân thừa. Từ Nhân thừa tiến lên Thiên thừa v.v… Chặng đầu không bước được thì nấc thứ hai làm sao bước lên được? Nên căn bản là Nhân thừa Phật giáo.

Nhân thừa là sao? Phật tử giữ tròn năm giới, trong đời này là người tốt, đời sau tiếp tục trở lại làm người tốt hơn nữa. Trong kinh dạy nếu Phật tử giữ giới không giết người v.v… đời sau trở lại làm người sống khỏe mạnh, tuổi thọ lâu dài. Giữ giới không trộm cướp, đời sau trở lại làm người giàu có, không bị giặc cướp hay nạn lửa nước cuốn trôi tài sản. Người giữ giới không tà dâm, đời sau sanh ra đẹp đẽ trang nghiêm. Người giữ giới không nói dối, đời sau nói năng được lưu loát, được mọi người tín nhiệm. Người giữ giới không uống rượu mạnh, không uống say, không hút á phiện, xì ke, ma túy đời sau sanh ra trí tuệ sáng suốt.

Như vậy đối với năm điều này quí Phật tử có muốn thiếu điều nào không? Sống dai, có của nhưng xấu, ai thấy cũng không dám nhìn quí vị có chịu không? Hoặc sống dai, có của, đẹp đẽ nhưng nói năng ngọng liệu quí vị có chịu không? Bây giờ giả sử quí vị được bốn điểm: sống dai, có của, đẹp đẽ, nói năng lưu loát, nhưng ngu tối quí vị có chịu không? Như vậy năm điều đó là năm điều căn bản, thiết yếu cho cả một con người, đời này và đời sau.

Chúng ta tu không phải chỉ lo cho hiện tại, mà chuẩn bị luôn cho tương lai. Nếu cứ theo cái vui tạm bợ, không biết gì là hay là tốt, là kế lâu dài, tới chừng lớn tuổi hối hận sao kịp. Đó là nói về niềm vui chân thật. Con đường Phật dạy chúng ta là con

đường an vui, hạnh phúc, bền vững lâu dài. Vậy mà có nhiều người coi thường, không để tâm đến nói gì đi theo. Đó là lý do khiến chúng sanh đau khổ mãi.

Theo lý nhân quả thì ta tạo nhân lành hưởng quả lành, gây nhân ác chịu quả ác. Thí dụ như quí Phật tử tin Phật rất sâu, bây giờ có việc phải đi xa. Quí vị đến trước Phật thắp hương, nguyện Phật từ bi gia hộ con đi đường được bình an. Nhưng khi ra đường, gặp ai nói điều trái ý, liền chửi người ta, như vậy bình an được không? Phật làm sao can thiệp được chuyện đó. Chúng ta không giữ mình, không dẹp bớt nóng giận, tham lam v.v… thì không bao giờ an được. Tu là dẹp bỏ những thói xấu của mình. Quí vị không ý thức điều đó để giữ gìn thân khẩu ý cho tốt, thì Phật cũng không làm sao cứu giúp được.

Nhiều người thắc mắc Phật dạy tạo nhân nào chịu quả nấy, nhưng sao người ăn ở hiền lành vẫn nghèo khổ, còn kẻ gian ác quá lại giàu sang sung sướng, như vậy nhân quả có đúng không? Nhân quả Phật dạy liên quan tới ba đời: quá khứ, hiện tại, vị lai, không phải chỉ có đời này thôi. Chúng ta cứ lấy thời gian hiện tại mà đoán định thì không đúng. Đó là sự thật.

Nếu không hiểu như thế ta sẽ có cái nhìn thiển cận, không đúng lẽ thật. Hiện tại người làm phước lành nhưng gặp tai họa, đó là do nợ trước còn nên bây giờ phải trả. Biết vậy ta nên vui vẻ trả, không than trách gì cả. Còn những người làm xấu, làm ác nhưng vẫn được sung sướng, đó là do đời trước họ có tu chút ít. Nên biết nhân quả là lẽ công bằng, chớ không phải chuyện tưởng tượng.

Chúng ta có bệnh làm gì, đòi hỏi phải có kết quả liền. Nhiều Phật tử đem quà tặng ai, người đó nhận rồi làm thinh, không cám ơn thì quí vị không vui, phải cám ơn liền mới được. Thật ra có người mang ơn thầm lặng, không nói ra lời, chờ cơ hội sẽ đền ân. Phật tử chúng ta vội quá, đòi cám ơn liền mới vui. Do đó quí vị không nhận ra được sự nhớ ân và đền ân của những người sâu lắng, đằm thắm. Phật tử hiểu đạo lý sâu, biết rõ ràng như vậy, trên đường tu sẽ không lầm nhân quả, nhờ thế được an vui.

Học Phật là chúng ta phải tu. Tu là sửa. Đối với những điểm xấu dở, chúng ta chừa bỏ. Đối với những điểm hay tốt, chúng ta nên làm. Đó là người biết tu. Tu Phật phải nhìn cho đúng, hiểu cho rõ, mới thấy được sự lợi ích lớn lao của nó. Đạo Phật rất thâm trầm nên có câu Vô *thượng thậm thâm vi diệu pháp, nghĩa là giáo pháp của chư Phật rất vi diệu,* nhiệm mầu, sâu xa, chớ không phải cạn cợt. Chúng ta hiểu nhớ, ứng dụng cho đúng thì đời mình không khổ. Chẳng những hiện đời không khổ, mà mai kia cũng được vui hơn. Đó là kế lâu dài.

Cho nên hiểu đạo lý chân chánh rồi, quí Phật tử nắm vững giai đoạn đầu Phật dạy chúng ta phải giữ năm giới, đó là chận đứng, không cho mình rơi xuống hố tội lỗi. Nếu giữ năm giới thì đối với những tội lỗi trầm trọng của thế gian, chúng ta không phạm. Đó là không bị rơi vào hố tội lỗi. Chặng thứ hai Phật dạy phải tu tạo nhân lành

để được quả lành. Đó là tu nhân quả. Chỉ hai điểm này nếu Phật tử đủ lòng tin, chắc chắn trên đường tu sẽ được an ổn lâu dài, hạnh phúc cho đời này và cả đời sau nữa. Đây là niềm vui chân thật, còn tất cả những cái vui tạm bợ của thế gian, tự nó không có giá trị gì hết, đùa một chút rồi qua, nên nói vui trong đau khổ. Chúng ta đừng mắc bẫy nó mà uổng phí một đời tu.

Học Phật pháp cần thấm nhuần, ứng dụng tu chớ không phải hiểu rồi thôi. Cốt làm cho được, chớ không cần ăn nói lưu loát, mọi người khen hay mà bản thân mình không thực hành, không được lợi ích gì cả. Mong tất cả hiểu, ứng dụng tu để được lợi ích thiết thực cho mình và mọi người.

☸

Ý NGHĨA CHỮ TU

Đạo tràng Tuệ Đức - Hà Nội - 2001

Nhân dịp quí Phật tử Hà Nội đến thăm, tôi có ít lời nhắc nhở để quí vị nhớ tinh tấn tu hành. Hôm nay tôi nói về đề tài Ý nghĩa chữ tu.

Có Phật tử biết rõ ý nghĩa chữ tu, nhưng cũng có vị chưa biết rõ tu là gì. Tôi sẽ giải thích chữ Tu cho tất cả hiểu. Chữ Tu có nghĩa cụ thể nhất là "sửa đổi". Chúng ta sửa đổi những tật xấu dở trở thành hay tốt, gọi là tu. Tại sao phải sửa? Bởi vì mọi người đều có tâm lành, tâm tốt nhưng cũng không tránh khỏi một hai điều dở xấu. Vì vậy muốn được hoàn thiện chúng ta phải tu. Chúng ta biết đó là điểm xấu dở của mình, nhưng bỏ một lần hết không? Hết cái này lại sanh cái khác, cho nên chúng ta phải tu hoài, tu cả đời.

Phật gọi ba thứ độc tham, sân, si là thói xấu nguy hiểm nhất của con người. Tại sao ba thứ đó lại độc? Bởi vì ai vướng phải nó đều khổ và làm khổ luôn cho những người chung quanh. Vì vậy Phật hỏi các thầy Tỳ-kheo:

- Nếu trong thất của các ông có ba con rắn độc chui vào, các ông ngủ yên được không?

Các thầy thưa:

- Bạch Thế Tôn, chúng con ngủ không yên.

Phật hỏi:

- Làm sao các ông ngủ mới yên?

Các thầy thưa:

- Muốn ngủ yên chúng con phải đuổi ba con rắn độc ra khỏi thất.

Ba con rắn độc đó là tham, sân, si. Nếu chúng còn ở trong lòng thì các thầy ngủ không yên? Nhưng đối với chúng ta dường như mình không biết sợ nó, nên rắn độc mặc rắn độc, ta ngủ vẫn ngon như thường! Lẽ ra có rắn độc ta lo sợ, cố gắng đuổi nó ra khỏi nhà mình, đằng này chúng ta để nó nằm yên đó mà vẫn ngủ ngon. Đến khi bất ngờ nó cắn một cái thì nguy hiểm rồi.

Như ta đang an vui bình tĩnh, bất thần có ai nói một câu trái tai, ta liền nổi nóng lên. Một khi nổi nóng thì tất cả những gì xấu dở mình đều trút hết lên đầu người ta. Họ

cũng vậy, bị xúc phạm đâu nhịn, thế là hai bên ẩu đả nhau. Từ nóng nảy mà ta phải chuốc họa vào thân, có khi ảnh hưởng đến cả gia đình nữa.

Vì vậy còn tham, còn sân, còn si thì chúng ta còn khổ. Phật tử tu là để hết khổ hay còn khổ? Người nào cũng muốn hết khổ, vậy có nên giữ tham sân si không? Quí vị ưng đuổi hay không ưng đuổi nó? Nếu tham sân si còn, chúng ta phải lập thệ nguyện trước Phật rằng con sẽ dẹp sạch tham sân si. Ngày nay chưa hết thì ngày mai, ngày mai chưa hết thì ngày kia, dẹp đến khi nào hết mới thôi. Quyết tâm như vậy nhất định có ngày ta sẽ dẹp sạch chúng.

Có khi chúng ta nổi sân rất vô lý. Ví dụ đang vui vẻ, bất chợt nghe ai nói “chị ngu như con bò”, ta nổi sân lên liền. Người ta nói mình ngu như con bò mà mình có như con bò chưa? Nếu nổi sân lên chẳng khác nào ta nhận mình ngu rồi. Bây giờ nếu nghe nói “chị ngu như con bò”, mình cười trả lời: “Người xưa nói càng học càng thấy dốt, vậy tôi không ngu sao được?” Như vậy là hết chuyện, có gì phải nổi nóng, phải tức giận chứ. Vừa mới nghe nói “ngu như con bò” là nổi nóng liền, rồi làm dữ với người ta, đó là tự nhận mình làm bò rồi. Tất cả lời nói vốn không có giá trị thật. Vậy mà chúng ta vội nóng giận để tạo khổ cho nhau. Nếu biết lời nói không đúng, ta sẽ không khổ tí nào hết.

Ngày xưa, đức Phật đi giáo hóa ở vùng theo đạo Bà-la-môn. Sau khi nghe pháp của Ngài, dân chúng bỏ đạo Bà-la-môn qui y Phật. Các thầy Bà-la-môn tức lắm. Hôm sau Phật đi khất thực, một thầy Bà-la-môn chạy theo sau lưng kêu tên Phật chửi. Ông chửi hoài mà Phật vẫn đi ung dung thản nhiên, không quan tâm gì hết. Phật càng lặng thinh ông càng tức. Cuối cùng ông chạy đến đón đường Phật hỏi:

- Cù-đàm, Ngài có điếc không?

Phật nói:

- Không.

- Không điếc, tại sao tôi chửi Ngài không trả lời?

Phật bảo:

- Này Bà-la-môn, nếu ở nhà ông có giỗ mời người thân tới dự. Khi họ ra về, ông đem quà tặng nhưng họ không nhận thì quà đó thuộc về ai?

- Họ không nhận thì quà đó thuộc về tôi chớ về ai?

Phật nói:

- Cũng vậy, ông chửi ta nhưng ta không nhận thì lời lẽ đó thuộc về ai?

Quí Phật tử chịu nhận hay không nhận? Chúng ta vừa nghe thoang thoáng thôi là nhảy ra nhận liền cho nên mới khổ. Đức Phật bị kêu đích danh mà Ngài không nhận. Nếu ngày xưa Phật nhận rồi cự lộn với Bà-la-môn thì ngày nay chúng ta có lạy Ngài không?

Sở dĩ chúng ta lạy Phật mỗi đêm vì Ngài đã thắng được tham sân si. Sự việc lẽ ra phải giận mà Ngài không giận. Còn chúng ta tu chưa ai động tới đã lo giận trước rồi. Động tới liền giận, hóa ra ta là gì? Thánh Hiền hay La-sát đây?

Tu là để tiến lên Hiền Thánh, chớ không phải tu để đọa xuống thành yêu quái. Vậy tại sao chúng ta không chịu bỏ nóng giận. Bởi con người quá si mê chấp những lời nói vô nghĩa là thật, chấp thân này thật nên quay cuồng trong đảo điên. Người nói bậy đã sai, ta cự với họ có thành sai không? Cũng sai luôn. Người tỉnh sáng nghe lời sai lời bậy, biết rõ thì đâu có buồn giận. Vì vậy người tu phải là người tỉnh sáng, lúc nào cũng dùng trí tuệ, không để bị gạt lừa, đó mới gọi là tu.

Thí dụ ta tới bệnh viện tâm thần thăm bệnh nhân trong đó. Thấy mình họ liền kêu chửi, lúc đó chúng ta xử trí thế nào? Nên cự lại hay lặng lẽ đi với lòng thương xót. Nếu ta cự lại với người bệnh tâm thần hóa ra mình cũng bị tâm thần rồi. Người không biết phải quấy, hay chửi mắng, hay la hét là bệnh tâm thần, đáng thương hơn đáng giận. Nghĩ như vậy ta đâu có giận họ, đó là ta sáng suốt bình tĩnh.

Cũng thế, gặp bất cứ điều gì xảy ra, chúng ta biết dùng trí tuệ để giản trạch, phân biệt, đó là ta biết tu. Nếu không dùng trí tuệ giản trạch, ta sẽ cuồng loạn như người bệnh tâm thần. Cho nên người tu khác người không tu ở chỗ một bên ôm ấp bực bội, nóng nảy khiến tâm phát sanh cuồng loạn, còn một bên tỉnh táo sáng suốt, tâm cởi mở hỉ xả nên giải quyết mọi việc êm đẹp.

Ôm ấp nóng giận cũng giống như chứa cục lửa than trong lòng vậy. Nó đốt mỗi ngày khiến mình càng khô héo, chớ có tốt đẹp đâu. Có việc gì xảy ra liền bỏ qua cho khỏe, ôm ấp giận hờn làm chi cho khổ thân. Ôm ấp hoài khi nhắm mắt đem theo những hình ảnh ấy, đời sau gặp lại nữa. Phật dạy đời này ta thương yêu ai nhiều hay thù giận ai nhiều, khi chết sẽ gặp lại những người đó. Tại sao? Bởi vì trong tâm ta luôn nhớ đến hai hạng người này, chớ đâu có nhớ những người bình thường. Vì vậy muốn đời sau không khổ thì bây giờ bỏ hết, đừng giận, đừng thù ai. Được vậy hiện đời vui vẻ mà đời sau cũng nhẹ nhàng thanh tịnh, vì không tích lũy đau khổ trong lòng, lại khỏi cái khổ oán thù gặp lại.

Nhiều gia đình có con hiếu thảo thật đáng quí nhưng cha mẹ không thương, còn những đứa phá của thật dễ sợ lại rất thương. Đó chính là oán thù gặp lại, phải trả cho xong. Vì vậy nhìn trong gia đình, ta biết mình gặp lại nhau do thương hay do oán hờn từ đời trước. Nếu bỏ được oán hờn thì gặp lại nhau bình thường, không quá thương cũng không quá ghét. Ít thương ít ghét thì ít khổ, nếu được hết thương hết ghét thì hết khổ luôn.

Thế mà nhiều Phật tử nói: “Mình nhịn thì bị người ta chê dại!” Nhịn là dại hay khôn? Người ta cuồng, mình tỉnh thì ta hơn họ chớ sao thua. Đừng tưởng dùng ngôn ngữ không tốt chống đối nhau mới khôn, đó là lầm. Người không tốt ta nên im lặng để được

tốt trọn vẹn, chớ cãi với nhau thì cả hai thành không tốt. Người khéo tu, biết được đạo lý, lúc nào cũng phải tránh những cái khổ đời này và đời sau, nên phải bớt giận hờn oán thù, đừng ôm ấp nó trong lòng. Lòng được thảnh thơi nhẹ nhàng, sống một cách an vui tự tại, dù là nghèo vẫn không khổ. Còn người ôm nhiều oán hờn dù của cải đầy tràn vẫn khổ sở như thường. Nên nhớ người biết tu không chỉ tạo duyên tốt trong hiện tại, mà còn tạo duyên tốt cho cả đời sau nữa.

Trên đường tu, ta đi được một bước là an lành một bước, đi hai bước là an lành hai bước. Tu là như thế, chớ không phải tu là cầu xin Phật Tổ ban cho mình sự an vui tự tại. Phật không chấp nhận điều ấy. Người biết tu thì việc làm mới có ý nghĩa, người không biết tu chẳng những việc làm không có ý nghĩa mà còn phạm tội nữa. Biết tu là an lạc một đời, không biết tu thì đau khổ mãi trong đời này và cả đời sau. Cho nên người Phật tử chân chánh cần phải hiểu đạo lý một cách đúng đắn, không nên hiểu sai lầm để đời tu của mình trở thành vô nghĩa.

Phật tử qui y Tam Bảo, thọ trì năm giới để tu. Đó là điều thiết yếu. Nhiều vị tu mà không biết gì là gốc, gì là ngọn. Chúng ta tu sao cho bản thân mình được tốt đẹp, ảnh hưởng đến những người chung quanh cũng được tốt đẹp. Vì sao Phật dạy phải giữ giới không sát sanh? Ở đời ai cũng sợ chết. Mình đã sợ thì có nỡ làm cho người khác chết không? Ta trọng sanh mạng của mình thì cũng phải trọng sanh mạng của người, do đó không được sát sanh. Ta muốn sống thì cũng phải bảo vệ mạng sống của người khác. Đó là lẽ công bằng.

Giới thứ hai, không được trộm cắp. Ai cũng biết tiền của là mạng mạch của sự sống. Nếu mất tiền của, sự sống không còn bình an nữa. Ai cũng thấy tiền của quan trọng như thế, nên bị xâm phạm thì nổi tức muốn trả thù. Nếu ta biết bảo vệ của cải cho mình thì cũng nhớ bảo vệ của cải cho người. Vì vậy không trộm cướp là một lẽ công bằng trong cộng đồng xã hội loài người.

Giới thứ ba, không được tà dâm tức bảo vệ hạnh phúc gia đình. Trong gia đình, người chồng hoặc người vợ ngoại tình, gia đình đó tan nát, không còn hạnh phúc. Chúng ta muốn bảo vệ hạnh phúc gia đình mình thì phải bảo vệ hạnh phúc gia đình của người. Do đó Phật cấm không được tà dâm. Ba giới này hết sức thiết yếu trong cuộc sống, giữ được ba giới này là tránh khổ cho mình cho người nhiều lắm rồi đó.

Giới thứ tư không được nói dối. Thường trong gia đình từ cha mẹ đến con cái, chồng hoặc vợ dối gạt nhau, không ai thật thà với ai hết thì làm sao tin nhau được. Không tin thì có thương yêu không? Có tin mới có thương, không tin thì không thương. Như vậy, muốn gia đình hòa vui, tin yêu nhau thì mọi người phải thật thà với nhau. Đến ngoài xã hội cũng vậy, nếu chúng ta lừa gạt người này, dối trá người kia thì không ai tin mến mình cả. Chừng đó ta nói gì họ cũng không nghe. Thế là vô tình ta tự loại mình ra khỏi cộng đồng xã hội rồi, có khổ chưa? Bởi vậy nói dối rất nguy hại, trong gia đình mất tình

thương yêu; ngoài xã hội ta trở thành kẻ cô độc. Cho nên Phật cấm không cho nói dối.

Giới thứ năm không được uống rượu. Phật cấm không uống rượu mạnh, không uống say. Tại sao Phật lại cấm uống rượu, đâu có đánh đập ai, phiền lụy ai? Bởi vì người say rượu giống như kẻ điên mất hết trí khôn, tâm thể cuồng loạn. Cho nên Phật dạy rượu là nhân si mê, uống nhiều thì si mê nhiều, không uống thì tỉnh sáng. Uống rượu có hai điều hại. Thứ nhất là gieo hạt giống si mê, thứ hai là sanh bệnh hoạn. Đó là hại gần, còn xa nữa thì con cháu sanh ra cũng bị si mê theo, vì ảnh hưởng di truyền của cha mẹ. Vì vậy Phật cấm không cho uống rượu.

Hiện tại chúng ta không say mà còn lầm lẫn, huống là uống say thì bao nhiêu lầm lẫn khác xảy đến. Không làm chủ được mình, không giản trạch phải quấy, lúc đó rất dễ tạo tội. Ngày nay còn có ba thứ độc hại hơn rượu nữa là á phiện, xì ke, ma túy. Cho nên phải nói thêm, Phật tử không được uống rượu mạnh, uống say; không hút á phiện, xì ke, ma túy, đó là giới thứ năm. Tai hại của những thứ này nếu nói rộng ra thì sẽ làm xã hội băng hoại, con người gây vô số tội lỗi, chớ không phải thường.

Vì vậy bước đầu vào đạo, Phật dạy chúng ta phải giữ năm giới. Giữ năm giới là tu. Phật tử nào không phạm năm giới là người sống xứng đáng trong đạo cũng như đời. Do chúng ta biết giữ năm giới hiện đời bản thân mình tốt, mọi người chung quanh mến thương. Khi nhắm mắt biết chắc chắn sẽ trở lại làm người tốt, nên trong tâm không lo sợ hoảng hốt. Đó là tu Nhân thừa Phật giáo.

Người không sát sanh đời sau sanh ra tuổi thọ dài. Không trộm cướp đời sau sanh ra có tài sản nhiều. Không tà dâm đời sau sanh ra đẹp đẽ trang nghiêm. Không nói dối đời sau sanh ra nói năng lưu loát, ai cũng quí cũng tin. Không uống rượu mạnh, không uống say; không hút á phiện, xì ke, ma túy đời sau sanh ra được trí tuệ minh mẫn. Như vậy, giữ được năm giới hiện đời sống hạnh phúc, đời sau càng hạnh phúc hơn.

Nên nói tới tu là điều cần thiết cho bản thân mình, cho gia đình và cho cả xã hội nữa. Chớ không phải tu là cầu những chuyện lạ lùng, huyền bí. Nếu một thôn, một xóm ai cũng giữ tròn năm giới thì thôn xóm đó có vui không? Không ai sợ bị ăn cắp, sợ người khác hại, sợ người khác phá gia cang của mình v.v… Đó là chỗ hòa vui.

Vì vậy tu là biết được gốc của sự an vui. Những gì làm đau khổ chúng ta tránh, những gì tạo niềm an vui chúng ta làm thì cuộc đời tốt đẹp biết dường nào. Nếu không biết tu chúng ta cứ làm những điều xấu, rồi tự chuốc khổ cho mình cho người. Chính mình chủ nhân tạo ra mọi sướng khổ, chớ không phải thần thánh nào cả. Thế nhưng có người động tới liền xin thần thánh "tha cho con". Thật buồn cười.

Chúng ta gieo nhân tốt mới hưởng được quả tốt, không gieo nhân mà đòi hưởng quả đó là chuyện viển vông. Không cần phải xin xỏ ai cả, chỉ khéo tạo nhân tốt để được quả tốt, đó là người sáng suốt thực tế. Phật bảo đó là người khéo tu, biết tu vậy.

Mong tất cả quí vị hiểu được ý nghĩa “chữ tu” cho thật đúng, khéo ứng dụng vào cuộc sống của mình, thì dù nghe ít vẫn lợi lạc nhiều. Bằng ngược lại nghe nhiều mà không khéo tu, cứ mặc tình tạo các nghiệp bất thiện thì chẳng những không được chút lợi lạc, mà phải chuốc quả khổ đau nữa.

Chúc quí vị cố gắng tu đạt được nhiều an lạc trong hiện đời và cho cả mai sau.

☸

AI THỰC TẾ HƠN AI ?

TV. Chân Không - 2001

Đề tài tôi nói hôm nay là Ai thực tế hơn ai? Trước khi vào đề tài tôi xin hỏi câu này, nếu người thấy tờ giấy trắng mà nói đen và ngược lại, tờ giấy đen mà nói trắng thì chúng ta đánh giá người đó thế nào? Đúng theo danh từ nhà Phật gọi là điên đảo, tức cái thấy lộn ngược, không đúng lẽ thật.

Phật thường nói tất cả chúng sanh đều sống với vô minh điên đảo. Người không nhận ra lẽ thật, sống trong mờ mịt tăm tối, không thấm nhuần chân lý, gọi là người vô minh. Trở lại thực tế, ngay nơi bản thân chúng ta hiện giờ, là thật hay giả? Nói theo kinh sách thì nó giả, còn theo tình cảm của mình thì nó thật. Như vậy Phật nói sai hay chúng ta thấy sai? Chắc không ai dám nói Phật nói sai hết, thế thì chúng ta thấy sai. Phật thấy thân giả, chúng ta cho là thật, cũng như tờ giấy trắng ta nói đen. Rõ ràng cái thấy, cái biết của mình không đúng như thật.

Chúng ta cùng nhau tuần tự nghiệm xét lại vấn đề này. Nếu thân này thật thì ông cha chúng ta không chết, phải không? Thật thì còn hoài còn mãi, nhưng ta thấy ông chết rồi cha chết, anh em chết, mình chết, như vậy đâu có thật. Người này đi, người kia đi, ai cũng có mặt một thời gian rồi đi. Đó là đứng về lý vô thường thân không thật vì nó có sanh, có già, có bệnh, có chết. Nó là một dòng chuyển biến không dừng nên không thể thật được. Như mấy đứa trẻ con đốt một cây nhang, nó cầm quay nhanh nên ta thấy có một vòng tròn. Vòng tròn đó thật không? Nếu nói vòng tròn thật là ta nói sai, vì nó chỉ là một cây nhang quay nhanh thôi.

Trong con người chúng ta tế bào này sanh, tế bào kia diệt liên tục, do dòng chuyển biến không dừng ấy tạm kết thành thân. Từ trẻ đến già rồi chết, ta sống bằng sự chuyển biến không dừng, vậy mà ta chấp nó thật mới lạ chứ. Vì vậy chấp thân thật là vô minh. Từ vô minh lại sanh thêm các thứ ngã chấp pháp chấp khác nữa, cứ thế ta sống trong nhiều lớp mê mờ, khó thoát ra được. Do đó đau khổ phát sanh, và nỗi khổ lớn nhất là trầm luân mãi trong sanh tử.

Bước sang lĩnh vực thứ hai là duyên hợp. Phật dạy toàn bộ thân này do tứ đại hợp thành. Đất là chất cứng như tóc, lông, răng, móng, da, thịt, gân, xương… Nước là mồ hôi, máu mủ v.v… Gió là hơi thở ra vào làm thân chuyển động. Lửa là hơi ấm trong người. Bốn chất đó luôn có nơi thân, không thể thiếu thứ nào cả. Bốn chất đó

tồn tại được trong thân ta là nhờ mượn tứ đại bên ngoài đem vào. Vì vậy sự sống của chúng ta lúc nào cũng nương nhờ vay mượn. Nước thiếu mượn tách nước đem vô. Đất thiếu mượn ít chén cơm. Hơi ấm thiếu kiếm gừng, kiếm ớt ăn vào. Còn gió tức không khí thì ta mượn trả liên tục. Nếu trả mà không mượn lại là tử vong liền. Một sự sống vay mượn như vậy mà nói là của mình, là thật thì không điên đảo sao được?

Tóm lại, đứng về mặt thời gian thân này chuyển biến không dừng nên không thật. Đứng về mặt không gian thân này do vay mượn đất, nước, gió, lửa liên tục mà tồn tại nên cũng không thật. Như vậy khi quán sát kỹ ai cũng biết thân không thật, nhưng trên tình cảm, trên ảo tưởng của mình không ai dám nói nó giả cả. Chúng ta phạm một sai lầm lớn như thế nên làm gì cũng thất bại, cũng đau khổ.

Trong tất cả chúng ta có mấy người được giác ngộ? Kể cả hàng tu sĩ cũng thấy nó thật nữa huống chi người còn tóc. Mới thấy cội gốc vô minh của chúng sanh quá sâu đậm, gỡ bỏ thật là khó. Chúng ta chỉ thấy bằng ảo tưởng, chớ không phải từ trí tuệ nên mới có sự sai lầm ấy. Đó là điều hết sức quan trọng.

Khi thấy thân thật thì mọi nhu cầu của thân như tài, sắc, danh, thực, thùy hay sắc, thanh, hương, vị, xúc đều trở nên quan trọng, cần thiết, do đó người ta tìm kiếm, đòi hỏi. Ăn thì phải ngon, mặc phải đẹp, rất nhiều thứ ham muốn, cho nên tham phát sanh. Tham được thụ hưởng, lúc nào cũng muốn hơn người, thua là không được. Nếu ai ngăn trở cái mình muốn thì nổi tức lên, cự hoặc đánh người ta, đó là sân. Như vậy tham sân có là từ si. Thân không thật mà thấy thật đó là si, si là gốc vô minh.

Như vậy từ si có tham sân, mà tham sân có rồi thì đau khổ theo sau. Nếu không có si thì không có tham. Như thấy thân giả một cách rõ ràng dứt khoát thì hết tham liền. Vì thấy thật nên mới tham thụ hưởng. Nói tham, sân, si là không đúng lắm, lẽ ra phải nói si, tham, sân. Sân nổi ra ngoài thấy như dữ tợn lắm nhưng lại dễ dẹp. Ở cõi trời không có sân vì muốn gì được nấy. Còn ở đây muốn mà bị giành mất hoặc bị ngăn thành ra mới sân. Cho nên đối với thế gian sân quan trọng mà lên cõi trời thì hết quan trọng. Bởi vậy những người khá giả là có phước, muốn gì được nấy nên họ ít sân. Còn người nghèo ít phước, làm ăn trục trặc, nay được mai mất nên dễ sân, dễ bực tức. Hiểu thế mới biết gốc ngọn tất cả sự việc xảy ra từ mê lầm là đầu.

Thân chúng ta có hai phần, vật chất tức thể xác, tinh thần tức tâm linh. Có thể xác thì phải có tinh thần, có vật chất thì phải có tâm linh. Thể xác này chúng ta phân tích thấy không thật rồi, bây giờ đến tâm linh. Tâm mình là gì? Có ai không nói tôi suy nghĩ thế này, suy nghĩ thế kia, đó là tâm tôi. Mọi người đều cho những suy nghĩ, hiểu biết, phân biệt là tâm mình. Bây giờ ta thử quán sát xem điều này đúng không. Đây là một vấn đề tế nhị, sâu kín nên cần phải xem xét kỹ lưỡng mới được.

Như khi ai chọc giận ta la lên thì nói "tôi giận". Thế thì cái giận là tôi rồi, tâm tôi giận. Ai làm gì tốt, mình thấy thích thì nói "tôi thích", đó là tham. Ai chọc mình buồn thì

nói "tôi buồn", thấy người dễ thương, nói "tôi thương", thấy người dễ ghét nói "tôi ghét". Tóm lại tham cũng là tôi, sân cũng là tôi, buồn, thương, giận, ghét, tất cả đều là tôi, tâm tôi. Những thứ buồn, thương, giận, ghét, phải, quấy v.v… tất cả là tâm mình phải không? Đó là điều lâu nay Phật tử chưa giải quyết nổi, vì nghĩ nó là tâm mình.

Bây giờ tôi đặt câu hỏi, từ khi chúng ta còn bé cho tới lúc già tắt thở, mình là một hay nhiều? A từ trẻ đến già A là A hay A là B, là C… Hồi trẻ kêu anh A, già kêu bác A chớ đâu có kêu bác B, ông C, như vậy mình là một. Còn buồn, thương, giận, ghét cả trăm thứ thì cái gì là mình? Chẳng lẽ mình là một trăm thứ, ngàn thứ lộn xộn? Đó là một vấn đề chúng ta phải suy gẫm, nhận định cho chín chắn.

Thí dụ, có Phật tử đang buồn ngồi thở ra thở vô, ngó trời ngó mây dàu dàu, bất chợt ai chạy lại nói vé số anh mua hôm qua trúng rồi, lúc đó còn buồn không? Cười nhảy tưng lên. Nếu buồn là mình thì phải buồn hoài, đằng này đang buồn vừa nghe tin vui liền hết buồn. Nhưng nếu đang vui mà dò lại thấy trật hết một con số, lúc đó làm sao, buồn lại ngay. Đổi thay vùn vụt như vậy thì cái nào là thật mình?

Giận, ghét cũng vậy. Có những người mình ghét cay ghét đắng, nhưng hôm nào ta làm ăn thất bại, thiếu nợ thiếu nần, người đó mang số bạc lớn đến cho mượn để trả nợ, lúc đó mình còn ghét nữa không? Không ngay. Như vậy ghét thương không thật, tùy duyên mà có. Gặp duyên trái ý thì tức giận hay thất bại thì buồn phiền, không có gì nhất định hết. Không nhất định, đổi thay như chong chóng mà nói là tâm mình thì tâm mình đổi thay không thật rồi.

Lúc nào ta cũng cho tôi nói phải, nghĩ phải, ai cãi lại không chịu. Càng đi sâu vào tâm lý mới thấy đức Phật thật sáng suốt vô cùng. Phật dạy khi nghĩ, thì nói đây là cái nghĩ của tôi, đừng thêm cái nghĩ của tôi "là đúng". Trong nhân gian có gì là chân lý bất di bất dịch đâu, cái phải chỉ tương đối thôi, phải chỗ này mà không phải chỗ kia. Thí dụ luật pháp của nhà nước phong kiến thời xưa thì phụ nữ không được ra khỏi nhà, phải tam tòng tứ đức, nhưng luật pháp ngày nay phụ nữ bình quyền với nam giới. Nếu ta cho rằng hồi xưa đúng nghĩa là bây giờ không đúng. Nhưng nếu mọi người đều chấp nhận như thế thì ta nói sao đây. Nên biết không có pháp nào cố định, không có pháp nào đúng trong mọi lúc mọi chỗ cả.

Như vậy mà chúng ta cứ đặt thế này là phải, thế kia là quấy thì sáng suốt hay cố chấp? Đó là cố chấp. Vì thế mới xảy ra tranh cãi nhau có khi đập lộn nhau nữa, cũng vì cái phải của mình. Muốn tìm lẽ phải rất khó, bởi vì ai cũng bảo vệ lẽ phải thuộc về mình, khi so sánh đối chiếu khác nhau nên cự nhau. Đừng nói xa, hai vợ chồng thôi, nếu ai cũng giữ vững phần phải về mình thì cãi vã nhau là chuyện thường, hơn nữa thì đánh nhau, tệ hại nữa là ly dị luôn.

Nhìn kỹ con người ở thế gian này có trăm ngàn thứ lăng xăng, lộn xộn mà không có gì đúng với sự thật. Thế nhưng có ai cho là mình sai đâu. Ngay cả tên trộm cũng có cái

đúng của nó. Những cái đúng ấy đụng nhau, một người với một người thì cãi vã, một tập thể với một tập thể thì chống đối, nước này với nước kia thì chiến tranh v.v… Tất cả đều từ tâm chấp của mình mà gây ra bao nhiêu đau khổ. Nếu rõ biết suy nghĩ không thật, đây là cái nghĩ của anh, đây là cái nghĩ của tôi, không ai đúng không ai sai cả. Như vậy không ai đụng chạm ai, vì đâu có chấp đúng mà đụng chạm. Chỉ khi nào chấp ta "đúng", người nghĩ khác là "sai" mới sanh chuyện.

Ở thế gian từ chấp thân, giành giựt vật chất thụ hưởng nên sanh ra tranh đấu. Đến chấp tâm phải quấy hơn thua lại sanh ra tranh đấu nữa, làm con người khổ đau không cùng không tận cũng bởi hai thứ chấp đó. Chính vì vậy mà Phật dạy chấp thân không thật, chấp tâm cũng không thật, còn một cái thật chúng ta lại bỏ quên. Bây giờ phải trở lại, phải tìm kiếm cho ra cái thật đó, không thì chúng sanh sẽ đau khổ không biết kiếp nào mới hết.

Bởi chấp thân nên giành giựt tài sản, giành giựt tất cả những nhu cầu để thân được thụ hưởng sung sướng, cho nên con người mới tranh đấu với nhau. Bởi chấp tâm hơn thua, phải quấy nên cũng tranh đấu với nhau. Bây giờ thấy thân không thật, thấy tâm lăng xăng cũng không thật. Nếu chúng ta chịu khó nhìn lại tâm đang suy nghĩ phân biệt đó ra sao, nhìn lại thì nó mất tiêu, tìm không thấy mới biết nó rõ ràng không thật. Như khi ta nổi giận, mình xoay lại tìm xem cái giận đó ở đâu. Chừng nào tìm ra chỗ nơi của nó hãy giận thêm, tìm không ra bỏ đi cho khỏe. Như vậy tu dễ chớ đâu có khó.

Thật ra tu đơn giản lắm, không có bùa chú gì hết, chỉ cần nhìn lại những thứ lăng xăng lộn xộn xem nó ở đâu, tìm không ra thì nó mất. Tự nó mất tức biết nó không thật. Chúng ta tu theo Phật đã lâu mà không dám khẳng định thân này giả, tâm suy nghĩ giả, sợ thiệt thòi, sợ mất mình. Đó là chưa cương quyết. Làm sao một phen giác thì giác luôn đừng mê trở lại, biết giả thì giả luôn, đừng ngầm chấp thật. Chúng ta nghe kinh Phật nói biết thân tâm giả mà không dám nhận giả, bởi vậy lúc giác lúc mê, ở nhà thì mê, vào chùa thì giác nên tu hoài mà không hết khổ, rốt cuộc cũng tạo nghiệp luân hồi.

Mỗi đêm chúng ta tụng kinh Bát-nhã, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, là sắc uẩn thuộc về thân, thọ, tưởng, hành, thức uẩn thuộc về tâm. Thấy hai thứ đó không thật liền qua hết tất cả khổ nạn. Khi phân tích kỹ biết thân tâm không thật, đó là chiếu kiến ngũ uẩn giai không. Tánh là không, duyên hợp tạm có, không thật. Như vậy cái gì là mình thật? Đó là câu hỏi rất thâm trầm, phải can đảm lắm mới nhìn được điều này. Thân không thật, tâm suy nghĩ cũng không thật thì cái gì là mình đây?

Nhà Phật nói bên cạnh cái giả dối tạm bợ đó, còn một cái chân thật mà lâu nay chúng ta quên. Vì vậy hình ảnh anh chàng nhà nghèo được bạn đãi tiệc rượu, rồi nhét vô túi một hòn ngọc quí để anh dùng cho bớt khổ. Không ngờ có hòn ngọc trong túi mà anh quên đi, không biết nên kiếm sống bằng cách ăn mày. Như vậy anh khổ là vì quên, tới chừng được người bạn chỉ hòn ngọc trong túi. Sực nhớ, giật mình sờ tay vào túi gặp hòn

ngọc, anh liền thành phú gia, hết kiếp ăn mày, đâu có lâu gì.

> Phật đã khéo léo dùng ví dụ này trong kinh Pháp Hoa để chỉ cho chúng ta có cái chân thật, không một tí đau khổ nào hết mà lại quên. Chúng sanh cứ lao theo cái giả tạo nghiệp với nhau, để rồi luân hồi muôn kiếp, chịu không biết bao nhiêu là đau khổ. Chư Phật đã nói, các Tổ cũng nói mọi người đều có Tánh giác chân thật mà không hay biết, cứ lăn lộn trầm luân trong vọng tưởng đảo điên. Thế thì cái thật đó ở đâu, nó ra sao?

Tôi xin nêu một ví dụ đơn giản, như khi nhìn bình hoa, lúc đầu con mắt tôi chỉ thấy rõ bình hoa thôi. Nhưng bước thứ hai tôi lại phân biệt bình hoa này đẹp hay xấu. Đẹp thì ưa xấu thì chê, đó là bước thứ ba. Nếu ngay nơi niệm thứ nhất thấy bình hoa là bình hoa, lúc đó không có nghiệp gì hết. Nhưng khi bắt đầu khởi niệm phân biệt đẹp xấu liền sanh ra thương ghét. Từ cái thương ghét đó mà tạo nghiệp lành hoặc dữ. Như vậy cái gì dẫn chúng ta đi trong sanh tử? Là nghiệp vậy.

Nghiệp không có nơi cái thấy ban đầu mà có từ chặng thứ hai, thứ ba. Khi nhìn bình hoa chỉ thấy bình hoa, không khởi niệm gì cả thì vẫn biết bình hoa rõ ràng mà không dấy động, qua cái thấy thứ hai, thứ ba mới sanh chuyện. Thấy người cũng vậy, nếu chỉ thấy người biết người vậy thôi thì đâu có sanh chuyện. Nhưng ta thường không dừng lại ở cái thấy ban đầu, mà nhảy qua chặng thứ hai thấy người đó trắng, đen, có duyên, vô duyên rồi sanh thương, ghét v.v… Cho nên cái dẫn mình đi trong luân hồi là chặng thứ ba.

Nghe cũng thế, người ta nói tiếng gì mình nghe rõ tiếng ấy, nói lời hay lời dở đều nghe hết thì không sao, nhưng phân biệt đó là khen, là chê, là người thân kẻ thù thì sanh chuyện ngay. Thấy chỉ thấy, nghe chỉ nghe, ngửi chỉ ngửi, nếm chỉ nếm, không thêm phân biệt khen chê thì tất cả mọi việc đều yên ổn. Cái thấy, cái nghe không khởi phân biệt khen chê ấy có thể diễn tả hình dáng gì chăng? Còn khi ta ôn lại hoa này đẹp hoa kia xấu là do đối chiếu so sánh hình bóng của chúng nên mới khởi phân biệt khen chê. Nghĩa là đem bóng này so sánh với bóng kia, chỗ thấy bằng bóng niệm khởi, sanh diệt. Thế mà chúng ta thường sống với cái thấy sanh diệt ấy, còn cái thấy thứ nhất thì bỏ quên. Chặng đầu là chặng chân thật không tạo nghiệp, không nguy hiểm, chúng ta lại bỏ để chạy theo chặng thứ hai, thứ ba là sanh diệt, vì vậy mà có khổ đau.

Vậy chặng thứ nhất là gì? Cũng tâm, tâm đó biết nhưng mà không so sánh nên là tâm thật, còn tâm thứ hai thứ ba là tâm giả dối tạm bợ. Chúng ta không bao giờ dừng ở Tâm chân thật, mà thường chạy theo tâm thứ hai, thứ ba. Thiền sư thấy bình hoa là bình hoa, không thêm cái gì hết cho nên thấy như mù, nghe như điếc. Nhưng tuyệt nhiên không phải điếc, không phải mù, mà các ngài thấy nghe rất sáng rất rõ vì thấy nghe ngay chặng thứ nhất, chớ không phải chặng thứ hai, thứ ba.

Chúng ta ai cũng có cái thấy ở chặng thứ nhất cả, nhưng không chịu sống ngay nơi

đó mà thích nhảy sang các chặng sau. Thấy nhạy lắm nên nghĩ đẹp, nghĩ xấu, nghĩ hay, nghĩ dở cũng nhạy rồi từ đó có khen chê. Đó là điều hết sức thực tế mà người tu không biết, người đời cũng không biết. Thấy như mù, nghe như điếc, tưởng như không thấy không nghe. Đâu phải thế. Thấy rõ biết rõ nhưng không dấy khởi niệm nào nên tâm thanh tịnh. Vừa dấy khởi liền theo cảm tính thương ghét của mình nên mới có chuyện vui buồn.

Phật tử tu thiền, khi tọa thiền thấy niệm vừa dấy khởi liền nói vọng - buông. Niệm khởi là cái bị mình biết, nên nó không phải chủ, vì vậy ta mới buông. Buông hết, tâm được lặng lẽ, lúc đó ai biết lặng? Ví dụ tôi đang ngồi trong thất, có người khách tới chào hỏi nói chuyện, một lát người khách ấy ra về. Sau đó hai, ba người khách khác tới rồi cũng ra về. Người ngồi yên thấy khách ra khỏi thất, người đó là ai? Rõ ràng là Ông chủ chớ ai. Như vậy tâm mình biết được niệm khởi, niệm lặng, tức là Ông chủ chân thật vẫn bất động yên tịnh, có mặt thường xuyên để thấy các niệm sanh diệt biến đổi. Vậy mà ta lại quên mất Ông chủ, chạy theo các thứ động tịnh sanh diệt của tâm.

Đó là lý do tại sao chúng ta phải ngồi thiền, vì mình quá điên đảo, chạy ngược chạy xuôi không lúc nào dừng, cho nên ngồi lại để thấy rõ hình tướng của nó, chừng nào buông hết các thứ vọng niệm, lúc nó lặng chúng ta mới nhận ra mình chính là cái “biết” được có niệm hay không có niệm. Khi nó lặng mình biết lặng là Ông chủ hiện tiền.

Trong nhà Phật nói cỡi trâu đi tìm trâu, để chỉ cho chúng sanh điên đảo, muốn kiếm cái hiện tiền của mình mà lại quay lưng với chính nó thì biết bao giờ mới gặp được. Không đợi phải ngồi thiền mà bất cứ lúc nào, ngồi dưới cội cây chơi hóng mát, đầu óc rỗng rang, không nghĩ gì hết. Gió thổi nghe mát, chim kêu nghe tiếng, lúc đó có mình hay không có mình? Mình đang hiện tiền mới nghe mới thấy rõ ràng được chứ. Cái nghe cái thấy ban đầu tất cả chúng ta đều có mà đều quên, không sống với nó lại sống với những suy tính điên đảo nên sanh cuồng loạn khổ đau.

Chúng ta tu để làm gì? Để chừa các lầm mê chấp thân này thật, chấp tâm sanh diệt là tâm của mình rồi giành giật hơn thua phải quấy, làm khổ cho nhau. Khi nào biết hai thứ đó không thật rồi chúng ta mới nhận chân được cái chân thật bất sanh bất diệt của mình. Nó hiển hiện từ mắt, từ tai… sáu căn của chúng ta. Vì tâm này không sanh diệt nên không tạo nghiệp, không tạo nghiệp nên không luân hồi, không luân hồi thì giải thoát sanh tử rồi.

Chúng ta xét kỹ thân này dù được nuôi dưỡng cưng chiều mọi sự sung sướng, nhưng có giữ được không? Dù cưng chiều, nuôi dưỡng mấy, tới ngày nào đó cũng bại hoại. Cái không thể giữ được mà đem tất cả cuộc đời lo cho nó, như vậy không phải khờ dại là gì? Tâm sanh diệt lung tung không thật mà chấp là thật rồi sanh buồn thương giận ghét, gây đau khổ cho nhau, như vậy không phải vô minh là gì?

Chúng ta tự phụ mình, có cái thật mà bỏ chạy theo cái giả rồi kêu trời trách đất. Phật đã chỉ dạy tỏ tường, chúng ta không nghe theo, tới chừng khổ lại kêu cứu là

nghĩa làm sao? Chúng ta tu là phải gỡ bỏ cái không thật, để cái chân thật hiển bày. Giác ngộ là không thật biết không thật, biết đúng như vậy, không nghi ngờ. Ai hỏi thân anh thật không? Không thật. Bây giờ tôi chửi anh nghe không? Chửi thì cứ chửi, như vậy tự tại chưa. Nhờ thấy không thật nên ta không chấp gì hết, chửi cũng được, mắng cũng được, khinh khi cũng được, đã không thật thì có gì bận lòng.

Cho nên chỉ cần chiếu kiến ngũ uẩn đều không thì qua hết tất cả khổ ách. Sống trong cõi đời ngũ trược mà chúng ta thảnh thơi, tự tại, đói không sợ, rách không buồn, khen không mừng, chê không giận, còn gì nữa mà khổ. Tu tới chỗ cứu kính là vậy, cho nên Phật nói giác ngộ rồi mới giải thoát. Lâu nay chúng ta nói giác ngộ, giải thoát, mà không biết cái nào trước, cái nào sau. Thấy đúng như thật gọi là giác ngộ, từ giác ngộ mới chừa bỏ các nghiệp nên được giải thoát.

Biết như vậy rồi tu dễ hay khó, mau hay chậm? Trong kinh nói ba vô số kiếp, nhưng có khi Phật nói dễ như trở bàn tay. Tôi nhớ bài kệ của anh chàng hàng thịt sau khi đã giác ngộ như vầy:

Tạc nhật dạ-xoa tâm,

Kim triêu Bồ-tát diện,

Dạ-xoa dữ Bồ-tát,

Bất cách nhất điều tuyến.

Tôi dịch:

Hôm qua tâm dạ-xoa,

Ngày nay mặt Bồ-tát,

Dạ-xoa cùng Bồ-tát,

Không cách một đường tơ.

Không cách một đường tơ thì có xa gì đâu, như bàn tay lật xuống là úp, lật lên là ngửa. Dễ quá, chúng ta thấy thân thật, tâm lăng xăng thật là úp, thấy thân không thật, tâm không thật là ngửa. Thấy thân tâm này thật tức mê lầm, đó là phàm tục dạ-xoa, còn thấy nó giả dối không thật là Bồ-tát rồi. Như vậy Bồ-tát và dạ-xoa cách nhau bao xa, thế nhưng chúng ta cứ than tu không biết chừng nào! Cho nên người xưa thường nói hồi đầu thị ngạn, nghĩa là quay đầu lại thì bờ bên kia liền. Ngó ra là bờ sanh tử, xoay lại là bờ giải thoát, không có đường tơ ngăn cách nào hết, chỉ đổi cái nhìn thôi.

Trở lại vấn đề "ai thực tế hơn ai?" Người lo bồi dưỡng thân này ấm no sung túc, có danh vọng, giàu sang, mọi người quí phục; còn một người thấy rõ thân này hư dối, tâm sanh diệt hư dối, lo tìm cho ra cái chân thật của chính mình rồi chỉ cho người khác cùng

sống được như vậy. Hai người này ai thực tế hơn ai? Một người đuổi theo cái sẽ mất, sẽ bại hoại, còn một người tìm ra cái chân thật của chính mình, không bao giờ mất, không bao giờ hoại, ai thực tế hơn ai? Câu hỏi này tôi xin nhường phần trả lời lại cho tất cả mỗi chúng ta.

Có người biết rõ sự thật mà can đảm nhận hay không can đảm nhận, lại là chuyện khác. Cũng thế, chúng ta đồng học Phật, tu Phật mà có người thành tựu an lạc, có người càng tu càng phiền não thêm, chớ chẳng được chút lợi ích nào cả. Đó là quyền của mỗi vị, chớ không ai xen vào được. Chúng tôi chỉ có trách nhiệm trình bày, còn phần thực hành được hay không là ở nơi mỗi hành giả. Chúc tất cả nhận ra được ai thực tế hơn ai để con đường mình đi không bị sai lầm.

☸